

Số: 159 /BC-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO

**Về danh mục, kế hoạch vốn các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố và hỗ trợ ngành dọc khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020;
Danh mục, kế hoạch vốn các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Căn cứ Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

- Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố: số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của thành phố Hà Nội; số 09/2015/NQ-HĐND ngày 02/12/2015 về tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C và nội dung ủy quyền cho Thường trực HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố, số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục các công trình trọng điểm và danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển giai đoạn 2016-2020 của thành phố Hà Nội;

Tất cả các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục triển khai giai đoạn 2016-2020 và các dự án khởi công mới năm 2016 tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 thuộc các chương trình và dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố đã được HĐND Thành phố thông qua danh mục và kế hoạch vốn chi tiết của từng dự án tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016. Tại Nghị quyết này, HĐND Thành phố giao UBND Thành phố hoàn thiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư, trình các cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định, báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp giữa năm 2017 để được xem xét, thông qua.

UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố về danh mục, kế hoạch vốn các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố, hỗ trợ ngành dọc khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 và danh mục, kế hoạch vốn các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố như sau:

I. Các chương trình, dự án đã được thông qua chi tiết và một số nội dung tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm của Thành phố giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, căn cứ Thông báo số 471-TB/TU ngày 30/11/2016 về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tại Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy họp ngày 16/11/2016, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố Báo cáo số 214/BC-UBND ngày 28/11/2017 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp thành phố Hà Nội.

Tại kỳ họp thứ 3 HĐND Thành phố khóa XV đã thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 với tổng mức vốn đầu tư công trung hạn cấp Thành phố là **90.910 tỷ đồng**, trong đó:

1. Các chương trình, dự án đã được thông qua chi tiết với kinh phí tổng cộng là 60.658 tỷ đồng, bao gồm:

a) Bố trí nguồn vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng là 10.519 tỷ đồng.

b) Bố trí nguồn vốn hỗ trợ đặc thù cho cấp huyện là 1.803 tỷ đồng, gồm:

+ Hỗ trợ 606 tỷ đồng cho một số địa phương phải dành đất phục vụ giải phóng mặt bằng và bị ảnh hưởng bởi các dự án xây dựng bãi rác tập trung, nghĩa trang tập trung, các dự án trọng điểm của quốc gia và Thành phố;

+ Hỗ trợ cho cấp huyện xây dựng trường học đạt chuẩn là 812 tỷ đồng;

+ Hỗ trợ cho cấp huyện xây dựng trường học, trạm y tế đạt chuẩn từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô 860 tỷ đồng. Trong đó đã bố trí năm 2016 và 2017 là 385 tỷ đồng (2016 đã bố trí 195 tỷ đồng; 2017 đã bố trí 190 tỷ đồng).

c) Bố trí vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố là 5.806 tỷ đồng, bao gồm:

- Bố trí vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới có lồng ghép thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020 theo Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 của UBND Thành phố là 5.430 tỷ đồng.

- Bố trí vốn thực hiện 02 Chương trình mục tiêu Thành phố là 376 tỷ đồng, trong đó:

+ Chương trình Công nghệ thông tin là: 6 tỷ đồng.

+ Chương trình Giảm thiểu ùn tắc giao thông là 370 tỷ đồng.

d) Bố trí vốn thực hiện các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố là 42.530 tỷ đồng, bao gồm:

- Bố trí vốn thực hiện 178 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục triển khai giai đoạn 2016-2020 là 32.873 tỷ đồng

- Bố trí vốn thực hiện 102 dự án khởi công mới năm 2016 tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 là 9.027 tỷ đồng.

- Bố trí vốn đã thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện trong năm 2016 của các dự án dự kiến khởi công trong giai đoạn 2017-2020 là 30,65 tỷ đồng.

- Bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư là 600 tỷ đồng.

Như vậy, tất cả các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục triển khai giai đoạn 2016-2020 và các dự án khởi công mới năm 2016 tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 thuộc các chương trình và dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố đã được HĐND Thành phố thông qua danh mục và kế hoạch vốn chi tiết của từng dự án tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016. HĐND Thành phố đã thông qua mức vốn dự kiến để khởi công và thực hiện các dự án đầu tư cấp thiết của Thành phố và các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện đề nghị ngân sách Thành phố hỗ trợ thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 và giao UBND Thành phố hoàn thiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án mới chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư, trình các cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định, báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp năm 2017 để được xem xét, thông qua.

2. Một số nội dung tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm của Thành phố giai đoạn 2016-2020

2.1. Tổng nguồn vốn đã được thông qua, cần tiếp tục hoàn thiện phân bổ chi tiết với kinh phí 30.252 tỷ đồng, bao gồm:

a) Bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu cho 17 huyện và thị xã là 7.400 tỷ đồng. Trong đó đã bố trí năm 2016 và 2017 là 2.251,38 tỷ đồng (2016 đã bố trí 1.494 tỷ đồng; 2017 đã bố trí 601 tỷ đồng cho dự án chuyển tiếp (đã được HĐND Thành phố thông qua dự toán năm 2016 và năm 2017 nhưng chưa báo cáo trong kế hoạch đầu tư công trung hạn) và 156,941 tỷ đồng 5 huyện sử dụng để trả nợ XDCB); Số vốn còn lại chưa phân bổ là **5.148 tỷ đồng**.

b) Bố trí vốn hỗ trợ cho cấp huyện xây dựng trường học, trạm y tế đạt chuẩn từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô 859,5 tỷ đồng. Trong đó đã bố trí năm 2016 và 2017 là 385 tỷ đồng. Số vốn còn lại chưa phân bổ là **474,5 tỷ đồng**.

c) Bố trí vốn thực hiện Chương trình mục tiêu của Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông là **630 tỷ đồng**.

d) Bố trí vốn để khởi công và thực hiện các dự án đầu tư cấp thiết trong giai đoạn 2017-2020 là **21.746,79 tỷ đồng** (chưa tính 30 tỷ đồng đã bố trí cho công tác chuẩn bị thực hiện năm 2016).

2.2. Một số nội dung phát sinh, bổ sung, bao gồm:

a) Bổ sung nguồn vốn vay ngân quỹ nhà nước tạm thời nhân rồi: Căn cứ công văn số 559/BTC-KBNN ngày 26/5/2017 của Bộ Tài chính, trước mắt trong năm 2017, Bộ Tài chính thực hiện tạm ứng 2.000 tỷ đồng từ ngân quỹ nhà nước cho UBND thành phố Hà Nội triển khai thực hiện các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2017, các dự án trọng điểm, cấp bách của Thành phố và các dự án triển kết cấu hạ tầng, tạo không gian phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao giá trị đầu giá quyền sử dụng đất cần đẩy nhanh tiến độ sử dụng nguồn vốn này theo đúng nội dung công văn của UBND Thành phố: số 54/UBND-KT ngày 07/4/2017 và số 86/UBND-KT ngày 28/4/2017. Vì vậy, trước mắt, UBND Thành

Ab
Bab

phổ báo cáo HĐND Thành phố thông qua nguồn vốn bổ sung cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố từ nguồn vốn vay ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi và danh mục dự án sử dụng nguồn vốn này. Việc xây dựng phương án tổng thể huy động, sử dụng, hoàn trả các nguồn vốn vay của ngân sách Thành phố để triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, UBND Thành phố sẽ xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn gắn với kế hoạch đầu tư công trung hạn và báo cáo HĐND Thành phố theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ về quy định một số cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội.

b) Bổ sung nguồn vốn tài trợ, đóng góp của nhà đầu tư cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố: Hiện nay, Thành phố triển khai đầu tư xây dựng một số tuyến đường bằng nguồn vốn tài trợ, đóng góp của nhà đầu tư dự kiến cho 04 dự án với kinh phí 288,948 tỷ đồng (Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường số 1, số 2, số 3 và tuyến đường số 5 vào trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây - nguồn vốn hỗ trợ không hoàn lại của Công ty TNHH Phát triển THT). Theo quy định tại Điều 37 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, khoản kinh phí huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật là nguồn thu của ngân sách địa phương và các khoản kinh phí này chưa được tính vào cân đối thu và tổng nguồn dành cho chi đầu tư phát triển đã được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016. Vì vậy, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố thông qua nguồn vốn bổ sung cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố từ nguồn vốn tài trợ, đóng góp của nhà đầu tư và danh mục 04 dự án sử dụng nguồn vốn nêu trên.

II. Nhu cầu đầu tư, nguyên tắc phân bổ và thứ tự ưu tiên bố trí vốn:

1. Nhu cầu đầu tư các dự án đề xuất khởi công mới giai đoạn 2017-2020 của cấp Thành phố

Nhu cầu danh mục các dự án đầu tư do các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã đề xuất khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 trong thời gian qua, bao gồm:

- Danh mục **187 dự án** dự kiến khởi công mới giai đoạn 2017-2020 với tổng kinh phí kế hoạch vốn dự kiến **19.042 tỷ đồng**, Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố đã báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy tại Báo cáo số 446-BC/BCS ngày 21/11/2016.

- Danh mục **06 dự án** dự kiến khởi công mới giai đoạn 2017-2020 thuộc Chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông của Thành phố;

- Danh mục **135 dự án mới**, tại các buổi làm việc với Thường trực Thành ủy và đồng chí Bí thư Thành ủy, các quận, huyện và thị ủy đã đề xuất Thành phố quan tâm bố trí vốn, bao gồm: 86 dự án thuộc nhiệm vụ chi của Ngân sách Thành phố (trong đó đã có 38 dự án nằm trong danh mục 187 dự án nêu trên đã báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và 3 dự án nằm trong danh mục Chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông của Thành phố); 26 dự án các quận, huyện, thị xã đề

xuất đầu tư từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất tại địa phương (đề xuất cơ chế đặc thù) và 23 dự án thuộc nhiệm vụ chi của Ngân sách cấp huyện.

- Danh mục **44 dự án và nhóm dự án**, UBND Thành phố đã có các kết luận chỉ đạo cần thiết và cấp thiết cần triển khai trong giai đoạn 2017-2020 (trong đó 26 dự án lĩnh vực giao thông, 09 dự án lĩnh vực đề điều, thủy lợi và các dự án, nhóm dự án đầu tư và hỗ trợ ngành dọc thuộc lĩnh vực An ninh, quốc phòng, PCCC, Tòa án, Viện kiểm sát theo chỉ đạo của Trung ương). Qua rà soát có 16 dự án trùng danh mục 187 dự án nêu trên đã báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy; 1 dự án trùng danh mục Chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông của Thành phố và 1 dự án trùng danh mục Thông báo của Thành ủy.

Như vậy, tổng số danh mục dự án do các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã đề xuất đầu tư khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cấp Thành phố là **264 dự án và nhóm dự án**; với tổng mức đầu tư ước tính khoảng **55.000 tỷ đồng** (gấp 2,53 lần so với nguồn vốn hiện có là 21.746,79 tỷ đồng).

2. Nguyên tắc phân bổ và thứ tự ưu tiên bố trí vốn các dự án để khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 của cấp Thành phố

Trong điều kiện nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 lên tới khoảng 55.000 tỷ đồng, nhưng nguồn vốn hiện thực có khả năng phân bổ chỉ là 21.747 tỷ đồng theo Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố, do vậy cần tuân thủ các nguyên tắc và thứ tự ưu tiên bố trí vốn như sau:

a) Nguyên tắc phân bổ:

- Tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị định, hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương về đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế của Thành phố theo các tiêu chí, định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đảm bảo tuân thủ quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của Thành phố đã được HĐND Thành phố quyết nghị.

- Bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên hàng dọc (các dự án cần triển khai cấp bách sẽ đẩy nhanh tiến độ thủ tục, đề xuất cơ chế đặc thù và bố trí vốn triển khai ngay).

- Bố trí vốn tập trung, đáp ứng nhu cầu vốn triển khai theo tiến độ, thời gian thực hiện thi công xây dựng ngắn nhất có thể (dự án nhóm C chủ yếu thực hiện trong 1 năm, dự án nhóm B chủ yếu thực hiện trong 2 năm, trường hợp dự án có quy mô lớn mới thực hiện trong 3 năm).

- Mức vốn bố trí cho mỗi dự án tương ứng khoảng 90% tổng mức đầu tư (do đã bố trí nguồn vốn quyết toán riêng và tạm giảm chi phí dự phòng của dự án do bố trí vốn tập trung, giảm thời gian thực hiện).

- Hạn chế tối đa các dự án sửa chữa, cải tạo.

b) Thứ tự ưu tiên bố trí vốn:

- Các dự án, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND Thành phố thông qua;

- Các dự án, công trình cấp bách cần triển khai ngay nhằm giảm thiểu ùn tắc giao thông, xử lý môi trường, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội;
- Các dự án thiết yếu đến đời sống dân sinh và cho sự phát triển của Thành phố;
- Các dự án, công trình cần thiết phải đầu tư khác.

III. Phương án Kế hoạch đầu tư công các dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2017-2020 của Thành phố và kế hoạch hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã trong 5 năm 2016-2020:

1. Phương án Kế hoạch đầu tư công các dự án XD CB tập trung và dự án hỗ trợ ngành dọc dự kiến khởi công mới giai đoạn 2017-2020 của cấp Thành phố:

Tổng nguồn vốn cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 là **21.746,79 tỷ đồng** (trong đó, năm 2018: 4.518 tỷ đồng, năm 2019: 8.454 tỷ đồng, năm 2020: 8.775 tỷ đồng) được phân bổ chi tiết cho **117 dự án và nhóm dự án**, cụ thể như sau:

1.1. Phân theo tính chất, sự cần thiết của dự án:

- **Nhóm dự án cấp bách cần triển khai ngay:** 14 dự án với tổng kinh phí là 5.944,29 tỷ đồng.

- **Nhóm dự án thuộc lĩnh vực ngành dọc:** An ninh, Quốc phòng, phòng cháy chữa cháy, Tòa án, Viện kiểm sát: 14 dự án và nhóm dự án với tổng kinh phí là 3.105 tỷ đồng.

(Tổng nhu cầu các bộ ngành đề nghị UBND Thành phố hỗ trợ kinh phí thực hiện là 10.587 tỷ đồng, trong đó: Bộ Công an đề nghị tại văn bản số 1300/BCA-CAHN ngày 01/6/2016 với kinh phí 1.584 tỷ đồng cho 14 dự án và nhóm dự án xây dựng trụ sở làm việc công an cấp Thành phố, cấp quận, cấp phường, đồn, đội và văn bản số 1263/BCA-H43 ngày 27/5/2016, kinh phí 2.821 tỷ đồng cho 13 dự án lĩnh vực phòng cháy chữa cháy; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có văn bản số 2124/THAN-VP ngày 09/11/2016 đề xuất 1.120 tỷ đồng cho 4 dự án; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có văn bản số 2651/VKS-TC ngày 11/11/2016 đề xuất 535 tỷ đồng cho 7 dự án; Bộ Tư lệnh Thủ đô có văn bản số 1881/BC-BTC ngày 02/8/2016 và tại cuộc họp với UBND Thành phố Hà Nội, Bộ Quốc phòng đề xuất tổng cộng 4.527 tỷ đồng)

- **Nhóm dự án cần thiết triển khai:** 89 dự án với tổng kinh phí là 12.697,5 tỷ đồng.

1.2. Phân theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực hạ tầng đô thị và giao thông: **49 dự án** (chiếm 41,9% tổng số dự án) với tổng kinh phí là **13.095,29 tỷ đồng** (chiếm 60,2% tổng nguồn vốn);

- Lĩnh vực văn hóa xã hội: **21 dự án** (chiếm 18,0%) với tổng kinh phí là **1.901 tỷ đồng** (chiếm 8,7%);

- Lĩnh vực công nghiệp - thương mại - dịch vụ: **07 dự án** (chiếm 6,0%) với tổng kinh phí là **282 tỷ đồng** (chiếm 1,3%);

- Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: **19 dự án** (chiếm 16,2%) với tổng kinh phí là **823,5 tỷ đồng** (chiếm 3,8%);

- Lĩnh vực thông tin - truyền thông: **02 dự án** (chiếm 1,7%) với tổng kinh phí là **890 tỷ đồng** (chiếm 4,1%);

- Lĩnh vực hành chính nhà nước (xây dựng trụ sở cơ quan thuộc Thành phố): **05 dự án** (chiếm 4,3%) với tổng kinh phí là **1.650 tỷ đồng** (chiếm 7,6%);

- Lĩnh vực an ninh - quốc phòng - phòng cháy chữa cháy - Tòa án - Viện kiểm sát: **14 dự án** và nhóm dự án (chiếm 12,0%) với tổng kinh phí là **3.105 tỷ đồng** (chiếm 14,3%).

1.3. Dự án chỉ đề xuất danh mục để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2017-2020:

Đề xuất bố trí danh mục để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2017-2020, cụ thể cho 4 danh mục dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Hà Nội, gồm: tuyến 2, đoạn Trần Hưng Đạo - Thượng Đình; tuyến 3, đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai; tuyến Nam Thăng Long - Nội Bài; tuyến 5, đoạn Láng - Hòa Lạc để đảm bảo đủ điều kiện kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài hoặc đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP. (Chi tiết tại biểu phụ lục số 3)

Đối với các dự án thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư (đề lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư) thực hiện cơ chế thanh toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư trong nguồn vốn giao hàng năm cho công tác chuẩn bị đầu tư, trong giai đoạn 2017-2020, ngân sách Thành phố đã cân đối 600 tỷ đồng, đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016.

1.4. Về việc hoàn thiện thủ tục đầu tư của 117 dự án, nhóm dự án:

- Tổng số dự án đã có quyết định phê duyệt dự án đầu tư: 26 dự án (chiếm 22,2%), trong đó 12 dự án đã có thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt.

- Tổng số dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: 37 dự án (chiếm 31,6%). (Sẽ tiếp tục cập nhật trước khi HĐND Thành phố họp)

- Tổng số dự án chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: 54 dự án và nhóm dự án (chiếm 46,2%).

1.5. Đánh giá chung kết quả phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố:

Như vậy, với phương án dự kiến bố trí kế hoạch vốn cho dự án khởi công mới 2017-2020 như trên, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố cho các dự án XDCB tập trung của cấp Thành phố như sau:

Tổng cộng 397 dự án với tổng kinh phí 64.277 tỷ đồng, bao gồm:

+ 178 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục triển khai giai đoạn 2016-2020 với kinh phí 32.873 tỷ đồng (chiếm 44,8% về tổng số dự án và 51% về tổng số vốn bố trí cho các dự án XDCB tập trung của Thành phố trong giai đoạn 2016-2020);

+ 102 dự án khởi công mới năm 2016 tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 với kinh phí 9.027 tỷ đồng (*chiếm 25,7% về tổng số dự án và 14% về tổng số vốn*);

+ 117 dự án và nhóm dự án (trong đó có 96 dự án và nhóm dự án nằm trong danh mục danh mục 187 dự án nêu trên đã báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy) dự kiến khởi công mới thực hiện đầu tư cấp thiết trong giai đoạn 2017-2020 với kinh phí 21.747 tỷ đồng (*chiếm 29,5% về tổng số dự án và 33,9% về tổng số vốn*).

Phân theo từng lĩnh vực đầu tư như sau:

- Lĩnh vực phát triển hạ tầng đô thị và các dự án sử dụng vốn nước ngoài ODA: **149 dự án** (chiếm 37,5% tổng số dự án) với tổng kinh phí là **39.246 tỷ đồng** (chiếm 61,1% tổng nguồn vốn, chưa bao gồm 1.000 tỷ đồng bố trí thực hiện Chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông);

- Lĩnh vực văn hóa xã hội: **98 dự án** (chiếm 24,4%) với tổng kinh phí là **6.154 tỷ đồng** (chiếm 9,6%);

- Lĩnh vực công nghiệp - thương mại - dịch vụ: **15 dự án** (chiếm 3,8%) với tổng kinh phí là **759 tỷ đồng** (chiếm 1,2%);

- Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: **84 dự án** (chiếm 21,2%) với tổng kinh phí là **9.614 tỷ đồng** (chiếm 15%) - (*chưa bao gồm ngân sách Thành phố cân đối bố trí hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã là 9.678 tỷ đồng để thực hiện các dự án có ý nghĩa phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và hỗ trợ các huyện, thị xã xây dựng nông thôn mới là 5.430 tỷ đồng*);

- Lĩnh vực KHCN, thông tin - truyền thông: **09 dự án** (chiếm 2,3%) với tổng kinh phí là **1.716 tỷ đồng** (chiếm 2,7%);

- Lĩnh vực hành chính nhà nước (xây dựng trụ sở cơ quan thuộc Thành phố): **07 dự án** (chiếm 1,8%) với tổng kinh phí là **1.793 tỷ đồng** (chiếm 2,8%);

- Lĩnh vực an ninh - quốc phòng - phòng cháy chữa cháy - Tòa án - Viện kiểm sát: **35 dự án và nhóm dự án** (chiếm 8,8%) với tổng kinh phí là **4.396 tỷ đồng** (chiếm 6,8%).

(Chi tiết tại các biểu phụ lục số 1, 2)

2. Danh mục và kế hoạch vốn thực hiện 04 dự án thuộc Chương trình mục tiêu Thành phố về giảm thiểu ùn tắc giao thông khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 630 tỷ đồng, trong tổng số 1.000 tỷ đồng trong 5 năm 2016-2020.

(Chi tiết tại biểu phụ lục số 4)

3. Danh mục, kế hoạch vốn các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội, bao gồm:

3.1. Danh mục 274 dự án và kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã giai đoạn 2016-2020 là 7.400 tỷ đồng; trong đó riêng cho 172 dự án dự kiến khởi công trong giai đoạn 2017-2020 với kinh phí 4.858,71 tỷ đồng. Danh mục dự án chi tiết của từng đơn vị đang báo cáo Thường trực HĐND Thành phố xem xét, chấp thuận nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

(Chi tiết tại biểu phụ lục số 5)

3.2. Danh mục 66 dự án và kế hoạch vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô hỗ trợ cho cấp huyện xây dựng trường học, trạm y tế đạt chuẩn trong giai đoạn 2016-2020 là 859,5 tỷ đồng; trong đó phân bổ cho 23 dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 408 tỷ đồng. *(Chi tiết tại biểu phụ lục số 6)*

4. Một số nội dung phát sinh, bổ sung:

4.1. Danh mục 24 dự án và phương án bổ sung nguồn vốn vay ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi là 2.000 tỷ đồng.

(Chi tiết tại biểu phụ lục số 7)

4.2. Danh mục 4 dự án và phương án bổ sung nguồn vốn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân là 288,95 tỷ đồng.

(Chi tiết tại biểu phụ lục số 8)

5. Đánh giá kết quả đạt được:

Với cách đổi mới phương án bố trí vốn theo nguyên tắc hàng dọc và rất tập trung thực hiện, các dự án sẽ được tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện, sẽ tiết giảm chi phí đầu tư khoảng 5-10% tổng mức đầu tư do rút ngắn thời gian thi công, tránh được tình trạng trượt giá, tăng tổng mức đầu tư, đảm bảo sớm đưa công trình vào sử dụng: 391 dự án hoàn thành/397 dự án được bố trí vốn thực hiện đầu tư, các dự án sử dụng nguồn vốn vay nhàn rỗi và vốn huy động đóng góp của các cơ quan, tổ chức, các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cho cấp huyện và các dự án sử dụng nguồn vốn xổ số kiến thiết Thủ đô cũng đều hoàn thành trong giai đoạn.

Công trình hoàn thành tạo ra sản phẩm, nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, hệ thống tư pháp, nội chính đã được Trung ương chỉ đạo, đảm bảo các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI, các Chương trình của Thành ủy, Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của Thành phố; giải quyết những vấn đề bức xúc dân sinh phục vụ mục tiêu phát triển đồng bộ, hiện đại hóa từng bước kết cấu hạ tầng đô thị, giảm thiểu ùn tắc giao thông; thực hiện mục tiêu xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn và xây dựng nông thôn mới (đến năm 2020 tăng thêm 146 xã và 10 huyện đạt chuẩn nông thôn mới so với năm 2015, đạt trên 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, cùng với việc huy động được các doanh nghiệp tham gia đầu tư các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và cung cấp nước sạch nông thôn, dự kiến sẽ cơ bản hoàn thành chỉ tiêu liên quan đến tăng trưởng GRDP nông nghiệp (3,5-4,0%); phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và nông nghiệp thực hiện các nhóm chỉ tiêu về kinh tế; đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ trường học đạt chuẩn (đến hết năm 2015, Hà Nội có 2.093 trường công lập, trong đó 1.103 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 52,7%, dự kiến trong 5 năm 2016-2020 số trường THPT đạt chuẩn quốc gia tăng thêm là 21 trường, Thành phố dự kiến kêu gọi đầu tư 05 trường THPT theo hình thức đối tác công tư và hoàn thành 306 trường học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô 59 trường, hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Thành phố 107 trường và

ngân sách cấp huyện khoảng 140 trường; đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo (cùng với các trường đào tạo nghề của Trung ương trên địa bàn và ngoài công lập, đảm bảo tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 70-75%); đảm bảo chỉ tiêu 26,5 giường bệnh trên vạn dân (đầu tư nâng cấp và xây dựng mới 15 bệnh viện với số giường bệnh công lập tăng thêm là 1.050 giường, dự kiến số giường bệnh trung ương phục vụ trên địa bàn Hà Nội dự kiến tăng thêm 2.780 giường, các dự án xã hội hóa để bù đắp khoảng 2.650 giường; tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế đến năm 2020 đạt 100%).

IV. Đề xuất, kiến nghị:

UBND Thành phố xin báo cáo và kiến nghị với HĐND Thành phố xem xét một số nội dung:

1. Xem xét, thông qua danh mục và kế hoạch vốn các dự án xây dựng bản tập trung của Thành phố khởi công mới, các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ ngành dọc và hỗ trợ các huyện, thị xã trong giai đoạn 2017-2020 thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1.1. Danh mục 103 dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố và 14 dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ ngành dọc khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 với kế hoạch vốn thực hiện là 21.747 tỷ đồng, bao gồm:

- Danh mục 63 dự án đã đủ điều kiện đề xuất vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn với kế hoạch vốn chi tiết thực hiện các dự án là 5.342 tỷ đồng.

- Danh mục 54 dự án và nhóm dự án dự kiến đề xuất vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn với tổng kế hoạch vốn thực hiện các dự án 16.405 tỷ đồng.

1.2. Danh mục 04 dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội cần triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2017-2020.

1.3. Danh mục 04 dự án và tổng kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu Thành phố về giảm thiểu ùn tắc giao thông, khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 630 tỷ đồng, trong tổng số 1.000 tỷ đồng trong 5 năm 2016-2020.

1.4. Danh mục, kế hoạch vốn các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội, bao gồm:

- Danh mục 274 dự án và kế hoạch vốn 7.400 tỷ đồng ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện trong 5 năm 2016-2020.

- Danh mục 66 dự án và kế hoạch vốn 859,5 tỷ đồng Xổ số kiến thiết Thủ đô hỗ trợ cho cấp huyện trong 5 năm 2016-2020.

1.5. Phê duyệt danh mục và phương án bổ sung nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, bao gồm:

- Danh mục 24 dự án và phương án bổ sung nguồn vốn vay ngân quỹ nhà nước tạm thời nhân rồi là 2.000 tỷ đồng.

- Danh mục 04 dự án và phương án bổ sung nguồn vốn từ tài trợ, đóng góp của nhà đầu tư là 288,95 tỷ đồng.

2. Đề xuất việc bổ sung danh mục, kế hoạch vốn:

Tổng nguồn vốn đầu tư công cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 thấp và cơ cấu vốn từng năm đã được HĐND Thành phố thông qua cụ thể từng năm. Do đó, trường hợp có các nguồn vốn bổ sung hằng năm (nguồn tăng thu, thưởng vượt thu, kết dư ngân sách...), UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố ủy quyền cho Thường trực HĐND Thành phố xem xét, chấp thuận trên cơ sở đề nghị của UBND Thành phố và báo cáo lại HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất về việc bổ sung danh mục, kế hoạch vốn cho các dự án đầu tư công cần thiết triển khai trong giai đoạn 2017-2020 theo hướng như sau:

2.1. Bổ sung kế hoạch vốn thực hiện các chương trình, dự án của Thành phố đang triển khai cũng như các dự án mới phát sinh cần thực hiện ngay, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Bổ sung danh mục các dự án thuộc các lĩnh vực: văn hóa - xã hội, công nghiệp - thương mại - dịch vụ, nông nghiệp và phát triển nông thôn để đảm bảo tăng tỷ trọng đầu tư cho các lĩnh vực nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu pháp lệnh (chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp, nông nghiệp; chỉ tiêu số trường học đạt chuẩn, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ số giường bệnh/vận dân,...) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015-2020; 8 Chương trình công tác của Thành ủy Hà Nội; Nghị quyết của HĐND Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của Thành phố.

2.3. Bổ sung vốn đầu tư cho các dự án tại địa bàn các quận, huyện, thị xã đã được Thường trực Thành ủy, Thường trực HĐND Thành phố nhất trí nhưng chưa có khả năng cân đối nguồn vốn ngay tại đợt này (Thành phố đã tính toán khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển trong 5 năm 2016-2020 cao hơn so với số kế hoạch Trung ương giao là 34.007 tỷ đồng nhưng vẫn còn hạn chế so với nhu cầu đầu tư, mới đáp ứng khoảng 36% nhu cầu, nguồn vốn bố trí cho các dự án khởi công mới trong các năm 2017-2020 chỉ là 21.747 tỷ đồng).

Để thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Thường trực Thành ủy và sự quan tâm của Thành phố đầu tư một số dự án trên địa bàn khu vực ngoại thành, từng bước đảm bảo sự hài hòa tỷ trọng vốn đầu tư giữa các khu vực và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, tạo không gian phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao giá trị đất đai và thu hút vốn đầu tư xã hội (phương án hiện tại, nếu không tính các dự án Thành phố hỗ trợ ngành dọc thì tỷ trọng vốn đầu tư cho các dự án XD CB thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 khu vực ngoại thành chiếm 36,3%, nếu tính toàn bộ Kế hoạch đầu tư công bao gồm chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã, các dự án XD CB tập trung của Thành phố trên địa bàn huyện, thị xã thì khu vực ngoại thành chiếm khoảng 48,5%, nếu tính riêng các dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 thì chiếm 33%), UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố cho phép tiếp tục rà soát, bổ sung danh mục dự án để chuẩn bị hồ sơ, lập, thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (đợt 2) từ danh mục các dự án Thường trực Thành ủy, Thường trực HĐND Thành phố chỉ đạo tại các thông báo và từ

nhóm dự án xác định cần thiết đầu tư nhưng chưa thể cân đối nguồn vốn đợt này mà có thể triển khai từ các nguồn vốn bổ sung khác của Thành phố cho đầu tư phát triển trong năm 2017 và các năm tới.

V. Một số nhiệm vụ trọng tâm UBND Thành phố tập trung triển khai hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố và trong điều hành ngân sách hằng năm

1. Trong thời gian từ nay đến sát ngày họp HĐND Thành phố, UBND Thành phố sẽ cập nhật thủ tục phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư của các dự án, báo cáo bổ sung và điều chỉnh số liệu tại dự thảo Nghị quyết trình HĐND Thành phố.

2. Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, các chủ đầu tư hoàn thiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư xong trước 31 tháng 10 năm 2017 đối với các dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; hoàn thiện thủ tục phê duyệt dự án đầu tư xong trước 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch.

3. Tiếp tục rà soát danh mục, mức vốn bố trí cụ thể cho từng công trình, dự án, hoàn thiện phương án chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đảm bảo các công trình, dự án trong danh mục phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công; báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp cuối năm 2017 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 hoàn chỉnh của Thành phố.

4. Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố cho phép sử dụng nguồn vốn tăng thu, thường vượt thu, kết dư ngân sách... hằng năm để bổ sung kế hoạch vốn thực hiện các chương trình, dự án và những dự án mới phát sinh theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố.

5. Tiếp tục rà soát, bổ sung danh mục dự án để chuẩn bị hồ sơ, lập, thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (đợt 2) từ danh mục các dự án Thường trực Thành ủy, Thường trực HĐND Thành phố chỉ đạo tại các thông báo và từ nhóm dự án xác định cần thiết đầu tư nhưng chưa thể cân đối nguồn vốn đợt này mà có thể triển khai từ các nguồn vốn bổ sung khác của Thành phố cho đầu tư phát triển trong năm 2017 và các năm tới.

6. Việc xây dựng phương án tổng thể huy động, sử dụng, hoàn trả các nguồn vốn vay của ngân sách Thành phố để triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, UBND Thành phố sẽ xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn gắn với kế hoạch đầu tư công trung hạn và báo cáo HĐND Thành phố theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ về quy định một số cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội.

7. Các nội dung liên quan đến vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước và vốn nước ngoài), UBND Thành phố sẽ cập nhật, báo cáo HĐND Thành phố sau khi được Trung ương giao đầy đủ cho thành phố Hà Nội.

Trên đây là nội dung báo cáo về danh mục, kế hoạch vốn các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố, hỗ trợ ngành dọc khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 và danh mục, kế hoạch vốn các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KTNS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, KT, ĐT, KGVX, NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KT.

(22)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chung

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về danh mục, kế hoạch vốn các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố và hỗ trợ ngành dọc khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020;
Danh mục, kế hoạch vốn các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 3**

(Từ ngày 03/7 đến ngày 07/7/2017)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

- Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố: số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của thành phố Hà Nội; số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục các công trình trọng điểm và danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển giai đoạn 2016-2020 của thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của UBND thành phố Hà Nội tại các báo cáo: số .../BC-UBND ngày .../6/2017; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách số .../BC-HĐND ngày .../6/2017 và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố và các dự án hỗ trợ ngành dọc khởi công mới trong giai

đoạn 2017-2020 và danh mục, kế hoạch vốn các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội, bao gồm:

1. Danh mục 103 dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố và 14 dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ ngành dọc khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 với kế hoạch vốn thực hiện là 21.747 tỷ đồng, bao gồm:

1.1. Danh mục 63 dự án đã đủ điều kiện đề xuất vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn với kế hoạch vốn chi tiết thực hiện các dự án là 5.342 tỷ đồng.

1.2. Danh mục 54 dự án và nhóm dự án dự kiến đề xuất vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn với tổng kế hoạch vốn thực hiện các dự án 16.405 tỷ đồng.

Chi tiết tại Phụ lục số 1, 2

2. Danh mục 04 dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội cần triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2017-2020. Thanh toán từ nguồn vốn chuẩn bị đầu tư bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và Kế hoạch đầu tư công hằng năm của Thành phố.

Chi tiết tại Phụ lục số 3

3. Danh mục 04 dự án và tổng kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu Thành phố về giảm thiểu ùn tắc giao thông, khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 630 tỷ đồng, trong tổng số 1.000 tỷ đồng trong 5 năm 2016-2020.

Chi tiết tại Phụ lục số 4

4. Danh mục, kế hoạch vốn các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội, bao gồm:

4.1. Danh mục 274 dự án và kế hoạch vốn 7.400 tỷ đồng vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện trong 5 năm 2016-2020.

Chi tiết tại Phụ lục số 5

4.2. Danh mục 66 dự án và kế hoạch vốn 859,5 tỷ đồng vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô hỗ trợ cho cấp huyện trong 5 năm 2016-2020.

Chi tiết tại Phụ lục số 6

Điều 2. Phê duyệt danh mục và phương án bổ sung nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, bao gồm:

1. Danh mục 24 dự án và phương án bổ sung nguồn vốn vay ngân quỹ nhà nước tạm thời nhân rồi là 2.000 tỷ đồng. *Chi tiết tại Phụ lục số 7*

2. Danh mục 04 dự án và phương án bổ sung nguồn vốn huy động đóng góp của nhà đầu tư là 288,95 tỷ đồng. *Chi tiết tại Phụ lục số 8*

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao UBND Thành phố:

1.1. Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, các chủ đầu tư hoàn thiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư xong trước 31 tháng 10 năm 2017 đối với các dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; hoàn thiện thủ tục phê duyệt dự án đầu tư xong trước 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch.

1.2. Tiếp tục rà soát danh mục, mức vốn bố trí cụ thể cho từng công trình, dự án, hoàn thiện phương án chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đảm bảo các công trình, dự án trong danh mục phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công; báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp cuối năm 2017 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 hoàn chỉnh của Thành phố.

1.3. Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố cho phép sử dụng nguồn vốn tăng thu, thường vượt thu, kết dư ngân sách... hằng năm để bổ sung kế hoạch vốn thực hiện các chương trình, dự án và những dự án mới phát sinh theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố.

1.4. Tiếp tục rà soát, bổ sung danh mục dự án để chuẩn bị hồ sơ, lập, thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (đợt 2) từ danh mục các dự án Thường trực Thành ủy, Thường trực HĐND Thành phố chỉ đạo tại các thông báo và từ nhóm dự án xác định cần thiết đầu tư nhưng chưa thể cân đối nguồn vốn đợt này mà có thể triển khai từ các nguồn vốn bổ sung khác của Thành phố cho đầu tư phát triển trong năm 2017 và các năm tới.

2. Quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, Hội đồng nhân dân Thành phố ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố và báo cáo lại Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 04/7/2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực Thành ủy; Thường trực HĐND TP;
- UBND, UB MTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng, các Ban HĐND Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH 

Nguyễn Thị Bích Ngọc

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020 CỦA CẤP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kèm theo Báo cáo số 159 /BC-UBND ngày 19 /6/2017 của UBND Thành phố

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	TỔNG CỘNG		DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HÀNG NĂM						Ghi chú
		Kinh phí	Số dự án	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020	90.909.557	405	16.158.937	74.750.620	17.276.253	18.501.500	19.321.867	19.651.000	
I	CÁC NHIỆM VỤ CHI, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA CHI TIẾT	60.658.271	284	14.664.937	45.993.334	15.799.753	12.158.085	9.013.700	9.021.796	
I.1	Bố trí nguồn vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng	10.518.986		150.000	10.368.986	1.875.000	2.352.000	2.663.000	3.478.986	
I.2	Ngân sách Thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	1.803.264		1.313.264	490.000	490.000				
1	Ngân sách Thành phố hỗ trợ đặc thù cho một số huyện, thị xã	606.000		306.000	300.000	300.000				
2	Hỗ trợ các quận, huyện, thị xã xây dựng trường học, trạm y tế từ nguồn vốn ngân sách và vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô	385.000		195.000	190.000	190.000				
3	Ngân sách Thành phố hỗ trợ một số quận, huyện, thị xã xây dựng trường học đạt chuẩn	812.264		812.264						
I.3	Chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố	5.806.000	4	1.613.050	4.192.950	1.409.750	1.009.100	957.200	816.900	
1	Xây dựng nông thôn mới	5.430.000		1.460.000	3.970.000	1.216.800	979.100	957.200	816.900	
2	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước TPHN	6.000		6.000						Chương trình sử dụng vốn sự nghiệp; Chỉ bổ trí vốn ĐTPT 6 tỷ đồng năm 2016
3	Giảm thiểu ùn tắc giao thông	370.000	4	147.050	222.950	192.950	30.000			
I.4	Vốn XDCB tập trung cấp Thành phố	42.530.021	280	11.588.623	30.941.398	12.025.003	8.796.985	5.393.500	4.725.910	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	32.872.521	178	8.439.873	24.432.648	9.323.803	6.404.935	4.128.000	4.575.910	
	Dự án khởi công năm 2016	9.026.850	102	3.118.100	5.908.750	2.551.200	2.242.050	1.115.500		

STT	Nội dung	TỔNG CỘNG		DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HÀNG NĂM						Ghi chú
		Kinh phí	Số dự án	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cấp thiết triển khai (Vốn CBĐT đã giao năm 2016)	30.650		30.650						
	Bổ trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XDDB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...)	600.000			600.000	150.000	150.000	150.000	150.000	
II	CÁC NỘI DUNG TIẾP TỤC HOÀN THIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020	30.251.286	121	1.494.000	28.757.286	1.476.500	6.343.415	10.308.167	10.629.204	
II.1	Ngân sách Thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	7.874.500		1.494.000	6.380.500	1.476.500	1.635.000	1.634.500	1.634.500	
1	Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã	7.400.000		1.494.000	5.906.000	1.476.500	1.476.500	1.476.500	1.476.500	Phụ lục số 5
2	Hỗ trợ các quận, huyện, thị xã xây dựng trường học, trạm y tế từ vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô	474.500			474.500		158.500	158.000	158.000	Phụ lục số 6
II.2	Chương trình mục tiêu của Thành phố	630.000	4		630.000		190.000	220.000	220.000	
1	Giảm thiểu ùn tắc giao thông	630.000	4		630.000		190.000	220.000	220.000	Phụ lục số 4
II.3	Vốn XDDB tập trung cấp Thành phố: Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cấp thiết triển khai	21.746.786	117		21.746.786		4.518.415	8.453.667	8.774.704	
	Trong đó: Các dự án đủ điều kiện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn	5.341.500	63		5.341.500		1.373.000	2.273.500	1.695.000	Phụ lục số 2
	Các dự án chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn	16.405.286	54		16.405.286		3.145.415	6.180.167	7.079.704	
B	CÁC NỘI DUNG BỔ SUNG	2.288.948	32		2.288.948					
1	Bổ sung nguồn vốn, danh mục dự án để được phép ứng từ nguồn vốn vay ngân quỹ nhà nước tạm thời nhân rồi	2.000.000	24		2.000.000					Theo VB số 559/BTC-KBNN ngày 26/5/2017, tạm ứng 2.000 tỷ đồng từ ngân quỹ nhà nước cho TPHN Phụ lục số 7
2	Nguồn vốn huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân	288.948	4		288.948					Phụ lục số 8
3	Danh mục 04 dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội cần triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2017-2020		4							Phụ lục số 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020 CỦA CẤP THÀNH PHỐ

Kèm theo Báo cáo số **159** /BC-UBND ngày **19** /6/2017 của UBND Thành phố

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	117			32.716.395	21.746.786	4.518.415	8.453.667	8.774.704		
	Các dự án đủ điều kiện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn	63			7.260.911	5.341.500	1.373.000	2.273.500	1.695.000		
	Các dự án chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn	54			25.455.484	16.405.286	3.145.415	6.180.167	7.079.704		
A	CÁC DỰ ÁN ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN	63			7.260.911	5.341.500	1.373.000	2.273.500	1.695.000		
I	KHỞI HẠ TẦNG ĐÔ THỊ	29			4.249.586	3.223.000	797.000	1.311.000	1.115.000		
I.1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	25			4.135.124	3.120.000	774.000	1.311.000	1.035.000		
*	Cầu vượt các nút giao thông (gồm cả chương trình mục tiêu giảm ùn tắc giao thông)										
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng cầu vượt bằng thép tại nút giao đường An Dương - Đường Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông	1	Ba Đình; Tây Hồ	CTr: 359/HĐND - KTNS ngày 12/9/2016	429.670					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Công trình trọng điểm, cấp bách đã được dự kiến khởi công năm 2016 và bố trí 400 tỷ đồng để hoàn thành dự án năm 2018 (Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2017). Tuy nhiên, dự án chậm triển khai do phải xin ý kiến Bộ NN&PTNT về việc hạ cốt đê. Vì vậy, tổng hợp dự án trong DM khởi công giai đoạn 2017-2020 để triển khai thủ tục đầu tư theo quy định.
*	Các cầu yếu										
2	Xây dựng cầu Phú Tiên	1	Phú Xuyên - Hà Nội và Duy Tiên - Hà Nam	DA: 2074/QĐ-SGTVT ngày 22/09/2016 CTr: 1832/QĐ-UBND ngày 19/4/2016	50.714	13.000	13.000			BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Nguồn vốn: NSTP 13,9 tỷ đồng, Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố: 36,7 tỷ đồng
3	Xây dựng cầu Suối Hai 1, Km11+471 đường tỉnh lộ 413, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	DA: 1293/QĐ-SGTVT ngày 24/10/2012	11.222	9.000	9.000			BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
4	Xây dựng cầu Phú Thứ tại Km6+680 trên đường tỉnh 420, huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	DA: 1178/QĐ-SGTVT ngày 01/10/2012; TDT: 488/QĐ-SGTVT ngày 06/02/2013	53.585	45.000	45.000			BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thông báo số 513-TB/TU ngày 30/12/2016 của Thành ủy. Tổng dự toán là 45 tỷ đồng
5	Xây dựng cầu Gồm	1	Chương Mỹ	DA: 1198/QĐ-GTVT ngày 26/10/2011; TDT: 1297/QĐ-SGTVT ngày 24/10/2012	34.492	29.000	29.000			BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Tổng dự toán là 29 tỷ đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6	Xây dựng cầu Hạ Dục	1	Chương Mỹ	DA: 1193/QĐ-GTVT ngày 26/10/2011; TDT: 1295/QĐ-SGTVT ngày 24/10/2012	68.952	48.000	48.000			BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Tổng dự toán là 48 tỷ đồng
7	Xây dựng cầu Hồng Phú	1	Thanh Oai, Phú Xuyên	DA: 1203/QĐ-GTVT ngày 27/10/2011; TDT: 1298/QĐ-SGTVT ngày 24/10/2012	44.508	37.000	37.000			BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Tổng dự toán là 37 tỷ đồng
8	Đầu tư xây dựng cầu Chiềng, tỉnh lộ 427, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	CTr: 93/HĐND-KTNS ngày 30/3/2016; DA: 6341/QĐ-UBND ngày 18/11/2016	115.544	100.000	100.000			BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thông báo số 385-TB/TU ngày 23/9/2016 của Thành ủy Thay thế cầu cũ đã yếu, gây mất ATGT
9	Cầu Hoàng Thanh	1	Chương Mỹ, Thanh Oai	CTr: 1834/QĐ-UBND ngày 19/4/2016	77.628	60.000	60.000			BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Tổng dự toán (dự kiến) là 60 tỷ đồng
10	XD công trình cầu Ái Mỹ, Km1+690 Quốc lộ 21, thị xã Sơn Tây	1	Sơn Tây	CTr: 159/HĐND-KTNS ngày 28/4/2016 DA: 2321/QĐ-UBND ngày 18/4/2017	122.828	115.000	115.000			BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
11	Xây dựng cầu Trắng	1	Hoàng Mai	DA: 1782/QĐ-GTVT 28/10/2009	46.316	41.000	41.000			BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Nâng cấp cầu cũ đã xuống cấp trên Quốc lộ 1A
*	Các tuyến đường kết nối, phân luồng giao thông trung tâm Thành phố										
12	Hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến cổng trường Đại học Công đoàn	1	Đống Đa	DA: 5572/QĐ-UBND 28/10/2014	281.108	250.000	200.000	50.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thông báo số 607-TB/TU ngày 30/3/2017 của Thành ủy
13	Đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỹ Lai, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm	1	Hà Đông, Nam Từ Liêm	CTr: 452/HĐND-KTNS 01/11/2016	443.482	350.000		350.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
14	Cải tạo, mở rộng theo quy hoạch phố Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân	1	Thanh Xuân	CTr: 156/HĐND-KTNS ngày 28/4/2016	421.856	350.000		100.000	250.000	UBND quận Thanh Xuân	
15	Cải tạo đoạn nối từ đường Trung Yên 6 ra đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy	1	Cầu Giấy	CTr: 30/HĐND-KTNS ngày 5/2/2016	65.380	58.000		58.000		UBND quận Cầu Giấy	
*	Các đường tỉnh lộ, trục phát triển Huyện										
16	Xây dựng tuyến đường từ Khu trung tâm hành chính huyện Mê Linh đi thị trấn Chi Đông (Giai đoạn 2: hoàn thiện mặt đường)	1	Mê Linh	DA: 1113/QĐ-UBND ngày 11/3/2016; 5992/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	33.853	27.000	27.000			UBND huyện Mê Linh	Kiến nghị của Huyện ủy Mê Linh tại buổi làm việc với Bí thư Thành ủy Giai đoạn 1 đã hoàn thành GPMB và san nền. Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 để chống lũng phí

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
17	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 35 đoạn giữa tuyến (từ Km4+469,12 đến Km 12+733,55)	1	Sóc Sơn	DA: 5570/QĐ-UBND ngày 28/10/2014; TDT: 1390/QĐ-SGTVT ngày 15/6/2016	197.204	150.000	50.000	100.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Nâng cấp đoạn còn lại (Giữa tuyến) tuyến đường 35, đường vận chuyển rác vào bãi rác Sóc Sơn.
18	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 417 đoạn từ Km8+100 đến Km 16+600, huyện Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	CTr: 156/HĐND-KTNS ngày 18/4/2017	160.000	140.000		70.000	70.000	UBND huyện Phúc Thọ	Thông báo số 553-TB/TU ngày 16/2/2017 của Thành ủy
19	Xây dựng đường nối Quốc lộ 32 - Nghĩa trang Yên Kỳ - Hồ Suối Hai, huyện Ba Vì.	1	Ba Vì	CTr: 20/HĐND-KTNS ngày 25/01/2017	165.688	140.000		70.000	70.000	UBND huyện Ba Vì	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 của Thành ủy
20	Nâng cấp, cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 417 (TL 83 cũ) đoạn từ Km0 - Km3+700, huyện Đan Phượng	1	Đan Phượng	CTr: 485/ HĐND-KTNS ngày 23/11/2016	138.859	125.000		60.000	65.000	UBND huyện Đan Phượng	Thông báo số 335-TB/TU ngày 22/8/2016 của Thành ủy
21	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư Nguyễn Khê nối với đường bệnh viện Đông Anh đi Đền Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh	1	Đông Anh	CTr: 152/HĐND-KTNS ngày 26/4/2016	412.244	360.000		100.000	260.000	UBND huyện Đông Anh	
22	Xây dựng đường nối Khu đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp	1	Sóc Sơn	CTr: 134/HĐND-KTNS ngày 12/4/2016	340.727	300.000		100.000	200.000	UBND huyện Sóc Sơn	Thông báo số 386-TB/TU ngày 23/9/2016 của Thành ủy
23	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 21B, đoạn qua thị trấn Kim Bài (Km10+350 - Km13+200) kết hợp xây dựng quảng trường, công viên cây xanh, huyện Thanh Oai	1	Thanh Oai	CTr: 02/QĐ-HĐND ngày 13/01/2016	266.000	240.000		120.000	120.000	UBND huyện Thanh Oai	Thông báo số 309-TB/TU ngày 25/7/2016 của Thành ủy Giảm ùn tắc giao thông, đảm bảo ATGT, tạo dựng bộ mặt đô thị khu vực trung tâm huyện
*	Các đường ngoài hàng rào khu công nghiệp										
24	Tuyến đường 30m đầu nối khu vực dự án Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tới đường Nguyễn Đức Thuận	1	Gia Lâm	CTr: 294/HĐND-ĐT ngày 12/8/2016; DA: 5990/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	120.764	108.000		108.000		UBND huyện Gia Lâm	
25	Xây dựng tuyến đường gom phía Nam KCN Phú Nghĩa ra Quốc lộ 6, huyện Chương Mỹ (Đoạn qua điểm công nghiệp Tiên Phương và điểm công nghiệp Phú Nghĩa cũ)	1	Chương Mỹ	CTr: 1389/QĐ-UBND ngày 21/3/2016	32.500	25.000		25.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Hoàn thiện HTKT ngoài hàng rào phía Nam KCN Phú Nghĩa
1.2	LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC	3			88.062	80.000			80.000		
26	Cải tạo thoát nước phố Đội Cấn (từ Giang Văn Minh đến ngã ba Liễu Giai - Đội Cấn)	1	Ba Đình	DA: 60/QĐ-KH&ĐT ngày 08/3/2013	33.406	30.000			30.000	BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	DA đã được phê duyệt đầu tư, nằm trong KH 3 năm 2013-2015, không phải phê duyệt lại CTĐT theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 Chủ đầu tư đề xuất không gộp 03 dự án tại Báo cáo số 295/BC-BQL ngày 12/5/2017
27	Cải tạo thoát nước phố Thanh Đàm, quận Hoàng Mai	1	Hoàng Mai	CTr: 1721/QĐ-UBND ngày 13/4/2016; DA: 6877/QĐ-UBND ngày 15/12/2016	10.748	10.000			10.000	BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	Chủ đầu tư đề xuất không gộp 03 dự án tại Báo cáo số 295/BC-BQL ngày 12/5/2017

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
28	Cổng hóa kênh Lạc Trung đoạn từ dốc Minh Khai đến sông Kim Ngưu	1	Hai Bà Trưng	CTr: 424/QĐ-UBND ngày 25/01/2016	43.908	40.000			40.000	BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	Chủ đầu tư đề xuất không gộp 03 dự án tại Báo cáo số 295/BC-BQL ngày 12/5/2017
I.3	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, HTKT KHÁC	1			26.400	23.000	23.000				
29	Xây dựng tuyến đường vào kết nối khu xử lý rác thải tập trung của Thành phố tại thôn Đồng Ké, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ.	1	Chương Mỹ	DA: 2051/QĐ-SGTVT 01/10/2015	26.400	23.000	23.000			BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	Đầu tư đồng bộ với tiến độ triển khai dự án Khu xử lý rác Thành phố Dự án đã có TK, KHLCNT GPMB đất ruộng
II	KHỐI VĂN HÓA XÃ HỘI	13			882.302	538.000	130.000	258.000	150.000		
II.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	8			433.032	279.000	31.000	138.000	110.000		
30	Xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo tại ô đất NT-01 khu nhà ở công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	1	Đông Anh	DA: 423/QĐ-UBND 25/01/2016	22.440	19.000	19.000			UBND huyện Đông Anh	
31	Xây dựng trường mầm non trong khu công nghiệp Phú Nghĩa	1	Chương Mỹ	CTr: 5896/QĐ-UBND 30/10/2015	14.900	12.000	12.000			UBND huyện Chương Mỹ	
32	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Thạch Thất	1	Thạch Thất	CTr: 180/HĐND-KTNS ngày 13/5/2016	65.000	58.000		58.000		UBND huyện Thạch Thất	Đầu tư đạt chuẩn
33	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Kim Anh	1	Sóc Sơn	CTr: 132/HĐND-KTNS ngày 12/4/2016	44.900	40.000			40.000	UBND huyện Sóc Sơn	Đầu tư đạt chuẩn
34	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Bất Bạt	1	Ba Vì	CTr: 60/HĐND-KTNS ngày 02/3/2016	40.000	36.000			36.000	UBND huyện Ba Vì	Đầu tư đạt chuẩn
35	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Ngô Quyền	1	Ba Vì	CTr: 46/HĐND-KTNS ngày 24/02/2016	37.900	34.000			34.000	UBND huyện Ba Vì	Đầu tư đạt chuẩn
36	Xây dựng trường THPT Mỹ Đình	1	Nam Từ Liêm	CTr: 52/QĐ-HĐND ngày 31/12/2015	100.000	30.000		30.000		UBND quận Nam từ Liêm	Thông báo số 543-TB/TU ngày 10/02/2017 của Thành ủy Đầu tư đạt chuẩn. NSTP đầu tư 30% kinh phí, còn lại Quận dùng nguồn đầu giá đất để lại theo văn bản 1128/UBND-KH&ĐT ngày 15/3/2017
37	Xây dựng công trình trường THPT Hoài Đức C	1	Hoài Đức	DA: 5435/QĐ-UBND 21/10/2014; DA: 1692/QĐ-SXD 19/10/2016	107.892	50.000		50.000		UBND huyện Hoài Đức	Thông báo số 318-TB/TU ngày 05/8/2016 của Thành ủy Đề xuất rà soát, cắt giảm quy mô trong quá trình điều chỉnh dự án (nguồn vốn đã phê duyệt là 100%NSTP). NSTP đầu tư 50%, phần kinh phí còn lại Huyện bố trí. Năm 2017, ngân sách Huyện đã bố trí 25 tỷ đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II.2	LĨNH VỰC Y TẾ	1			300.000	130.000	60.000	70.000			
38	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín	1	Thường Tín	DA: 5060/QĐ-UBND 28/10/2011	300.000	130.000	60.000	70.000		BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Thông báo số 385-TB/TU ngày 23/9/2016 của Thành ủy Dự án nằm trong danh mục dự án khởi công năm 2016 tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 (đã bố trí 140 tỷ đồng để hoàn thành dự án theo quy mô cũ). Tuy nhiên, dự án đang được rà soát, điều chỉnh quy mô cho phù hợp Quy hoạch thị trấn trung tâm huyện Thường Tín được duyệt năm 2015, dự kiến bổ trí bổ sung 130 tỷ đồng để đầu tư theo quy mô mới.
II.3	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	1			29.896	26.000	26.000				
39	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đông Viên, xã Đông Quang, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	DA: 412/QĐ-UBND ngày 07/5/2014; TDT: 1814/QĐ-UBND ngày 26/12/2014	29.896	26.000	26.000			UBND huyện Ba Vì	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa nay đã bị xuống cấp nghiêm trọng
II.4	LĨNH VỰC DẠY NGHỀ	2			74.403	63.000	13.000	50.000			
40	Cải tạo, nâng cấp trường Trung cấp nghề Cơ khí 1	1	Đông Anh	DA: 6002/QĐ-UBND 31/10/2016	14.976	13.000	13.000			BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	DA tạm dừng triển khai dự án gđ 2013 -2015. Hiện nay cơ sở vật chất nhà trường quá xuống cấp. Dự án đã được phê duyệt. Phục vụ chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo.
41	Dự án sửa chữa chống xuống cấp Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	1	Nam Từ Liêm	CTr: 27/HĐND-KTNS ngày 04/02/2016; DA: 6036/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	59.427	50.000		50.000		BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Phục vụ chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo.
II.5	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	1			44.971	40.000			40.000		
42	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội số 4 Hà Nội	1	Ba Vì	CTr: 166/HĐND-KTNS ngày 05/5/2016	44.971	40.000			40.000	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
III	KHÖI CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ	4			58.470	52.000	26.000	26.000			
III.1	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI	4			58.470	52.000	26.000	26.000			
43	Xây dựng trụ sở làm việc Đội QLTT số 16 trực thuộc Chi cục quản lý thị trường Hà Nội	1	Long Biên	CTr: 5751/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; DA: 5447/QĐ-SCT ngày 6/6/2016	14.985	13.000	13.000			Sở Công thương	Dự án đã ký hợp đồng tư vấn quản lý dự án (không thuộc đối tượng chuyển chủ đầu tư theo văn bản số 757/UBND-KT ngày 24/02/2017 của UBND TP)

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
44	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Đội QLTT số 7 trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội.	1	Thanh Trì	CTr: 1484/QĐ-UBND ngày 28/3/2016	14.514	13.000	13.000			BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
45	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Đội QLTT số 18 trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội.	1	Ba Vì	CTr: 420/QĐ-UBND ngày 25/01/2016	14.764	13.000		13.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
46	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Đội QLTT số 22 trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội.	1	Quốc Oai	CTr: 419/QĐ-UBND ngày 25/01/2016	14.207	13.000		13.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
IV	KHÔI NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	13			378.389	328.500		138.500	190.000		
IV.1	LĨNH VỰC ĐỀ ĐIỀU	13			378.389	328.500		138.500	190.000		
47	Nâng cấp, cải tạo đê tả Đáy đoạn xã Đồng Tiến và thị trấn Văn Đình huyện Ứng Hoà	1	Ứng Hòa	DA: 5551/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	57.095	51.000			51.000	UBND huyện Ứng Hòa	DA đã phê duyệt, giao Huyện làm chủ đầu tư
48	Kè chống sạt lở và cứng hoá mặt đê sông Lương, huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	DA: 6526/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	53.294	40.000			40.000	UBND huyện Phú Xuyên	Rà soát, cắt giảm quy mô phần đã được xử lý cấp bách
49	Kè chống sạt bờ hữu sông Đà khu vực xã Minh Quang, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	CTr: 5836/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	50.000	45.000			45.000	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 của Thành ủy
50	Xử lý chống sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn K2+000 - K3+200 đê hữu Hồng, xã Phong Vân, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	CTr: 6030/QĐ-UBND ngày 09/11/2015	29.000	26.000			26.000	UBND huyện Ba Vì	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 của Thành ủy Dự án đã phê duyệt CTĐT, trong đó giao Huyện làm chủ đầu tư. Tuy nhiên dự án thuộc nhóm Đề cấp I, kỹ thuật phức tạp, đề xuất giao BQLDA chuyên ngành TP làm chủ đầu tư
51	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng, xã Chu Minh, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	CTr: 5513/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	18.000	16.000			16.000	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 của Thành ủy TMDT theo Chủ trương đầu tư được duyệt là 50 tỷ đồng. Dự án được tách ra một đoạn K21+500-K22+800 để xử lý cấp bách, dự kiến kinh phí 32 tỷ đồng (văn bản chấp thuận số 6783/VP-KT của UBND TP)
52	Kè chống sạt bờ hữu sông Hồng khu vực cuối kè An Cảnh, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	CTr: 5870/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	14.000	12.000			12.000	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
53	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn qua khu dân cư giáp cầu Phùng Xá, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	CTr: 6669/QĐ-UBND 04/12/2015	8.000	7.000		7.000		UBND huyện Mỹ Đức	Thông báo số 227-TB/TU ngày 16/6/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
54	Dự án Kè chống sạt lở đê hữu đáy đoạn cầu phao Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	CTr: 6709/QĐ-UBND 07/12/2015	7.000	6.000		6.000		UBND huyện Mỹ Đức	Thông báo số 227-TB/TU ngày 16/6/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV
55	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn thôn Kim Bôi, xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	CTr: 5892/QĐ-UBND 30/10/2015	15.000	13.000		13.000		UBND huyện Mỹ Đức	Thông báo số 227-TB/TU ngày 16/6/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV
56	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy từ thôn Phú Yên, xã Phúc Lâm đến thôn Vĩnh Xương, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	CTr: 5895/QĐ-UBND 30/10/2015	18.000	16.000		16.000		UBND huyện Mỹ Đức	Thông báo số 227-TB/TU ngày 16/6/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV
57	Xử lý sạt lở đê (hữu) sông Đáy qua địa bàn xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	CTr: 5823/QĐ-UBND 30/10/2015	24.000	20.000		20.000		UBND huyện Chương Mỹ	Thông báo số 213-TB/TU ngày 16/6/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV
58	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu Đáy tuyến đường tỉnh lộ 421A từ Liên Hiệp, Phúc Thọ đi Sài Sơn – Yên Sơn – thị trấn (tỉnh lộ 419) đi Tân Hòa	1	Quốc Oai	CTr: 5862/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	60.000	54.000		54.000		UBND huyện Quốc Oai	Đề cấp III. Dự án đã phê duyệt CTĐT, trong đó giao Huyện làm chủ đầu tư.
59	Kè bảo vệ bờ hữu sông Tô Lịch, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	CTr: 5869/QĐ-UBND ngày 30/11/2015	25.000	22.500		22.500		BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
VI	KHÔI HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN THUỘC TP)	4			1.692.164	1.200.000	420.000	540.000	240.000		
60	Xây dựng trụ sở cơ quan Thành ủy Hà Nội	1	Hoàn Kiếm	CTr: 261/HĐND-KTNS ngày 18/7/2016	879.168	800.000	200.000	420.000	180.000	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Thông báo số 123-TB/TU ngày 28/4/2016.
61	Cải tạo các phòng họp, phòng làm việc, xây dựng mới nhà làm việc tại trụ sở UBND thành phố Hà Nội	1	Hoàn Kiếm	CTr: 445/HĐND-KTNS ngày 28/10/2016 DA: 6021/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	185.246	100.000	100.000			BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Năm 2017, dự án đã được bố trí đủ vốn thực hiện là 77 tỷ đồng từ nguồn dự phòng đầu tư công (Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 29/3/2017)
62	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu liên cơ quan quận Bắc Từ Liêm	1	Bắc Từ Liêm	CTr: 115/HĐND-KTNS ngày 05/4/2017	254.750	120.000	60.000	60.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Phần vốn còn lại do ngân sách Quận đối ứng từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn Quận
63	Xây dựng trụ sở làm việc Quận ủy, HĐND - UBND quận Bắc Từ Liêm	1	Bắc Từ Liêm	CTr: 103/HĐND-KTNS ngày 31/3/2017	373.000	180.000	60.000	60.000	60.000	UBND quận Bắc Từ Liêm	Phần vốn còn lại do ngân sách Quận đối ứng từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn Quận
B	CÁC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN	54			25.455.484	16.405.286	3.145.415	6.180.167	7.079.704		
I	KHÔI HẠ TẦNG ĐÔ THỊ	20			14.546.590	9.872.286	2.785.415	3.350.167	3.736.704		
I.1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	13			10.922.474	6.829.286	1.900.415	2.750.167	2.178.704		
*	Các đường vành đai										

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Vành đai 1: đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục (bao gồm 02 cầu vượt: qua đường Láng Hạ và đường Nguyễn Chí Thanh)	1	Đống Đa, Ba Đình		7.779.107					BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Công trình trọng điểm 2016-2020 Trong quá trình triển khai, NSTP bố trí bổ sung từ nguồn tăng thu, thường vượt thu và các nguồn bổ sung hàng năm để hoàn thành dự án theo tiến độ.
2	Đầu tư xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyền và hoàn thiện đường Nguyễn Văn Huyền theo quy hoạch (Vành đai 2,5)	1	Cầu Giấy		503.000					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Đường Nguyễn Văn Huyền đã được đầu tư xây dựng và cơ bản hoàn thành. Còn 170m thi công được ½ mặt cắt ngang tuyến đường.
3	Vành đai 3: Đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường Vành đai 3 đi bằng cầu qua hồ Linh Đàm và nhánh kết nối với đường Vành đai 3, quận Hoàng Mai	1	Hoàng Mai		485.000					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
4	Xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai	1	Hoàng Mai		672.011					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thực hiện theo Thông báo số 307/TB-UBND ngày 28/4/2017 của UBND Thành phố
*	Các tuyến đường kết nối, phân luồng giao thông trung tâm Thành phố										
5	Đường Phương Mai - Sông Lừ	1	Đống Đa	DA: 1966/QĐ-UBND 04/5/2010	73.482					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Đầu tư kết nối đồng bộ với dự án "Xây dựng mở rộng, tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh"
6	Hoàn thiện và khớp nối HTKT khu 7,2 ha Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình	1	Ba Đình	DA: 936/QĐ-UBND ngày 8/2/2013	135.000					UBND quận Ba Đình	
7	Tuyến đường Ngô Thì Nhậm - Trần Khát Chân	1	Hai Bà Trưng		450.000					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thông báo số 544-TB/TU ngày 10/02/2017 của Thành ủy
8	Xây dựng mở rộng đường Phan Kế Bính, quận Ba Đình theo quy hoạch	1	Ba Đình	27/TTr-UBND (TP) ngày 16/5/2017	156.294					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thực hiện theo chỉ đạo của UBND Thành phố
*	Các đường tỉnh lộ, trục phát triển Huyện										
9	Xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	1	Mỹ Đức		128.580					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thông báo số 227-TB/TU ngày 16/6/2016 của Thành ủy Thuộc trục tuyến đường 419 (tuyến đường kết nối quan trọng qua 8 huyện);
10	Cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên		110.000					UBND huyện Phú Xuyên	Từng bước tạo dựng hạ tầng khung Khu trung tâm Huyện; đáp ứng nhu cầu giao thông.
*	Các đường ngoài hàng rào khu công nghiệp										
11	Xây dựng đường gom vào KCN Bắc Thường Tín	1	Thường Tín		60.000					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Hoàn thiện HTKT ngoài hàng rào KCN Bắc Thường Tín. Dự án sẽ được xem xét bố trí vốn đảm bảo phù hợp tiến độ đầu tư KCN Thường Tín

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	Xây dựng đường vào KCN sạch Sóc Sơn	1	Sóc Sơn		300.000					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Hoàn thiện HTKT ngoài hàng rào KCN sạch Sóc Sơn. Dự án sẽ được xem xét bố trí vốn đảm bảo phù hợp tiến độ đầu tư KCN sạch Sóc Sơn.
13	Xây dựng đường gom vào KCN Phụng Hiệp	1	Thường Tín		70.000					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Hoàn thiện HTKT ngoài hàng rào KCN Phụng Hiệp. Dự án sẽ được xem xét bố trí vốn đảm bảo phù hợp tiến độ đầu tư KCN Phụng Hiệp.
1.2	LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC	2			1.755.116	1.278.000			1.278.000		
14	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh	1	Đông Anh		953.363					BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	Dự án thuộc nhóm HTKT khung trong khu đô thị 2 bên đường Võ Nguyên Giáp. UBND TP chỉ đạo bổ sung vào KH Đầu tư công trung hạn 2017-2020 tại văn bản số 3529/VP-ĐT ngày 19/4/2017
15	Hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh	1	Đông Anh		801.753					BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	Dự án thuộc nhóm HTKT khung trong khu đô thị 2 bên đường Võ Nguyên Giáp. UBND TP chỉ đạo bổ sung vào KH Đầu tư công trung hạn 2017-2020 tại văn bản số 3529/VP-ĐT ngày 19/4/2017
1.3	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, HTKT KHÁC	5			1.869.000	1.765.000	885.000	600.000	280.000		
16	Cải tạo nâng cấp đường, chiếu sáng tuyến đường vào Khu XLCT Xuân Sơn	1	Sơn Tây		114.000					BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	Dự án cấp bách phục vụ vận chuyển rác vào bãi rác Xuân Sơn
17	Nhóm các dự án cấp nước sạch cho các vùng nông thôn khó khăn	1	Hà Nội		600.000					BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	Trong quá trình triển khai, NSTP bố trí bổ sung từ nguồn tăng thu, thường vượt thu và các nguồn bổ sung hàng năm để hỗ trợ hoàn thành dự án theo tiến độ.
18	Nhóm các dự án quan trắc không khí và xử lý ô nhiễm môi trường	1	Hà Nội		400.000					BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	Chủ tịch UBND TP chỉ đạo lập dự án tổng thể quan trắc nước và không khí. Hiện nay, UBND TP đang chỉ đạo nghiên cứu 02 hình thức đầu tư: Đầu tư công hoặc kêu gọi đầu tư PPP (văn bản số 2597/UBND-ĐT ngày 26/5/2017)
19	Nhóm các dự án nạo vét bùn, cải tạo môi trường làm sạch nước, xây dựng cột nước và tạo cảnh quan Hồ Tây	1	Tây Hồ		650.000					BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	Theo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp ngày 08/5/2017
20	Dự án đầu tư xây dựng vườn ươm Song Phượng, huyện Đan Phượng (phần giải phóng mặt bằng và hạ tầng thiết yếu)	1	Đan Phượng		105.000					BQLDA ĐTXD công trình cấp, thoát nước và môi trường	Theo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp ngày 27/5/2017. Dự kiến chi phí giải phóng mặt bằng khoảng 100 tỷ đồng theo Báo cáo số 1150/SXD-KHTH ngày 17/02/2017 của Sở Xây dựng
											4

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II	KHÔI VĂN HÓA XÃ HỘI	8			1.574.791	1.363.000	100.000	310.000	953.000		
II.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	1			12.573	10.000			10.000		
21	Xây dựng, nâng cấp Trường Tiểu học Bình Minh (Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý)	1	Hoàn kiếm		12.573					BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Là Trường Chuyên biệt. Dự án biệt thự cũ xây dựng gần 50 năm chưa được đầu tư, nâng cấp, nay đã xuống cấp.
II.2	LĨNH VỰC Y TẾ	2			506.168	455.000		100.000	355.000		
22	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	1	Sơn Tây		256.168					BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Sở Y tế đang rà soát phương án quy mô đầu tư đồng bộ theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND TP
23	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Hà Đông	1	Hà Đông		250.000					BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Dự án đã được UBND TP chấp thuận cho phép CBĐT tại văn bản số 9341/UBND-KH&ĐT ngày 31/10/2011 Khoa sản, nhi dự kiến triển khai theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014
II.3	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	3			918.000	776.000	100.000	210.000	466.000		
24	Công trình trọng điểm 2016-2020: Nhóm dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa lịch sử Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long	1								Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020 Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND Thành phố tại TB số 411/TB-UBND
	1. Dự án bảo tồn khu vực khảo cổ học 18 Hoàng Diệu		Ba Đình		380.000						Dự án đang rà soát sử dụng vốn XHH, chỉ dùng một phần vốn ngân sách để GPMB và chi phí lập dự án
	2. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa lịch sử Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long		Ba Đình		98.000						
25	Công trình trọng điểm 2016-2020: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu vực lõi Thành Cổ Loa thuộc quy hoạch tổng thể bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị Khu Di tích thành Cổ Loa	1	Đông Anh		140.000					Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020 Các di tích theo Hợp phần B05 của Đồ án Quy hoạch đã được phê duyệt như sau: đình Ngự Triều Di Quy; Am thờ My Châu; Chùa Bảo Sơn; Điểm xóm Chùa; di chỉ lò đúc đồng; công viên trục lõi; không gian trưng bày, thư viện, phân viện nghiên cứu Cổ Loa; Quảng trường khánh tiết và một số hạng mục liên quan khác. Nghiên cứu xây dựng đền thờ Ngô Quyền trong khu vực lõi.
26	Nâng cấp các công trình phục vụ Seagames 31 và xây dựng hoàn chỉnh khuôn viên thuộc Trung tâm vận động viên cấp cao Hà Nội	1	Mỹ Đình		300.000					BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Bao gồm dự án xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật TT đào tạo VĐV cấp cao HN đã được phê CBĐT tại QĐ số 5547/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 với TMDT dự kiến là 125 tỷ đồng Dự kiến, chờ chỉ đạo chính thức của Thủ tướng. Hoàn thành bàn giao 2021

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II.4	LĨNH VỰC DẠY NGHỀ	2			138.050	122.000			122.000		
27	Xây dựng cơ sở 2 Trường trung cấp nghề nấu ăn và nghiệp vụ khách sạn Hà Nội (giai đoạn 1)	1	Sơn Tây	CTr: 6453/QĐ-UBND 27/11/2015	44.959					BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Gộp dự án theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND Thành phố Phục vụ chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo.
	Đông Đa		CTr: 5775/QĐ-UBND 28/10/2015	6.753							
28	Dự án đầu tư nghề trọng điểm: Kỹ thuật chế biến món ăn cấp độ quốc gia Trường Trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội	1	Đông Đa		86.338					BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Theo Quy hoạch Trường CĐN Công nghiệp Hà Nội đạt chất lượng cao, chuẩn khu vực ASEAN, Phục vụ chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo.
III	KHỐI CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ	3			262.000	230.000		170.000	60.000		
III.1	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI	1			12.000	10.000			10.000		
29	Xây dựng HTKT ngoài hàng rào khu giết mổ gia súc tại xã Quang Lãng, Tri Thủy, huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên		12.000					UBND huyện Phú Xuyên	Thông báo số 492-TB/TU ngày 13/12/2016 của Thành ủy Ngân sách hỗ trợ đầu tư ngoài hàng rào khu giết mổ
III.2	LĨNH VỰC DU LỊCH	2			250.000	220.000		170.000	50.000		
30	Đầu tư hạ tầng đồng bộ cho làng nghề gốm sứ Bát Tràng (Gia Lâm)	1	Gia Lâm		150.000					UBND huyện Gia Lâm	Theo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND Thành phố tại Thông báo số 11/TB-UBND ngày 02/02/2016 nhằm thu hút, phát triển du lịch
31	Đầu tư hạ tầng đồng bộ cho làng nghề dệt lụa Vạn Phúc	1	Hà Đông		100.000					UBND quận Hà Đông	Theo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND Thành phố tại Thông báo số 11/TB-UBND ngày 02/02/2016 nhằm thu hút, phát triển du lịch
IV	KHỐI NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	6			714.733	495.000			495.000		
IV.1	LĨNH VỰC ĐÈ ĐIỀU	6			714.733	495.000			495.000		
32	Kè bờ tả sông Đuống đoạn thượng và hạ lưu cầu Đuống	1	Gia Lâm		109.118					BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Thông báo số 547-TB/TU ngày 14/02/2017 của Thành ủy
33	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Đáy kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức		403.992					UBND huyện Hoài Đức	Thông báo số 318-TB/TU ngày 05/8/2016 của Thành ủy UBND huyện Hoài Đức có văn bản số 2695/UBND-TCKH ngày 29/4/2017 cam kết bố trí 40% nguồn vốn đầu tư của dự án bằng kinh phí đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn Huyện.

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
34	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ các đoạn từ Tân Minh đến Hiền Giang, từ UBND xã Hiền Giang đến cầu Đen xã Khánh Hà, từ lối rẽ Chùa Đậu đến cầu Đồng Quan, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	CTr: 7133/QĐ-UBND 24/12/2015; CTr: 6975/QĐ-UBND 18/12/2015	39.000					UBND huyện Thường Tín	Thông báo số 385-TB/TU ngày 23/9/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV. Thực hiện gấp 3 dự án, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư. Trong đó có 02 DA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, 01 DA chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.
35	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ (bờ hữu từ cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân và bờ tả từ cầu Tân Dân đến cầu cống Thần) thuộc huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên		35.000					UBND huyện Phú Xuyên	Thông báo số 492-TB/TU ngày 13/12/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV
36	Nâng cấp các tuyến bờ bao sông Tích phục vụ công tác phòng chống lũ và nâng cao hệ số sử dụng đất trên địa bàn huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai		77.623					UBND huyện Quốc Oai	Thông báo số 307-TB/TU ngày 25/7/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV
37	Xây dựng đường hành lang thượng lưu đê hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông để di chuyển đường ra vào cảng Sơn Tây, thị xã Sơn Tây.	1	Sơn Tây		50.000					BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Thông báo số 526-TB/TU ngày 19/01/2017 của Thành ủy UBND Thành phố có văn bản số 1818/UBND-KH&ĐT ngày 17/3/2011 chấp thuận kế hoạch chuẩn bị đầu tư, trong đó dự kiến TMDT là 50 tỷ đồng
V	KHỐI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	2			900.000	890.000		400.000	490.000		
V.1	LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG	2			900.000	890.000		400.000	490.000		
38	Chuyển đổi công nghệ phát thanh Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội giai đoạn 2016-2020	1	Nam Từ Liêm		100.000					Đài PT-TH Hà Nội	
39	Nhóm dự án công nghệ thông tin của Thành phố	1	Hà Nội		800.000					BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
VI	KHỐI HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN THUỘC TP)	1			600.000	450.000	100.000	350.000			
40	Dự án Khu liên cơ quan Văn Hồ (tại vị trí Sở Xây dựng và 1 số cơ quan)	1	Quận Hai Bà Trưng		600.000					BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	TMDT dự kiến
VII	KHỐI AN NINH - QUỐC PHÒNG - PCCC - TÒA ÁN - VIỆN KIỂM SÁT	14			6.857.370	3.105.000	160.000	1.600.000	1.345.000		
VII.1	LĨNH VỰC TÒA ÁN	2			676.462	560.000		280.000	280.000		- Văn bản số 5168/PP-KTTH ngày 24/6/2016 về xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của 02 ngành Tòa án, VKS TPHN - Tòa án HN có văn bản số 2124/TAHN-VP ngày 09/11/2016 đề xuất nhu cầu 1.120 tỷ đồng cho 05 dự án - Tại cuộc họp ngày 06/3/2017 với lãnh đạo Tòa án tối cao, VKS tối cao, Chủ tịch UBNDTP có ý kiến NSTP
41	Xây mới Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội	1	Hoàng Mai		476.462					BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
42	Nhóm các dự án xây dựng trụ sở làm việc Tòa án nhân dân cấp huyện	1			200.000					BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	sẽ đáp ứng đủ nhu cầu của 2 ngành
	1. Xây mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm		Bắc Từ Liêm								
	2. Xây mới Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân quận Hà Đông		Hà Đông								
	3. Xây mới Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm		Gia Lâm								
	4. Xây mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân quận Thanh Trì		Thanh Trì								
VII.2	LĨNH VỰC VIỆN KIỂM SÁT	2			351.519	300.000		200.000	100.000		- Văn bản số 5168/PP-KTTH ngày 24/6/2016 vv xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của 02 ngành Tòa án, VKS TPHN - VKS HN có vb số 2651/VKS-TC ngày 11/11/2016 đề xuất nhu cầu 535 tỷ đồng cho 07 dự án - Tại cuộc họp ngày 06/3/2017 với lãnh đạo Tòa án tối cao, VKS tối cao, Chủ tịch UBNDTP có ý kiến NSTP sẽ đáp ứng đủ nhu cầu của 2 ngành
43	Dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội	1	Hoàng Mai		166.519					BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
44	Nhóm các dự án xây dựng trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện	1			185.000					BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
	1. Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm		Hoàn Kiếm								
	2. Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm		Bắc Từ Liêm								
	3. Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng		Hai Bà Trưng								
	4. Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín		Thường Tín								
	5. Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ		Chương Mỹ								
	6. Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì		Ba Vì								
VII.3	LĨNH VỰC PCCC	2			753.520	375.000		150.000	225.000		- Bộ Công an có vb số 1263/BCA-H43 ngày 27/5/2016 đề nghị NSTP hỗ trợ 2.821 tỷ đồng để thực hiện 13 DA mới.
45	Các dự án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị PCCC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng Cảnh sát PCCC Hà Nội	1	Hà Nội		500.000					BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	TMDT sẽ được chuẩn xác lại trong quá trình trình duyệt chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
46	Nhóm các dự án xây dựng công trình trụ sở phòng Cảnh sát PC&CC tại các quận, huyện, thị xã	1			253.520					BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
	1. Xây dựng công trình trụ sở phòng CS PC&CC số 11 thuộc Cảnh sát PC&CC TP Hà Nội (Gia Lâm)		Gia Lâm	DA: 6123/QĐ-BCA-H41 ngày 17/10/2014	49.520						Đã chấp thuận địa điểm 6.622 m2 xã Phú Thị, Gia Lâm; Phòng CS PC&CC số 11 đang mượn tạm địa điểm tại Nhà thi đấu Gia Lâm và thuê tại địa điểm Trung tâm hoạt động thiếu nhi Trung ương. Vốn Bộ Công an bố trí 50% TMDT
	2. Xây dựng công trình trụ sở phòng CS PC&CC số 15 thuộc Cảnh sát PC&CC TP Hà Nội (Ứng Hòa)		Ứng Hòa	DA: 5229/QĐ-BCA-H41 ngày 15/9/2014	34.000						Đã chấp thuận địa điểm 2.663 m2 xã Liên Bạt, Ứng Hòa; Phòng CS PCCC số 15 đang thuê tạm địa điểm Công ty lương thực Thanh Hà Vốn Bộ Công an cấp 50% TMDT
	3. Xây dựng Phòng Cảnh sát PC&CC số 7 (Thanh Trì)		Thanh Trì		60.000						Đã được UBND Tp chấp thuận địa điểm 10.000 m2 tại xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì. Phòng Cảnh sát PC&CC số 7 đang mượn tạm trụ sở tại KCN Ngọc Hồi và 21 Tựu Liệt, Thanh Trì
	4. Xây dựng phòng CS PC&CC số 13 (Đan Phượng)		Đan Phượng		55.000						UBND Tp đã chấp thuận địa điểm ô đất khu đô thị S1, xã Tân Hội, Đan Phượng; phòng CS PCCC số 13 đang mượn trụ sở tạm CCN thị trấn Phùng, Đan Phượng
	5. Xây dựng mới phòng CS PC&CC số 14 (Thạch Thất)		Thạch Thất		55.000						Đã được chấp thuận địa điểm đất tại xã Kim Quan, Thạch Thất; Phòng CS PCCC số 14 đang mượn trụ sở tạm tại Công an huyện và nhà văn hóa h. Thạch Thất
VII.4	LĨNH VỰC AN NINH	5			1.046.498	630.000	20.000	420.000	190.000		- VB số 1500/TTg-KTN ngày 22/8/2016 của TTCP về việc xây dựng trụ sở CA cấp TP, cấp quận, cấp phường thuộc CATP HN. - Bộ CA có văn bản số 1300/BCA-CAHN ngày 01/6/2016 đề nghị NSTP hỗ trợ. - Tại báo cáo số 50/BCLN ngày 13/01/2017, liên ngành KHĐT-TC-CAHN báo cáo 11 dự án mới - 789 tỷ đồng. - Tại cuộc họp ngày 19/01/2017, lãnh đạo TP chỉ đạo NSTP bố trí vốn đủ theo văn bản số 1500 của TTCP. Liên ngành báo cáo lại tại VB số 102/BCLN ngày 23/01/2017 với 12 dự án, TMDT 1.232 tỷ đồng. - Lãnh đạo TP chỉ đạo bổ sung thêm dự án XD trụ sở làm việc CA Quận Đống Đa, TMDT 1.232 tỷ đồng.
47	Xây dựng lại nhà B Công an TP Hà Nội	1	Hoàn Kiếm	CTr: 4622/QĐ-BCA-H43 30/10/2016	166.600					BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Dự án đã được Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư
48	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Trại tạm giam số 2	1	Thường Tín		17.991					BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
49	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế Bệnh viện Công an TP Hà Nội	1	Hà Nội		5.733					BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
50	Nhóm các dự án xây dựng cơ sở làm việc Công an cấp huyện	1			453.381					BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
	1. Xây dựng cơ sở làm việc CAQ Bắc Từ Liêm		Bắc Từ Liêm								
	2. Xây dựng cơ sở làm việc CAQ Hà Đông		Hà Đông								
	3. Xây dựng cơ sở làm việc CAQ Ba Đình		Ba Đình								
	4. Xây dựng cơ sở làm việc CAH Phú Xuyên		Phú Xuyên								
	5. Xây dựng cơ sở làm việc CAH Ba Vì		Ba Vì								
	6. Xây dựng cơ sở làm việc CAH Thanh Oai		Thanh Oai								
	7. Xây dựng cơ sở làm việc CAH Quốc Oai		Quốc Oai								
	8. Xây dựng cơ sở làm việc CAH Đan Phượng		Đan Phượng								
51	Dự án tổng thể đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an các phường, đồn, thị trấn thuộc Công an TP Hà Nội	1	Hà Nội		402.793					BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	- Tại cuộc họp ngày 19/01/2017, lãnh đạo TP chỉ đạo NSTP bố trí vốn đủ theo văn bản số 1500 của TTCP. Liên ngành báo cáo lại tại VB số 102/BCLN ngày 23/01/2017 đề xuất bổ sung dự án tổng thể đầu tư trụ sở CA phường, đồn, thị trấn
VII.5	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG	3			4.029.371	1.240.000	140.000	550.000	550.000		
52	STN02.4	1	Hà Nội		100.000					Bộ Tư lệnh Thủ đô	TP đầu tư
53	Xây dựng thao trường huấn luyện phòng chống khủng bố TPHN tại Sơn Đà, Ba Vì	1	Ba Vì		790.000					Bộ Tư lệnh Thủ đô	TP hỗ trợ kinh phí GPMB
54	Nhóm các dự án lĩnh vực Quốc phòng theo đề xuất của Bộ Tư lệnh Thủ đô	1			3.139.371					Bộ Tư lệnh Thủ đô	- Tại cuộc họp ngày 15/02/2017, Đ/c Chủ tịch UBND TP và Thủ trưởng BQP đã kết luận: Trong giai đoạn 2017 - 2020, tập trung ưu tiên đầu tư một số công trình như: Thao trường huấn luyện Sơn Đà, Các công trình phòng thủ, xây dựng các doanh trại đóng quân, cơ sở vật chất kho tàng. - Tổng nhu cầu theo đề xuất của Bộ Tư lệnh Thủ đô đề nghị Thành phố Hà Nội đầu tư và hỗ trợ giai đoạn 2017-2020 là 47 dự án (TMĐT 4.029 tỷ đồng).
	1. Trường bắn Yên Sở/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội		Hoàng Mai								TP hỗ trợ
	2. Xây dựng doanh trại Đại đội Vận tải /Cục Hậu cần /Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội		Thanh Trì								TP hỗ trợ
	3. Xây dựng doanh trại Tiểu đoàn Trinh sát 20/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội		Nam Từ Liêm								TP hỗ trợ

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	4. Kho chứa vũ khí, trang bị của BTL Thủ đô		Hà Nội								TP hỗ trợ
	5. Cải tạo, nâng cấp kho K813/Cục Hậu cần		Hà Nội								TP hỗ trợ
	6. Xây dựng kho hậu cần kỹ thuật Trung đoàn 692/JBB301		Sơn Tây								TP hỗ trợ
	7. Mua sắm phương tiện trang thiết bị cứu hộ cứu nạn		Hà Nội								TP đầu tư
	8. Sơ chỉ huy hỗ trợ kết hợp khu tập trung lực lượng, phương tiện trong tình trạng khẩn cấp 99 lê Duẩn		Hà Nội								TP hỗ trợ
	9. Căn cứ Hậu cần, Kỹ thuật khu vực phòng thủ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội		Hà Nội								TP đầu tư
	10. Xây dựng trạm điều dưỡng cán bộ BTL Thủ đô tại Sapa		Sa Pa								Không thuộc nhiệm vụ chỉ của NSTP (theo quy định tại ND 10/2004/ND-CP)
	11. Doanh trại Trung đoàn Pháo binh 452		Thạch Thất								TP hỗ trợ
	12. Doanh trại Trung đoàn 59/JBB301		Chương Mỹ								TP hỗ trợ
	13. Doanh trại Trung đoàn 854/JBB301		Thạch Thất								TP hỗ trợ
	14. Xây dựng doanh trại Trung đoàn 757/JBB301		Thạch Thất								TP hỗ trợ
	15. Xây dựng doanh trại Tiểu đoàn Đặc công 18/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội		Nam Từ Liêm								TP hỗ trợ
	16. Doanh trại Trạm trinh sát kỹ thuật điện tử		Đông Anh								TP hỗ trợ
	17. Xây dựng doanh trại Tiểu đoàn KSQS103/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội		Hoàng Mai								TP hỗ trợ
	18. Xây dựng doanh trại Tiểu đoàn TT 610/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội		Hoàng Mai								TP hỗ trợ
	19. Xây dựng doanh trại Ban CHQS huyện Thanh Oai		Thanh Oai								TP hỗ trợ
	20. Doanh trại Ban CHQS quận Bắc Từ Liêm		Bắc Từ Liêm								TP hỗ trợ
	21. Doanh trại Ban CHQS huyện Đan Phượng		Đan Phượng								TP hỗ trợ
	22. Cải tạo, sửa chữa nhà ở bộ đội BTL Thủ đô		Hà Nội								TP hỗ trợ
	23. Doanh trại Ban CHQS huyện Thường Tín		Thường Tín								TP hỗ trợ
	24. Doanh trại Ban CHQS huyện Chương Mỹ		Chương Mỹ								TP hỗ trợ
	25. Doanh trại Ban CHQS huyện Phú Xuyên		Phú Xuyên								TP hỗ trợ
	26. Doanh trại Ban CHQS thị xã Sơn Tây		Sơn Tây								TP hỗ trợ
	27. Doanh trại Ban CHQS huyện Quốc Oai		Quốc Oai								TP hỗ trợ
	28. Doanh trại Ban CHQS huyện Ứng Hòa		Ứng Hòa								TP hỗ trợ
	29. Doanh trại Ban CHQS huyện Sóc Sơn		Sóc Sơn								TP hỗ trợ

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	30. Doanh trại Ban CHQS huyện Thanh Trì		Thanh Trì								TP hỗ trợ
	31. Doanh trại Ban CHQS huyện Gia Lâm		Gia Lâm								TP hỗ trợ
	32. Doanh trại Ban CHQS huyện Hoài Đức		Hoài Đức								TP hỗ trợ
	33. Doanh trại Ban CHQS huyện Thạch Thất		Thạch Thất								TP hỗ trợ
	34. Doanh trại Ban CHQS quận Hai bà Trưng		Hai Bà Trưng								TP hỗ trợ
	35. Doanh trại Ban CHQS quận Đống Đa		Đống Đa								TP hỗ trợ
	36. Doanh trại Trường Trung cấp nghề số 10 (giai đoạn 3)		Thanh Xuân								TP hỗ trợ
	37. Công trình phòng thủ h. Ba Vì		Ba Vì								TP đầu tư
	38. Công trình phòng thủ h. Mỹ Đức		Mỹ Đức								TP đầu tư
	39. Công trình phòng thủ h. Mê Linh		Mê Linh								TP đầu tư
	40. Công trình phòng thủ thị xã Sơn Tây		Sơn Tây								TP đầu tư
	41. Công trình phòng thủ h. Chương Mỹ		Chương Mỹ								TP đầu tư
	42. Công trình phòng thủ h. Thạch Thất		Thạch Thất								TP đầu tư
	43. Công trình phòng thủ h. Sóc Sơn		Sóc Sơn								TP đầu tư
	44. Công trình phòng thủ quận Thanh Xuân		Thanh Xuân								TP đầu tư
	45. Công trình phòng thủ h. Quốc Oai		Quốc Oai								TP đầu tư

41

DANH MỤC DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2017-2020

Kèm theo Báo cáo số **159** /BC-UBND ngày **19** /6/2017 của UBND Thành phố

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thủ tục đầu tư dự án		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày văn bản	Dự kiến TMDT		
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	4			87.554.848		Kinh phí CBĐT được bố trí từ nguồn vốn CBĐT cho các dự án XDCB tập trung của TP, các dự án đầu tư theo hình thức PPP (600 tỷ đồng)
1	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, tuyến 3, đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai	1	Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai	QĐ phê duyệt CBĐT số 348/QĐ-TTg-QHQT ngày 6/3/2009; 657-TB/TU ngày 14/8/2013 và QĐ số 6749/QĐ-UBND ngày 7/11/2013	27.740.821	Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	- Dự án được UBND TP phê duyệt CBĐT tại quyết định số 6749/QĐ-UBND ngày 07/11/2013. Hiện đang lập BCNCTKT và khả thi, nguồn vốn thực hiện công tác CBĐT gồm: kinh phí do ADB tài trợ không hoàn lại 1,5 triệu USD và NSTP đóng góp 46.041 triệu đồng, dự kiến hoàn thành CBĐT vào 2019 (theo QĐ số 1767/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND TP). - Giá trị TMDT dự án được tính theo đề xuất dự án tại VB 1481/UBND-KH&ĐT ngày 31/3/2017 của UBND TP gửi Bộ KH&ĐT. - Hiện ADB đã có cam kết tài trợ 450 triệu USD cho dự án, sẽ tiếp tục xem xét tài trợ thêm hoặc kêu gọi các nhà tài trợ khác khi dự án hoàn thành xong NCKT.
	<i>Vốn ODA</i>				24.295.000		<i>Vốn ODA được GN trực tiếp cho TV và do ADB quản lý</i>
	<i>Vốn trong nước</i>				3.445.821		
2	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, tuyến 2, đoạn Trần Hưng Đạo - Thượng Đình	1	Hai Bà Trưng, Đống Đa, Thanh Xuân	QĐ phê duyệt CBĐT số 2166/QĐ-UBND ngày 3/6/08; 2322/QĐ-UBND ngày 25/5/2010; 1567/QĐ-UBND ngày 25/3/2014; 657-TB/TU ngày 14/8/2013	34.774.027	Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	- Dự án được phê duyệt CBĐT tại QĐ số 2407/QĐ-UBND ngày 12/6/2007 của UBND TP. Giá trị TMDT dự án được tính theo đề xuất dự án tại văn bản 1481/UBND-KH&ĐT ngày 31/3/2017 của UBND TP gửi Bộ KH&ĐT. - Nhật Bản bày tỏ quan tâm tài trợ cho toàn tuyến 2 từ Nam Thăng Long - Thượng Đình từ khi tài trợ nghiên cứu SAPROF cho toàn tuyến 2. Tuyến số 2 được tách thành 2 giai đoạn theo đề xuất của TP và được Thủ tướng chấp thuận tại văn bản số 123/VPCP-CN ngày 07/01/2008 của VPCP.
	<i>Vốn ODA</i>				28.631.209		
	<i>Vốn trong nước</i>				6.142.818		- Từ 2017-2019 thực hiện công tác CBĐT. Kinh phí CBĐT được duyệt là khoảng 8.000 triệu đồng, đã giải ngân đến hết 2016 là khoảng 3.000 triệu đồng, nhu cầu của Chủ đầu tư đề nghị bổ sung thêm 15.000 triệu đồng để hoàn thành CBĐT (do bổ sung nhiệm vụ lập BCNCTKT, lập ĐTM và phí thẩm tra, thẩm định...). - Dự kiến khởi công vào 2020, vốn trong nước dự kiến cho công tác quản lý dự án, lập các phương án GPMB, chi khác...
3	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, đoạn Nam Thăng Long - Nội Bài	1	Sóc Sơn, Đông Anh, Tây Hồ		25.040.000	Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 25.000-30.000 tỷ đồng (Văn bản 327/ĐSĐT-KH&ĐT ngày 27/3/2017). Dự kiến nguồn vốn đầu tư từ nguồn bán cổ phần các doanh nghiệp nhà nước và trái phiếu xây dựng Thủ đô.
4	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, tuyến 5, đoạn Văn Cao - Hòa Lạc	1	Hà Nội			Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ VỀ GIẢM THIỂU ÛN TẮC GIAO THÔNG

Kèm theo Báo cáo số **159** /BC-UBND ngày **19** /6/2017 của UBND Thành phố

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Phương án phân bổ vốn thực hiện đầu tư				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	4			719.785	630.000	190.000	220.000	220.000		
1	Xây dựng cầu Bắc Linh Đàm	1	Hoàng Mai	DA: 2134/QĐ-SGTVT 30/10/2013	43.600					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
2	Mở rộng đường Nguyễn Khoái (đoạn từ nút giao Vành đai 1 đến Lương Yên)	1	Hai Bà Trưng		50.000					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thông báo số 544-TB/TU ngày 10/02/2017 của TU Điều chỉnh tên dự án phù hợp nội dung đầu tư (Danh mục thuộc Chương trình là Cải tạo mở rộng tuyến đường dọc đê Long Biên - Bắc Cồ). Chưa thực hiện hạng mục cầu vượt nút giao Trần Hưng Đạo - Lương Yên nên TMĐT giảm từ 380 tỷ đồng còn khoảng 50 tỷ đồng
3	Cải tạo, chỉnh trang khu vực nút giao đầu cầu phía Bắc cầu Chương Dương	1	Long Biên	DA: 2130/QĐ-SGTVT 30/10/2013	26.185					BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
4	Trung tâm giám sát, điều hành về ứng dụng công nghệ thông tin thành phố Hà Nội (phục vụ các lĩnh vực KT-XH, PCCC, cứu hộ cứu nạn, dịch vụ công, giao thông công cộng,...)	1	Hà Nội		600.000					Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, đề xuất	Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành có đầy đủ các chức năng, ứng dụng CNTT, phục vụ công tác điều hành, quản lý của Thành phố. Dự kiến bố trí tại tầng 4, 5 Trung tâm giao dịch công nghệ thương mại Hà Nội khu X2, phường Xuân La, Tây Hồ.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020
NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC HUYỆN /THỊ XÃ

Kèm theo Báo cáo số **159/BC-UBND** ngày **19/6/2017** của UBND Thành phố

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt	Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú		
			B	C					Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số		NS Thành phố	NS Huyện	Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017				Năm 2018	Năm 2019
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG	274	28	246					10.723.265	8.779.006	7.400.000	1.379.006	1.881.397	7.400.000	1.494.000	5.906.000	1.476.500	1.476.500	1.476.500	1.476.500	274		
	THANH TOÁN NỢ XDCB									488.941	488.941			488.941	332.000	156.941	156.941						
	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	49	15	34					3.535.127	1.378.113	1.046.446	331.667	1.829.408	1.046.446	583.200	463.246	373.503	64.743	25.000		49		
	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	53		53					1.322.802	1.058.000	1.005.900	52.100	32.139	1.005.900	578.800	427.100	413.100	14.000			53		
	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020	172	13	159					5.865.336	5.853.952	4.858.713	995.239	19.850	4.858.713		4.858.713	532.956	1.397.757	1.451.500	1.476.500	172		
1	HUYỆN BA VÌ	11	1	10					382.458	538.843	500.000	38.843		500.000	83.000	417.000	104.250	104.250	104.250	104.250	11		
	THANH TOÁN NỢ XDCB										139.385			139.385	83.000	56.385	56.385						
A	GIAO THÔNG	8		8					286.478	286.419	272.276	14.143		272.276		272.276	35.100	28.676	104.250	104.250	8		
1	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	8		8					286.478	286.419	272.276	14.143		272.276		272.276	35.100	28.676	104.250	104.250	8		
1	Đường Sơn Đà- Thuận Mỹ (Tuyến nối đường TL 413 với đường tỉnh 414C).	1		1	xã Sơn Đà, Thuận Mỹ	2017-2018	2990m	948/QĐ-UBND 30/9/2011; 1136/QĐ-UBND 06/11/2014	18.359	18.300	16.500	1.800		16.500		16.500	16.500				1	UBND huyện Ba Vì	
2	Đường giao thông liên xã Phong Vân - Cổ Đô.	1		1	xã Phong Vân, Cổ Đô	2017-2018	2200m	1058/QĐ-UBND 19/10/2011	20.500	20.500	18.600	1.900		18.600		18.600	18.600				1	UBND huyện Ba Vì	
3	Đường giao thông liên xã QL 32 đi Cam Thượng (đi Xuân Sơn).	1		1	Xã Cam Thượng	2018-2019	9600m		45.050	45.050	42.550	2.500		42.550		42.550		13.804	28.746		1	UBND huyện Ba Vì	
4	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL 32 đi xã Vật Lại.	1		1	Xã Vật Lại	2018-2019	938m		14.872	14.872	14.872			14.872		14.872		14.872			1	UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước đường GT liên xã Tòng Bat đi Cẩm Lĩnh.	1		1	Xã Tòng Bat	2019-2020	5600m		49.936	49.936	48.493	1.443		48.493		48.493			17.502	30.991	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Cải tạo, nâng cấp đường từ TL 414 (87A cũ) đi Ao Vua.	1		1	huyện Ba Vì	2019-2020	3789m		44.527	44.527	42.527	2.000		42.527		42.527			15.800	26.727	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Đường giao thông liên xã Tân Hồng - Phú Cường.	1		1	xã Tân Hồng, Phú Cường	2019-2020	3242m		43.779	43.779	41.279	2.500		41.279		41.279			24.702	16.577	1	UBND huyện Ba Vì	
8	Đường giao thông liên xã Tiên Phong - Thụy An giai đoạn 2.	1		1	Các xã: Tiên Phong, Thụy An	2019-2020	4388m		49.455	49.455	47.455	2.000		47.455		47.455			17.500	29.955	1	UBND huyện Ba Vì	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt	Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú		
			B	C					Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số		NS Thành phố	NS Huyện	Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017				Năm 2018	Năm 2019
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
B	TRƯỜNG HỌC	2		2					46.431	63.531	40.931	22.600		40.931		40.931		40.931			2		
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	2		2					46.431	46.531	40.931	5.600		40.931		40.931		40.931			2		
1	Trường Tiểu học Phú Phương.	1		1	xã Phú Phương	2016-2020	Nhà hiệu bộ nhà lớp học 2 tầng, phụ trợ.		18.055	17.855	15.855	2.000		15.855		15.855		15.855			1	UBND huyện Ba Vì	
2	Trường THCS Cổ Đô.	1		1	xã Đông Thái	2016-2020	Nhà hiệu bộ 03 tầng, Nhà lớp học bộ môn 2 tầng, nhà lớp học 2 tầng, phụ trợ.		28.376	28.676	25.076	3.600		25.076		25.076		25.076			1	UBND huyện Ba Vì	
C	VĂN HÓA THỂ THAO	1	1						49.549	49.508	47.408	2.100		47.408		47.408	12.765	34.643			1		
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	1	1						49.549	49.508	47.408	2.100		47.408		47.408	12.765	34.643			1		
1	Trung tâm Văn hóa thể thao huyện (Hạng mục: Nhà Văn hoá trung tâm và các công trình phụ trợ)	1	1		Ba Vì	2016-2020	1000m2	679/QĐ-UBND 30/6/2014	49.549	49.508	47.408	2.100		47.408		47.408	12.765	34.643			1	UBND huyện Ba Vì	
2	II HUYỆN CHƯƠNG MỸ	21		21					506.231	422.441	420.000	7.500	61.605	420.000	83.000	337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	21		
	THANH TOÁN NỢ XDCB										88.059				83.000	5.059	5.059						
A	GIAO THÔNG	11		11					291.780	237.900	235.400	2.500	47.505	235.400	63.500	171.900	28.400	54.250	53.000	36.250	11		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					48.000	8.000	8.000		38.700	8.000	8.000						1		
1	Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Văn Trỗi (GĐ1 từ cầu Z đến đường vào UBND xã Hữu Văn)	1		1	Chương Mỹ	2015-2016	2700m	8227/QĐ-UBND 24/10/2014	48.000	8.000	8.000		38.700	8.000	8.000						1	UBND H. Chương Mỹ	
II	Dự án khởi công mới năm 2016	6		6					85.616	73.000	73.000		8.805	73.000	55.500	17.500	17.500				6		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phát triển làng nghề Phú Nghĩa	1		1	Chương Mỹ	2016-2017	3150m	8083/QĐ-UBND 29/10/2015	12.642	10.500	10.500		1.500	10.500	10.500						1	UBND H. Chương Mỹ	
2	Đường giao thông liên xã Hợp Đồng - Tốt Động	1		1	Chương Mỹ	2016-2017	1182m	8111/QĐ-UBND 30/10/2015	12.023	10.000	10.000		1.000	10.000	10.000						1	UBND H. Chương Mỹ	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thôn Ninh Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1		1	Chương Mỹ	2016-2017	1900m	8084/QĐ-UBND 29/10/2015	12.771	10.500	10.500		1.500	10.500	10.500						1	UBND H. Chương Mỹ	
4	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Mỹ Lương đi đường Hồ Chí Minh	1		1	Chương Mỹ	2016-2020	5000m	8226/QĐ-UBND 24/10/2014	18.439	15.000	15.000		2.305	15.000	12.500	2.500	2.500				1	UBND H. Chương Mỹ	
5	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ khu Ninh Kiều đi Trại Tầm phường Biên Giang	1		1	Chương Mỹ	2016-2017	2900m	8082/QĐ-UBND 29/10/2015	14.997	13.000	13.000		1.500	13.000	6.000	7.000	7.000				1	UBND H. Chương Mỹ	
6	Đường giao thông xã Đồng Lạc đi Phúc Lâm, Mỹ Đức	1		1	Chương Mỹ	2016-2017	1550m	8109/QĐ-UBND 30/10/2015	14.744	14.000	14.000		1.000	14.000	6.000	8.000	8.000				1	UBND H. Chương Mỹ	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	4		4					158.164	156.900	154.400	2.500		154.400		154.400	10.900	54.250	53.000	36.250	4		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thị trấn Chúc Sơn (Từ An Phú đi tỉnh lộ 419)	1		1	TT Chúc Sơn	2017-2018	1280m	9339/QĐ-UBND 28/10/2016	13.477	13.400	10.900	2.500		10.900		10.900	10.900				1	UBND H. Chương Mỹ	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-JIT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
2	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hoá mặt đê máng 7, huyện Chương Mỹ (đoạn Thụy Hương - Hoàng Diệu)	1		1	Huyện Chương Mỹ	2017-2019	6760m		77.037	76.750	76.750			76.750		76.750		23.750	53.000		1	UBND H. Chương Mỹ	
3	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Trần Phú đi đường Hồ Chí Minh	1		1	Xã Trần Phú	2017-2019	6538m		30.929	30.500	30.500			30.500		30.500		30.500			1	UBND H. Chương Mỹ	
4	Đường giao thông liên xã Nam Phương Tiến đi xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn (Hoà Bình)	1		1	Xã Nam Phương Tiến	2019-2020	2950m		36.721	36.250	36.250			36.250		36.250				36.250	1	UBND H. Chương Mỹ	
B	TRƯỜNG HỌC	9		9					186.151	177.041	172.041	5.000	2.100	172.041	14.500	157.541	48.291	30.000	31.250	48.000	9		
I	Dự án khởi công mới năm 2016	2		2					29.778	25.850	25.850		1.700	25.850	14.500	11.350	11.350				2		
1	Trường mầm non Nam Phương Tiến A	1		1	Xã Nam Phương Tiến	2016-2020	12 phòng học	8086/QĐ-UBND 29/10/2015	14.780	12.850	12.850		1.000	12.850	7.000	5.850	5.850				1	UBND H. Chương Mỹ	
2	Trường THCS Bê Tông	1		1	xã Thủy Xuân Tiên	2016-2020	3 tầng+nhà đa năng	6193/QĐ-UBND 01/9/2015	14.998	13.000	13.000		700	13.000	7.500	5.500	5.500				1	UBND H. Chương Mỹ	
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	7		7					156.373	151.191	146.191	5.000	400	146.191		146.191	36.941	30.000	31.250	48.000	7		
1	Trường tiểu học Hoàng Diệu	1		1	Xã Hoàng Diệu	2017-2018	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ	9176/QĐ-UBND 24/10/2016	14.986	14.000	12.000	2.000		12.000		12.000	12.000				1	UBND H. Chương Mỹ	
2	Trường THCS Đồng Phú	1		1	Xã Đồng Phú	2017-2018	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ	9177/QĐ-UBND 24/10/2016	14.780	14.000	12.000	2.000		12.000		12.000	12.000				1	UBND H. Chương Mỹ	
3	Trường tiểu học thị trấn Chúc Sơn A	1		1	TT Chúc Sơn	2017-2018	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ	9178/QĐ-UBND 24/10/2016	14.860	13.941	12.941	1.000		12.941		12.941	12.941				1	UBND H. Chương Mỹ	
4	Trường THCS Mỹ Lương	1		1	Xã Mỹ Lương	2018	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ		30.000	30.000	30.000			30.000		30.000		30.000			1	UBND H. Chương Mỹ	
5	Trường Tiểu học Tốt Động	1		1	Xã Tốt Động	2019-2020	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ		39.004	38.250	38.250			38.250		38.250			31.250	7.000	1	UBND H. Chương Mỹ	
6	Trường THCS Xuân Mai B	1		1	TT Xuân Mai	2020	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ		27.768	27.000	27.000			27.000		27.000				27.000	1	UBND H. Chương Mỹ	
7	Trường mầm non khu B xã Hợp Đồng	1		1	Xã Hợp Đồng	2020	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ		14.975	14.000	14.000		400	14.000		14.000				14.000	1	UBND H. Chương Mỹ	
C	TRỤ SỞ XÃ	1		1					28.300	7.500	7.500		12.000	7.500	5.000	2.500	2.500				1		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					28.300	7.500	7.500		12.000	7.500	5.000	2.500	2.500				1		
1	Trụ sở UBND xã Lam Điền	1		1	xã Lam Điền	2015-2017	3200m2	6330/QĐ-UBND 30/10/2011	28.300	7.500	7.500		12.000	7.500	5.000	2.500	2.500				1	UBND H. Chương Mỹ	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú	
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019				Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
3	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	13	5	8					905.022	533.100	340.000	193.100	362.606	340.000	83.000	257.000	64.250	64.250	64.250	64.250	13		
A	GIAO THÔNG	5	3	2					530.460	158.850	109.250	49.600	362.606	109.250	83.000	26.250	26.250				5		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	5	3	2					530.460	158.850	109.250	49.600	362.606	109.250	83.000	26.250	26.250				5		
1	Đường nhánh N1 (giao nhánh 2 kênh Đan Hoài tại xã Hạ Mỗ-Đê Tiên Tân)	1		1	Xã Hạ Mỗ	2015-2016	8150m	1860/QĐ-UBND 29/10/2010	49.689	20.000	20.000		19.600	20.000	20.000						1	UBND H. Đan Phượng	Huyện đề nghị TP hỗ trợ 20 tỷ.
2	Đường nhánh N12 (từ Cầu Trúng Đích xã Hạ Mỗ đê QL 32)	1	1		Xã Hạ Mỗ - TT Phùng	2013-2016	5160m	5622/QĐ-UBND 12/11/2010	168.740	35.800	35.800		125.000	35.800	35.800						1	UBND H. Đan Phượng	Huyện đề nghị TP hỗ trợ 35,8 tỷ.
3	Đường nối đê Tiên Tân với đê Hữu Hồng	1	1		Xã Hồng Hà - Xã Hạ Mỗ	2015-2016	8150m	5886/QĐ-UBND 26/11/2010	61.000	22.000	10.400	11.600	31.070	10.400	10.400						1	UBND H. Đan Phượng	
4	Đường nhánh N14 (điểm đầu giao với QL 32, điểm cuối giao TL 417)	1		1	Đan Phượng	2015-2017	1257m	5621/QĐ-UBND 31/10/2011	49.800	49.000	11.000	38.000	27.000	11.000		11.000	11.000				1	UBND H. Đan Phượng	Huyện đề nghị TP hỗ trợ 11 tỷ đồng hoàn thành DA 2017
5	Đường nhánh N4 (nối từ tỉnh lộ 417 đến đê Hữu Hồng)	1	1		Xã Đan Phượng - Phường Đình-Thọ Xuân	2015-2017	7850m	5776/QĐ-UBND 22/02/2011	201.231	32.050	32.050		159.936	32.050	16.800	15.250	15.250				1	UBND H. Đan Phượng	Huyện đề nghị TP hỗ trợ 33,8 tỷ.
B	TRƯỜNG HỌC	8	2	6					374.562	374.250	230.750	143.500		230.750		230.750	38.000	64.250	64.250	64.250	8		
I	Dự án mới khởi công năm 2016	1		1					13.562	11.500	6.000	5.500		6.000		6.000	6.000				1		
I	Mầm non Đồng Tháp; HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	1		1	Đồng Tháp	2016-2018	1274m	3736/QĐ-UBND 30/10/2015	13.562	11.500	6.000	5.500		6.000		6.000	6.000				1	UBND H. Đan Phượng	Năm 2017 ngân sách huyện bổ trợ
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	7	2	5					361.000	362.750	224.750	138.000		224.750		224.750	32.000	64.250	64.250	64.250	7		
1	Trường mầm non Thương Mỗ.	1		1	Xã Thương Mỗ	2017-2018	Nhà lớp học 2 tầng, và các hạng mục phụ trợ.	6457/QĐ-UBND 31/10/2016	12.538	21.500	10.500	11.000		10.500		10.500	10.500				1	UBND H. Đan Phượng	
2	Trường tiểu học Liên Trung.	1		1	Xã Liên Trung.	2017-2018	Nhà lớp học 4 tầng tầng	6388/QĐ-UBND 28/10/2016	9.020	10.500	8.000	2.500		8.000		8.000	8.000				1	UBND H. Đan Phượng	
3	Trường THCS Đồng Tháp.	1		1	Xã Đồng Tháp	2017-2018	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học chức năng 3 tầng	6389/QĐ-UBND 28/10/2016	14.986	18.000	13.500	4.500		13.500		13.500	13.500				1	UBND H. Đan Phượng	
4	Trường Tiểu học Tân Lập (khu B)	1		1	Xã Tân Lập	2018-2020	Khởi nhà học số 2: 3 tầng 12 phòng, nhà hiệu bộ Nhà đa năng.		104.826	96.250	56.250	40.000		56.250		56.250		16.000	13.000	27.250	1	UBND H. Đan Phượng	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
5	Trường mầm non Tân Lập (điểm trường thôn Hạnh Dân).	1		1	Xã Tân Lập	2018-2019	Nhà học 2 tầng; khối nhà học 3 tầng nhà hiệu bộ TDT, phụ trợ.		74.532	76.250	43.250	33.000		43.250		43.250		23.250	20.000		1	UBND H. Đan Phượng	
6	Trường mầm non 2 Tân Hội.	1	1		Xã Tân Hội	2018-2019	Nhà học 2 tầng Nhà hiệu bộ, Nhà đa năng.		71.928	70.000	43.000	27.000		43.000		43.000		25.000	18.000		1	UBND H. Đan Phượng	
7	Trường THCS Tân Hội.	1	1		Xã Tân Hội	2019-2020	Nhà học 3 tầng; Khối nhà hiệu bộ 4 tầng; và phụ trợ		73.170	70.250	50.250	20.000		50.250		50.250			13.250	37.000	1	UBND H. Đan Phượng	
4	HUYỆN ĐÔNG ANH	11	5	6					762.252	573.800	340.000	233.800	133.128	340.000	83.000	257.000	64.250	64.250	64.250	64.250	11		
A	GIAO THÔNG	5	1	4					223.986	136.600	99.750	36.850	56.750	99.750	44.500	55.250	40.250	15.000			5		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	2	1	1					142.413	56.500	56.500		56.150	56.500	31.500	25.000	25.000				2		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nam Hà huyện Đông Anh	1	1		Xã Việt Hùng - Văn Hà - Liên Hà	2014-2016	4200m	2451/QĐ-UBND; 31/8/2012	111.948	40.000	40.000		45.600	40.000	15.000	25.000	25.000				1	UBND huyện Đông Anh	
2	Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu kênh giữa đến cầu Nam Hồng	1		1	Xã Nam Hồng - Bắc Hồng	2014-2016	1625m	3344/QĐ-UBND 24/10/2012	30.465	16.500	16.500		10.550	16.500	16.500						1	UBND huyện Đông Anh	
II	Dự án khởi công mới năm 2016	2		2					55.823	54.350	28.250	26.100	350	28.250	13.000	15.250	15.250				2		
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu Nam Hồng đến đường sắt Bắc Hồng	1		1	Xã Nam Hồng	2016-2020	2900m	3350/QĐ-UBND; 24/10/2012	14.473	13.000	13.000		50	13.000	13.000						1	UBND huyện Đông Anh	
2	Mở rộng cơ đường từ đường trục kinh tế miền Đông xã Liên Hà đi đường bệnh viện Đông Anh - Đền Sỏi (qua thôn Hương Trâm, Thụy Lâm)	1		1	Liên Hà, Thụy Lâm	2016-2017	2218m	4184/QĐ-UBND ngày 04/12/2012	41.350	41.350	15.250	26.100	300	15.250		15.250	15.250				1	UBND huyện Đông Anh	Dự án đã khởi công năm 2016; ngân sách Huyện đã bố trí KH2016: 16.000 triệu đồng.
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020	1		1					25.750	25.750	15.000	10.750	250	15.000		15.000		15.000			1		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Bắc Hồng đến địa phận xã Quang Minh, huyện Mê Linh	1		1	xã Bắc Hồng	2016-2018	2036m		25.750	25.750	15.000	10.750	250	15.000		15.000		15.000			1	UBND huyện Đông Anh	
B	TRƯỜNG HỌC	5	4	1					508.716	420.200	223.250	196.950	75.878	223.250	29.500	193.750	16.000	49.250	64.250	64.250	5		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1	1						104.251	20.000	20.000		75.438	20.000	20.000						1		
1	Xây dựng trường THCS Hải Bối	1	1		Hải Bối	2014-2016	20 Phòng học	4705/QĐ-UBND 29/10/2010	104.251	20.000	20.000		75.438	20.000	20.000						1	UBND huyện Đông Anh	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Điểm điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
II	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					29.765	25.500	25.500		440	25.500	9.500	16.000	16.000				1		
I	Xây dựng trung tâm mầm non Hoa sữa, thôn Đình Tráng, xã Dục Tú	1		1	Dục Tú	2015-2017	10 lớp	3279/QĐ-UBND; 12/10/2012	29.765	25.500	25.500		440	25.500	9.500	16.000	16.000				1	UBND huyện Đông Anh	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020	3	3						374.700	374.700	177.750	196.950		177.750		177.750		49.250	64.250	64.250	3		
I	Xây dựng trường THCS Thụy Lâm	1	1		xã Thụy Lâm	2019-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 33 lớp	4071/QĐ-UBND 28/10/2011	120.400	120.400	50.000	70.400		50.000		50.000			18.000	32.000	1	UBND huyện Đông Anh	
2	Xây dựng trường tiểu học Việt Hùng	1	1		xã Việt Hùng	2018-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 30 lớp		90.500	90.500	70.000	20.500		70.000		70.000		17.000	20.750	32.250	1	UBND huyện Đông Anh	
3	Xây dựng trường THCS xã Dục Tú, huyện Đông Anh	1	1		xã Dục Tú	2018-2019	Xây mới đồng bộ, quy mô 39 lớp	1472/QĐ-UBND 06/5/2011	163.800	163.800	57.750	106.050		57.750		57.750		32.250	25.500		1	UBND huyện Đông Anh	
C	TRỤ SỞ XÃ	1		1					29.550	17.000	17.000		500	17.000	9.000	8.000	8.000				1		
	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					29.550	17.000	17.000		500	17.000	9.000	8.000	8.000				1		
I	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND xã Kim Chung	1		1	Xã Kim Chung	2016-2017	14 phòng, hội trường	3411/QĐ-UBND; 24/10/2012	29.550	17.000	17.000		500	17.000	9.000	8.000	8.000				1	UBND huyện Đông Anh	NS Thành phố hỗ trợ 60%
5	HUYỆN GIA LÂM	12	1	11					520.071	379.957	340.000	39.957	111.550	340.000	83.000	257.000	64.250	64.250	64.250	64.250	12		
A	GIAO THÔNG	3	1	2					212.126	97.887	93.950	3.937	104.000	93.950	54.000	39.950		15.750	24.200		3		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	2	1	1					168.713	54.000	54.000		104.000	54.000	54.000						2		
I	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ đường 181 đi thôn Chi Đông và Cổng Doanh, xã Lê Chi (GD1, II)	1	1		TT Trâu Quỳ	2015-2016	15320m	3617/QĐ-UBND 29/12/2011; 1836/QĐ-UBND 19/8/2013	119.720	22.000	22.000		89.000	22.000	22.000						1	UBND huyện Gia Lâm	
2	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Trâu Quỳ đi Đông Dư	1		1	Xã Trâu Quỳ	2015-2016	4288m	829/QĐ-UBND 29/3/2012	48.993	32.000	32.000		15.000	32.000	32.000						1	UBND huyện Gia Lâm	
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	1		1					43.413	43.887	39.950	3.937		39.950		39.950		15.750	24.200		1		
I	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba chợ Bún đến dốc đê Bát Trảng	1		1	TT Trâu Quỳ- Xã Đa Tốn	2018-2019	1184m		43.413	43.887	39.950	3.937		39.950		39.950		15.750	24.200		1	UBND huyện Gia Lâm	
B	TRƯỜNG HỌC	8		8					257.531	246.670	225.050	21.620	550	225.050	18.000	207.050	54.250	48.500	40.050	64.250	8		
I	Dự án khởi công mới năm 2016	2		2					20.248	18.000	18.000		450	18.000	18.000						2		
I	Xây dựng Trường Mầm non Đông Dư, huyện Gia Lâm	1		1	Xã Đông Dư	2015-2016	18 nhóm lớp	7077/QĐ-UBND 05/10/2015;	9.355	8.500	8.500		200	8.500	8.500						1	UBND huyện Gia Lâm	
2	Xây dựng Trường Mầm non Đình Xuyên, huyện Gia Lâm - Giai đoạn II	1		1	Xã Đình Xuyên	2015-2016	08 phòng	7493/QĐ-UBND 27/10/2015;	10.893	9.500	9.500		250	9.500	9.500						1	UBND huyện Gia Lâm	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	6		6					237.283	228.670	207.050	21.620	100	207.050		207.050	54.250	48.500	40.050	64.250	6		
1	Xây dựng Trường Mầm non Phú Đồng, huyện Gia Lâm	1		1	Xã Phú Đồng	2017-2018	18 nhóm lớp, nhà hiệu bộ	7611/QĐ-UBND 06/9/2016	49.669	48.535	44.000	4.535		44.000		44.000	22.000	22.000			1	UBND huyện Gia Lâm	
2	Xây dựng Trường Mầm non Đặng Xá, huyện Gia Lâm	1		1	xã DĐặng xá	2017-2018	14 nhóm lớp, phòng chức năng	9302/QĐ-UBND 31/10/2016	51.994	50.726	46.000	4.726		46.000		46.000	19.500	26.500			1	UBND huyện Gia Lâm	
3	Xây dựng trường tiểu học Dương Quang, huyện Gia Lâm	1		1	xã Dương Quang	2017	13 phòng học, cải tạo 10 phòng học	9087/QĐ-UBND 28/10/2016	14.929	13.982	12.750	1.232		12.750		12.750	12.750				1	UBND huyện Gia Lâm	
4	Xây dựng Trường Mầm non Phú Thị, huyện Gia Lâm	1		1	xãPhú Thị	2019-2020	20 nhóm lớp, phòng chức năng		37.763	36.471	33.000	3.471		33.000		33.000			15.000	18.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
5	Xây dựng trường tiểu học Yên Viên, huyện Gia Lâm	1		1	xã Yên Viên	2019-2020	18 phòng học, nhà hiệu bộ		46.241	44.461	40.250	4.211		40.250		40.250			12.250	28.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
6	Xây dựng trường THCS Dương Quang, huyện Gia Lâm	1		1	xã Dương Quang	2019-2020	22 phong học, cải tạo khối còn lại		36.687	34.495	31.050	3.445	100	31.050		31.050			12.800	18.250	1	UBND huyện Gia Lâm	
C	VĂN HÓA THỂ THAO	1		1					50.414	35.400	21.000	14.400	7.000	21.000	11.000	10.000	10.000				1		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					50.414	35.400	21.000	14.400	7.000	21.000	11.000	10.000	10.000				1		
1	Tu bổ, tôn tạo khu di tích lịch sử Phú Đồng, huyện Gia Lâm	1		1	Xã Phú Đồng	2015-2016	Tu bổ đình Hạ Mã, Cùm đền Thượng,	3831/QĐ-UBND 22/8/2011	50.414	35.400	21.000	14.400	7.000	21.000	11.000	10.000	10.000				1	UBND huyện Gia Lâm	NS Huyện bố trí phần còn lại
6	HUYỆN HOÀI ĐỨC	9	3	6					461.514	422.174	340.000	82.174	18.720	340.000	83.000	257.000	64.250	64.250	64.250	64.250	9		
A	GIAO THÔNG	4		4					110.294	88.149	83.250	4.899	13.420	83.250	45.000	38.250	13.250	25.000			4		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					27.996	12.000	12.000		12.500	12.000	12.000						1		
1	Đường Yên Sở - Song Phương dọc kênh đân hoài (đoạn Yên Sở - Đặc Sở)	1		1		2015-2016	1164m	6506/QĐ-UBND 24/10/2014	27.996	12.000	12.000		12.500	12.000	12.000						1	UBND huyện Hoài Đức	
II	Dự án khởi công mới năm 2016	2		2					52.399	46.250	46.250		920	46.250	33.000	13.250	13.250				2		
1	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã từ Cát Ngòi - đi xã Dương Liễu	1		1	Xã Cát Ngòi - Dương Liễu	2015	1200m	6160/QĐ-UBND 24/10/2015	14.924	13.000	13.000		420	13.000	13.000						1	UBND huyện Hoài Đức	
2	Đường ĐH 04 giai đoạn I -đoạn Dương Liễu-Cát Quế	1		1	Xã Dương Liễu-Đông La	2016-2017	2698m	3253/QĐ-UBND, 03/8/2015; 6452/QĐ-UBND 30/10/2015	37.475	33.250	33.250		500	33.250	20.000	13.250	13.250				1	UBND huyện Hoài Đức	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	1		1					29.899	29.899	25.000	4.899		25.000		25.000		25.000			1		
1	Hệ thống thoát nước kết hợp đường giao thông nông thôn kết nối Hoài Đức - Phúc Thọ (đoạn qua Dương Liễu- Liên Hiệp)	1		1	Xã Dương Liễu - Ninh Hiệp	2018-2019	2.486m	8245/QĐ-UBND 31/10/2016	29.899	29.899	25.000	4.899		25.000		25.000		25.000			1	UBND huyện Hoài Đức	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt	Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bỏ tới đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú		
			B	C					Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số		NS Thành phố	NS Huyện	Tổng số	Năm 2016	Gini đoạn 2017-2020	Năm 2017				Năm 2018	Năm 2019
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
B	TRƯỜNG HỌC	4	3	1					280.474	273.525	196.250	77.275	4.800	196.250	12.500	183.750	16.000	39.250	64.250	64.250	4		
I	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					35.449	28.500	28.500		2.800	28.500	12.500	16.000	16.000				1		
1	Trường mầm non Tiên Yên. Địa điểm thôn Tiên Lệ. Hạng mục Nhà lớp học 2tầng, nhà lớp học 3 tầng, kết hợp nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	1		1	Xã Tiên Yên	2016-2017	12 phòng và phòng ban khác	3119/QĐ-UBND, 31/7/15;6472/QĐ-UBND 30/10/2015	35.449	28.500	28.500		2.800	28.500	12.500	16.000	16.000				1	UBND huyện Hoài Đức	
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	3	3						245.025	245.025	167.750	77.275	2.000	167.750		167.750		39.250	64.250	64.250	3		
1	Trường mầm non Đông La II	1	1		Xã Đông La	2018-2019	khối nhà hiệu bộ; 2 khối nhà học, phụ trợ	8240/QĐ-UBND 31/10/2016	62.121	62.121	39.250	22.871	1.000	39.250		39.250		39.250			1	UBND huyện Hoài Đức	
2	Trường THCS Nguyễn Văn Huyền	1	1		Xã Dương Liễu	2019-2020	Khối hiệu bộ, Khối nhà học bộ môn. Khối nhà đa năng	8263/QĐ-UBND 31/10/2016	118.259	118.259	80.000	38.259	1.000	80.000		80.000			40.000	40.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
3	Trường mầm non Tiên Yên - Khu Yên Thái	1	1		xã Tiên Yên	2019-2020	02 khối nhà học cao 02 tầng, 01 khối nhà học		64.645	64.645	48.500	16.145		48.500		48.500			24.250	24.250	1	UBND huyện Hoài Đức	
C	MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN	1		1					70.746	60.500	60.500		500	60.500	25.500	35.000	35.000				1		
I	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					70.746	60.500	60.500		500	60.500	25.500	35.000	35.000				1		
1	Xây dựng hệ thống thoát nước thải kết hợp giao thông nông thôn xã Dương Liễu - Cát Quế	1		1	Xã Dương Liễu - Cát Quế	2016-2017	5300m	6398/QĐ-UBND 29/10/2015	70.746	60.500	60.500		500	60.500	25.500	35.000	35.000				1	UBND huyện Hoài Đức	
7	HUYỆN MÊ LINH	29	2	27					668.362	461.130	420.000	41.130	93.913	420.000	83.000	337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	29		
A	GIAO THÔNG	3	1	2					221.524	64.000	64.000		60.353	64.000	37.500	26.500	26.500				3		
I	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015	1	1						158.689	15.000	15.000		59.393	15.000	15.000						1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Chi đông - Kim Hoa	1	1		TT Chi Đông - xã Kim Hoa	2014-2016	3500m	5751/QĐ-UBND 18/11/2010	158.689	15.000	15.000		59.393	15.000	15.000						1	UBND huyện Mê Linh	NSTP hỗ trợ 50% CPQPMB + toàn bộ XL
II	Dự án khởi công mới năm 2016	2		2					62.835	49.000	49.000		960	49.000	22.500	26.500	26.500				2		
1	Xây dựng đường 24m Khu trung tâm hành chính huyện Mê Linh.	1		1	xã Đại Thịnh	2016-2018	800m	6140/QĐ-UBND 25/10/2013	34.252	25.500	25.500		340	25.500	13.000	12.500	12.500				1	UBND huyện Mê Linh	
2	Cải tạo đường giao thông liên xã Tiên Thắng - Tự Lập, huyện Mê Linh (giai đoạn I)	1		1	xã Tiên Thắng, xã Tự Lập	2016-2017	2.100m	5702/QĐ-UBND 27/9/2013	28.583	23.500	23.500		620	23.500	9.500	14.000	14.000				1	UBND huyện Mê Linh	
B	TRƯỜNG HỌC	24	1	23					395.813	351.130	326.000	25.130	33.060	326.000	25.500	300.500	47.750	84.250	84.250	84.250	24		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2	1	1					75.087	32.500	32.500		32.360	32.500	13.000	19.500	19.500				2		

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt	Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú	
			B	C					Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	Mở rộng Trường Mầm non Nội Đồng thành trường Mầm non trung tâm xã Đại Thịnh	1		1	xã Đại Thịnh	2015-2017	Nhà lớp học, nhà cầu; phụ trợ	6723/QĐ-UBND,23/10/2014	26.573	10.500	10.500		11.500	10.500	6.000	4.500	4.500				1	UBND huyện Mê Linh	
2	Trường tiểu học Tiên Phong A	1	1		xã Tiên Phong	2015-2017	24 phòng học	6481/QĐ-UBND 24/10/2012; 2502/QĐ-UBND 12/5/2014	48.514	22.000	22.000		20.860	22.000	7.000	15.000	15.000				1	UBND huyện Mê Linh	
II	Dự án khởi công mới năm 2016	2		2					14.596	12.500	12.500		200	12.500	12.500						2		
1	Tiểu học Tiên Thịnh A, xã Tiên Thịnh (Xây dựng nhà hiệu bộ và cải tạo nhà lớp học)	1		1	xã Tiên Thịnh	2016	NHB 2 tầng; cải tạo NLH 2 tầng	5694/QĐ-UBND,27/9/2013	5.852	5.000	5.000		100	5.000	5.000						1	UBND huyện Mê Linh	
2	Trường Tiểu học Chu Phan A (GD2)	1		1	xã Chu Phan	2016	NHB kết hợp phòng bộ môn 3 tầng	6726QĐ-UBND 30/10/2014	8.744	7.500	7.500		100	7.500	7.500						1	UBND huyện Mê Linh	
III	Dự án mới khởi công giai đoạn 2017 - 2020	20		20					306.130	306.130	281.000	25.130	500	281.000		281.000	28.250	84.250	84.250	84.250	20		
1	Trường mầm non Mê Linh, xã Mê Linh, huyện Mê Linh (Khu Trung tâm)	1		1	Xã Mê Linh	2017-2018	Nhà hiệu bộ, lớp học 02 tầng, à các phòng làm việc	6124/QĐ-UBND 24/10/2013	22.131	22.131	20.500	1.631		20.500		20.500	11.000	9.500			1	UBND huyện Mê Linh	
2	Trường tiểu học Tự Lập A, xã Tự Lập, huyện Mê Linh	1		1	xã Tự Lập	2017	Nhà hiệu bộ 02 tầng;Nhà cầu	7438/QĐ-UBND 27/12/2014	7.997	7.997	7.000	997		7.000		7.000	7.000				1	UBND huyện Mê Linh	
3	Trường THCS Chu Phan (Nhà lớp học bộ môn và nhà giáo dục thể chất)	1		1	xã Chu Phan	2017	Nhà lớp học bộ môn 03 tầng ; nhà thể chất 01 tầng	8763/QĐ-UBND 31/12/2012	11.449	11.449	10.250	1.199		10.250		10.250	10.250				1	UBND huyện Mê Linh	
4	Trường mầm non Thanh Lâm, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (điểm lẻ thôn Đồng Vờ)	1		1	xã Thanh Lâm	2018	Nhà 2 tầng , phòng chức năng;		10.915	10.915	10.000	915		10.000		10.000		10.000			1	UBND huyện Mê Linh	
5	Trường mầm non Hoàng Kim, xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh (khu trung tâm tại thôn Tây Xá)	1		1	xã Hoàng Kim	2018	Nhà lớp học,Nhà điều hành 3 tầng		17.578	17.578	16.000	1.578		16.000		16.000		16.000			1	UBND huyện Mê Linh	
6	Trường mầm non Văn Khê - khu Trung tâm, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	1		1	xã Văn Khê	2018-2019	Nhà lớp học 20 phòng, nhà điều hành,		21.220	21.220	19.500	1.720		19.500		19.500		8.500	11.000		1	UBND huyện Mê Linh	
7	Trường mầm non Quang Minh A, Thị trấn Quang Minh huyện Mê Linh (Khu Trung tâm)	1		1	Thị trấn Quang Minh	2019-2020	NLH 2 tầng; cải tạo nhà lớp học tầng		43.895	43.895	41.500	2.395		41.500		41.500			22.500	19.000	1	UBND huyện Mê Linh	
8	Trường mầm non Quang Minh B, Thị trấn Quang Minh huyện Mê Linh (Khu Trung tâm)	1		1	Thị trấn Quang Minh	2019-2020	Xây dựng nhà lớp học 20 phòng Xây dựng nhà điều hành		30.858	30.858	29.250	1.608	100	29.250		29.250			13.250	16.000	1	UBND huyện Mê Linh	
9	Trường tiểu học Hoàng Kim, xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh (giai đoạn 2).	1		1	xã Hoàng Kim	2018	Nhà hiệu bộ; nhà lớp học 2 tầng; các hạng mụcphụ trợ		12.816	12.816	11.000	1.816		11.000		11.000		11.000			1	UBND huyện Mê Linh	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
10	Trường tiểu học Mê Linh, xã Mê Linh, huyện Mê Linh (HM: nhà giáo dục thể chất; nhà lớp học bộ môn kết hợp các phòng phục vụ học tập và các HM phụ trợ).	1		1	xã Mê Linh	2018	Nhà thể chất, nhà lớp học bộ môn và phụ trợ		10.675	10.675	9.250	1.425		9.250		9.250		9.250			1	UBND huyện Mê Linh	
11	Trường tiểu học Kim Hoa A, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	1		1	xã Kim Hoa	2018	khối nhà gồm 04 phòng học và các hạng mục phụ trợ		7.215	7.215	6.500	715		6.500		6.500		6.500			1	UBND huyện Mê Linh	
12	Trường Tiểu học Thanh Lâm B, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (Hạng mục: Xây dựng nhà hiệu bộ kết hợp các phòng học chức năng, nhà giáo dục thể chất, cải tạo lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ)	1		1	xã Thanh Lâm (Khu đất hiện có của Trường)	2019	Nhà hiệu bộ, phòng học chức năng,nhà lớp học, mục phụ trợ		14.020	14.020	12.500	1.520		12.500		12.500			12.500		1	UBND huyện Mê Linh	
13	Trường Tiểu học Tráng Việt A, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh (NLH 3 tầng; nhà bảo vệ, tường rào và các HM phụ trợ)	1		1	xã Tráng Việt	2020	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng và phụ trợ		10.735	10.735	10.000	735	100	10.000		10.000				10.000	1	UBND huyện Mê Linh	
14	Trường Tiểu học Tiên Phong B, xã Tiên Phong (giai đoạn 2).	1		1	xã Tiên Phong	2020	Nhà hiệu bộ 03 tầng ; Nhà thể chất, hạng mục phụ trợ		8.972	8.972	8.000	972	200	8.000		8.000				8.000	1	UBND huyện Mê Linh	
15	Trường Tiểu học Tam Đồng, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	1		1	Xã Tam Đồng	2020	Nhà lớp học và phòng bộ môn 03 tầng ; Cải tạo nhà lớp học 02 tầng 08 phòng, các hạng mục phụ trợ		11.590	11.590	11.000	590		11.000		11.000				11.000	1	UBND huyện Mê Linh	
16	Trường THCS Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh (HM: xây dựng nhà lớp học 3 tầng và nhà vệ sinh ngoài trời và các hạng mục phụ trợ).	1		1	TT Quang Minh	2018	Nhà lớp học bộ môn 03 tầng;nhà lớp học 03 tầng; phụ trợ.		14.955	14.955	13.500	1.455	100	13.500		13.500		13.500			1	UBND huyện Mê Linh	
17	Trường THCS Tự Lập, xã Tự Lập, huyện Mê Linh (HM: Cổng, nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn)	1		1	xã Tự Lập	2019	Nhà hiệu bộ 02 tầng, nhà lớp học bộ môn 03 tầng, phụ trợ		13.995	13.995	13.000	995		13.000		13.000			13.000		1	UBND huyện Mê Linh	
18	Trường THCS Tiên Phong, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (giai đoạn 2)	1		1	xã Tiên Phong	2019	Nhà lớp học 03 tầng; Cải tạo nhà lớp học 21 phòng		13.402	13.402	12.000	1.402		12.000		12.000			12.000		1	UBND huyện Mê Linh	
19	Trường THCS Mê Linh, xã Mê Linh, huyện Mê Linh (Các hạng mục: Xây dựng nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng học;; Cải tạo nhà lớp học2 tầng 10 phòng học; xây dựng hệ thống thoát nước sân trường)	1		1	Xã Mê Linh	2020	Nhà hiệu bộ 03 tầng; nhà lớp học 02 tầng; phụ trợ		12.876	12.876	12.000	876		12.000		12.000				12.000	1	UBND huyện Mê Linh	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HIT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
20	Trường THCS Văn Khê B, xã Văn Khê, huyện Mê Linh (Hạng mục: Nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ)	1		1	xã Văn Khê	2020	Nhà giáo dục thể chất, các hạng mục phụ trợ		8.836	8.836	8.250	586		8.250		8.250				8.250	1	UBND huyện Mê Linh	
C	TRỤ SỞ XÃ	2		2					51.025	46.000	30.000	16.000	500	30.000	20.000	10.000	10.000				2		
I	Dự án mới khởi công năm 2016	2		2					51.025	46.000	30.000	16.000	500	30.000	20.000	10.000	10.000				2		
1	Hội trường và các công trình phụ trợ thuộc khuôn viên trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND xã Tiến Thắng	1		1	Xã Tiến Thắng	2015-2016	Nhà hội trường+ phụ trợ	6080/QĐ-UBND 21/10/2013	12.591	11.000	7.000	4.000	200	7.000	7.000						1	UBND huyện Mê Linh	NS Thành phố hỗ trợ 60%
2	Trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND xã Tiến Thịnh	1		1	Xã Tiến Thịnh	2016-2017	Nhà làm việc 3 tầng	5344/QĐ-UBND 30/10/2015	38.434	35.000	23.000	12.000	300	23.000	13.000	10.000	10.000				1	UBND huyện Mê Linh	
8	HUYỆN PHÚ XUYỀN	11		11					423.730	380.409	420.000	9.906	101.100	420.000	83.000	337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	11		
	THANH TOÁN NỢ XDCB									80.000	129.497			129.497	83.000	46.497	46.497						
A	GIAO THÔNG	11		11					423.730	300.409	290.503	9.906	101.100	290.503		290.503	37.753	84.250	84.250	84.250	11		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	3		3					151.259	47.659	37.753	9.906	101.100	37.753		37.753	37.753				3		
1	Đường làng nghề Phú Túc-Hoàng Long-Tri Trung	1		1	xã Phú Túc, Hoàng Long	2015-2017	6541m	4350a/QĐ-UBND 19/10/2013	49.407	6.807	6.000	807	42.600	6.000		6.000	6.000				1	UBND H. Phú Xuyên	
2	Đường giao thông liên xã Chuyên Mỹ Văn Từ Hoàng Long (GD I)	1		1	xã Chuyên Mỹ	2015-2017	4629m	1939/QĐ-UBND 15/5/2012	52.899	13.899	10.000	3.899	39.500	10.000		10.000	10.000				1	UBND H. Phú Xuyên	
3	Đường Hồng Thái - Thụy Phú	1		1	xã Hồng Thái, Thụy Phú	2015-2017	5120m	1033/QĐ-UBND 11/11/2013	48.953	26.953	21.753	5.200	19.000	21.753		21.753	21.753				1	UBND H. Phú Xuyên	năm 2016 huyện bố trí 3 tỷ từ nguồn HTMT
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	8		8					272.471	252.750	252.750			252.750		252.750		84.250	84.250	84.250	8		
1	Đường Quang Lăng - Duy Tiên nối hai huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội với huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	1		1	xã Quang Lăng, Duy Tiên	2018-2019	3,6km; Bm=6,53600 mm; cấp III		49.000	45.250	45.250			45.250		45.250		29.250	16.000		1	UBND H. Phú Xuyên	
2	Đường GT liên xã Phúc Tiến - Văn Từ (GD I)	1		1	xã Phúc Tiến - Văn Từ	2018	1700m		37.000	35.000	35.000			35.000		35.000		35.000			1	UBND H. Phú Xuyên	
3	Đường Thao Chính - Đại Nam - Nam Triều	1		1	xã Đại Nam - Nam Triều	2018-2019	2700m		43.471	40.000	40.000			40.000		40.000		20.000	20.000		1	UBND H. Phú Xuyên	
4	Đường Tân Dân - Văn Hoàng - Đại Thắng	1		1	xã Tân Dân - Văn Hoàng	2019	4500m		33.000	31.000	31.000			31.000		31.000			31.000		1	UBND H. Phú Xuyên	
5	Đường Minh Tân - Tri Thủy - Quang Lăng (GD2)	1		1	Minh Tân - Tri Thủy	2019-2020	3200m2		31.000	28.500	28.500			28.500		28.500			17.250	11.250	1	UBND H. Phú Xuyên	
6	Đường giao thông liên xã Bạch Hạ - Minh Tân	1		1	xã Bạch Hạ - Minh Tân	2020	2300m		33.000	31.000	31.000			31.000		31.000				31.000	1	UBND H. Phú Xuyên	
7	Đường GT liên xã Tri Thủy - Khai Thái	1		1	xã Tri Thủy - Khai Thái	2020	3500m		24.000	22.000	22.000			22.000		22.000				22.000	1	UBND H. Phú Xuyên	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú	
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019				Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
8	Cải tạo nâng cấp đường Phú Minh - Văn Nhân	1		1	Phú Minh - Văn Nhân	2020	1500m		22.000	20.000	20.000			20.000		20.000				20.000	1	UBND H. Phú Xuyên	
9	HUYỆN MỸ ĐỨC	15	1	14					593.028	553.000	500.000	53.000	35.100	500.000	83.000	417.000	104.250	104.250	104.250	104.250	15		
A	GIAO THÔNG	14	1	13					543.204	552.126	499.126	53.000	34.100	499.126	82.126	417.000	104.250	104.250	104.250	104.250	14		
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1	1						49.900	12.000	12.000		29.000	12.000	12.000						1		
1	Đường GT liên xã Đại Hưng - Hùng Tiến - đi Chùa Hương (GĐ1)	1	1		Xã Đại Hưng - Hùng Tiến	2015-2016	5650m	1841/QĐ-UBND 14/9/2012;	49.900	12.000	12.000		29.000	12.000	12.000						1	UBND huyện Mỹ Đức	
II	Dự án khởi công mới năm 2016	4		4					174.280	139.376	139.376		2.200	139.376	70.126	69.250	69.250				4		
1	Cầu Phú Hiền, xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức	1		1	Xã Hợp Thanh	2016 - 2017	800m	2256/QĐ-UBND24/10/2014	24.600	23.000	23.000		500	23.000	19.000	4.000	4.000				1	UBND huyện Mỹ Đức	
2	Đường giao thông từ thị trấn Đại Nghĩa đi Xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức(Đoạn từ cổng Sắt đến đê Mỹ Hà xã Hợp Thanh)	1		1	Xã Hợp Thanh -TT Đại Nghĩa	2016-2017	2800m	2195/QĐ-UBND 17/10/2014	49.980	45.376	45.376		900	45.376	25.126	20.250	20.250				1	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Phùng Xá đi Phú Lưu Tế	1		1	xã Phùng Xá, Phú Lưu Tế	2016-2017	5200m	1890/QĐ-UBND 17/9/2012	49.800	25.000	25.000			25.000		25.000	25.000				1	UBND huyện Mỹ Đức	năm 2016 Thành phố hỗ trợ 20 tỷ đồng từ nguồn tăng thu
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã An Tiến - Thị trấn Đại Nghĩa (điểm đầu từ đường Tế Tiều - Hương Sơn thuộc địa phận thôn Văn Giang và tuyến nhánh)	1		1	An Tiến - Thị trấn Đại Nghĩa	2016-2017	3500m	2755/QĐ-UBND 28/10/2010	49.900	46.000	46.000		800	46.000	26.000	20.000	20.000				1	UBND huyện Mỹ Đức	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	9		9					319.024	400.750	347.750	53.000	2.900	347.750		347.750	35.000	104.250	104.250	104.250	9		
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trục huyện từ xã Phúc Lâm đến xã Đồng Tâm và xã Thượng Lâm (đoạn nối từ TL419-TL429).	1		1	xã Phúc Lâm, Đồng Tâm	2017-2018	3100m	2513/QĐ-UBND 24/11/2014	49.000	46.250	39.250	7.000	1.000	39.250		39.250	12.000	27.250			1	UBND huyện Mỹ Đức	Năm 2017 ngân sách huyện bổ trí 7 tỷ đồng
2	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã từ Thượng Lâm đi xã Tuy Lai.	1		1	Xã Thượng Lâm, Tuy Lai	2017-2018	2483m	1046/QĐ-UBND 28/7/2014	49.850	48.500	41.500	7.000	1.000	41.500		41.500	11.000	30.500			1	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Đường trục phát triển phía bắc huyện từ TL 419 xã An Mỹ đi Tuy lai đến TL 429 xã Đồng Tâm (GĐ 2) lý trình từ Km 0 + 782,2 - Km 2-698,5.	1		1	xã An Mỹ, Tuy Lai	2017-2018	1916m	1492/QĐ-UBND 12/8/2014	49.836	49.000	42.000	7.000	900	42.000		42.000	12.000	30.000			1	UBND huyện Mỹ Đức	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Mỹ Thành- Bọt xuyên (Điểm đầu từ TL 419 xã Mỹ Thành, điểm cuối đê sông Đáy xã Bọt Xuyên) huyện Mỹ Đức (GĐ1).	1		1	xã Mỹ Thành, Bọt Xuyên	2018-2019	2350m		49.500	47.200	42.200	5.000		42.200		42.200		16.500	25.700		1	UBND huyện Mỹ Đức	
5	Đường tỉnh lộ 419 đi xã Hồng Sơn.	1		1	xã Hồng Sơn	2019	2574m		32.988	32.000	29.000	3.000		29.000		29.000			29.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Gini đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
6	Đường liên xã An Mỹ đi Chùa Mễ Tuy Lai.	1		1	xã An Mỹ, Tuy Lai	2019-2020	2618m		39.000	38.000	34.000	4.000		34.000		34.000			15.000	19.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
7	Đường giao thông liên xã từ tỉnh lộ 419 xã Vạn Kim đi Hùng Tiến - Đốc Tín.	1		1	xã Vạn Kim, Hùng Tiến	2019-2020	4400m			47.000	42.000	5.000		42.000		42.000			17.550	24.450	1	UBND huyện Mỹ Đức	
8	Đường giao thông từ thị trấn Đại Nghĩa đi Xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức(Từ ngã 5 Tề Tiêu đến công Sắt).	1		1	TT.Đại Nghĩa, Hợp Thanh	2019-2020	1800m2			45.000	40.000	5.000		40.000		40.000			17.000	23.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
9	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Vạn Kim, Đốc Tín, Huyện Mỹ Đức. HM: nền, mặt đường, kê nền đường, cống rãnh thoát nước và ATGT.	1		1	xã Vạn Kim, Đốc Tín	2020	4800m		48.850	47.800	37.800	10.000		37.800		37.800				37.800	1	UBND huyện Mỹ Đức	
C	MÔI TRƯỜNG NÔNG THIỀN	1		1					49.824	874	874		1.000	874	874						1		
I	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					49.824	874	874		1.000	874	874						1		
1	Bãi chôn lấp rác thải xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức	1		1	Xã Mỹ Thành	2015-2016	Xây mới	284/QĐ-UBND 28/2/2012	49.824	874	874		1.000	874	874						1	UBND huyện Mỹ Đức	Dừng dự án
10	HUYỆN PHÚC THỌ	16		16					533.690	448.000	420.000	28.000	55.400	420.000	83.000	337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	16		
A	GIAO THÔNG	3		3					138.644	104.500	90.500	14.000	19.300	90.500	35.500	55.000	29.000	26.000			3		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					47.814	25.000	25.000		18.000	25.000	20.000	5.000	5.000				1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Ngọc Tảo - Phụng Thượng	1		1	Xã Ngọc Tảo - Phụng Thượng	2015-2017	1560m	4274/QĐ-UBND 18/10/2011	47.814	25.000	25.000		18.000	25.000	20.000	5.000	5.000				1	UBND huyện Phúc Thọ	Giảm quy mô
II	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					49.984	39.500	39.500		800	39.500	15.500	24.000	24.000				1		
1	Đường giao thông Tam Hiệp - Ngọc Tảo - Phụng Thượng	1		1	Xã Tam Hiệp - Ngọc Tảo	2016-2017	3050m	1184/QĐ-UBND 19/5/2011	49.984	39.500	39.500		800	39.500	15.500	24.000	24.000				1	UBND huyện Phúc Thọ	Giảm quy mô
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	1		1					40.846	40.000	26.000	14.000	500	26.000		26.000		26.000			1		
1	Đường giao thông liên xã từ QL32 qua xã Thọ Lộc - Vòng Xuyên - Phương độ lên đê Hữu hồng	1		1	Xã Thọ Lộc, Vòng Xuyên	2017-2018	5391m		40.846	40.000	26.000	14.000	500	26.000		26.000		26.000			1	UBND huyện Phúc Thọ	Năm 2017 huyện bố trí 17 tỷ đồng
B	TRƯỜNG HỌC	12		12					365.484	329.500	315.500	14.000	21.500	315.500	33.500	282.000	55.250	58.250	84.250	84.250	12		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					47.883	31.000	31.000		12.000	31.000	13.000	18.000	18.000				1		
1	Xây dựng mới trường tiểu học Hai Bà Trưng xã Phụng Thượng (GĐ1,2)	1		1	Xã Phụng Thượng	2015-2017	3T9P, 519m2; nhà giáo dục thể chất	2540/QĐ-UBND, 10/10/2012; 4977/QĐ-UBND, 21/11/2014	47.883	31.000	31.000		12.000	31.000	13.000	18.000	18.000				1	UBND huyện Phúc Thọ	
II	Dự án khởi công mới năm 2016	2		2					73.189	71.750	71.750		900	71.750	20.500	51.250	37.250	14.000			2		
1	Trường THCS Võng Xuyên B (tách trường, thành lập trường mới)	1		1	Xã Võng Xuyên	2016-2018	24 phòng	3846/QĐ-UBND 01/10/2014	59.990	58.750	58.750		900	58.750	15.500	43.250	29.250	14.000			1	UBND huyện Phúc Thọ	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
2	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học xã Sen Chiểu	1		1	Xã Sen Chiểu	2016-2017	Nhà hiệu bộ, Nhà lớp học 03 tầng, và phụ trợ.	3942/QĐ-UBND 26/10/2015	13.199	13.000	13.000			13.000	5.000	8.000	8.000				1	UBND huyện Phúc Thọ	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020	9		9					244.412	226.750	212.750	14.000	8.600	212.750		212.750		44.250	84.250	84.250	9		
1	Trường THCS chất lượng cao thị trấn Phúc Thọ	1		1	Thị trấn phúc thọ	2018-2019	18 phòng học	4247/QĐ-UB ngày 25/10/2011	38.131	27.250	27.250		8.600	27.250		27.250		27.250			1	UBND huyện Phúc Thọ	
2	Trường THCS Hiệp Thuận giai đoạn 2	1		1	Xã Hiệp Thuận	2018-2019	Nhà học tập 3 tầng, nhà giáo dục thể chất và phụ trợ.		18.606	18.250	18.250			18.250		18.250			18.250		1	UBND huyện Phúc Thọ	
3	Trường THCS Thọ Lộc giai đoạn 2	1		1	Xã Thọ Lộc	2018-2019	nhà học tập 3 tầng, nhà hành chính 3 tầng, và phụ trợ.		17.250	17.000	17.000			17.000		17.000		17.000			1	UBND huyện Phúc Thọ	
4	Trường THCS xã Trạch Mỹ Lộc	1		1	Xã Trạch Mỹ Lộc	2018-2019	khối nhà lớp học 3 tầng, nhà hiệu bộ 3 tầng, phụ trợ		25.080	25.000	16.000	9.000		16.000		16.000				16.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
5	Trường Tiểu học xã Tam Thuận	1		1	Xã Tam Thuận	2019-2020	01 Khối nhà học 3 tầng nhà học hiệu bộ 3 tầng với, phụ trợ		35.725	35.000	32.000	3.000		32.000		32.000			10.000	22.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
6	Trường mầm non Xuân Phú (điểm thôn Phú Châu + Xuân Đồng)	1		1	Xã Xuân Phú	2019-2020	- Xây mới khối nhà lớp học 3T và phụ trợ. - Xây mới nhà lớp học 3 tầng		14.926	14.000	14.000			14.000		14.000			14.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	
7	Trường THCS Văn Nam	1		1	Xã Văn Nam	2019-2020	Nhà lớp học bộ môn + chức năng 3 tầng, phụ trợ		22.955	21.000	21.000			21.000		21.000				21.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
8	Trường tiểu học Tam Hiệp B (Tách trường thành lập trường mới)	1		1	Xã Tam Hiệp	2019-2020	xây dựng mới 02 khối nhà lớp học 3 tầng, nhà hiệu bộ 3 tầng và phụ trợ		47.000	45.250	45.250			45.250		45.250			20.000	25.250	1	UBND huyện Phúc Thọ	
9	Trường mầm non xã Long Xuyên (thôn triệu xuyên), phải giải phóng mặt bằng	1		1	Xã Long Xuyên	2019-2020	xây dựng mới 02 Nhà lớp học 2 tầng nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ.		24.739	24.000	22.000	2.000		22.000		22.000			22.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giải đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
C	VĂN HÓA THIÊ THAO	1		1					29.562	14.000	14.000		14.600	14.000	14.000						1		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					29.562	14.000	14.000		14.600	14.000	14.000						1		
1	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử đền thờ Hai Bà Trưng xã Hát Môn	1		1	xã Hát Môn	2015-2016		2289/QĐ-UBND 29/10/2009	29.562	14.000	14.000		14.600	14.000	14.000						1	UBND huyện Phúc Thọ	
11	HUYỆN QUỐC OAI	6		6					472.198	555.198	420.000	184.198		420.000	83.000	337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	6		
	THANH TOÁN NỢ XDCB									83.000	132.000			132.000	83.000	49.000	49.000						
A	GIAO THÔNG	6		6					472.198	472.198	288.000	184.198		288.000		288.000	35.250	84.250	84.250	84.250	6		
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020	6		6					472.198	472.198	288.000	184.198		288.000		288.000	35.250	84.250	84.250	84.250	6		
1	Đường Trại cá - Tuyết Nghĩa - Phú Cát giai đoạn II	1		1	xã Trại cá	2017-2018	1430m	7729/QĐ-UBND 31/10/2016	36.421	36.421	31.700	4.721		31.700		31.700	15.000	16.700			1	UBND huyện Quốc Oai	KH 2013-2015
2	Đường giao thông Ngọc Liệp - Liệp Tuyết - Cấn Hữu (tuyến giao với đường gom Đại lộ Thăng Long đến đường Quốc Oai - Hòa Thạch)	1		1	Hòa Phú xã Hòa Thạch	2017-2018	2910m	7730/QĐ-UBND 31/10/2016	53.237	53.237	47.450	5.787		47.450		47.450	20.250	27.200			1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Đường giao thông xã Nghĩa Hương	1		1	xã Đồng Quang	2018-2019	2470m		39.965	39.965	31.050	8.915		31.050		31.050		20.350	10.700		1	UBND huyện Quốc Oai	
4	Đường giao thông xã Đông Yên	1		1	Cộng Hòa	2019-2020	2000m		31.487	31.487	26.900	4.587		26.900		26.900			12.900	14.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
5	Đường giao thông xã Sài Sơn	1		1	Ngọc Liệp - Liệp Tuyết - Cấn Hữu	2018-2019	3880m		39.987	39.987	31.500	8.487		31.500		31.500		20.000	11.500		1	UBND huyện Quốc Oai	KH 2013-2015
6	Đường trục phát triển các xã vùng Bán sơn địa huyện Quốc Oai (Tuyến ĐH 09 Phú Cát - Hòa Thạch - Đông Yên);	1		1	xã Sài Sơn	2019-2020	2500m		271.101	271.101	119.400	151.701		119.400		119.400			49.150	70.250	1	UBND huyện Quốc Oai	
12	HUYỆN SÓC SƠN	21	2	19					847.639	515.250	500.000	15.250	238.400	500.000	83.000	417.000	104.250	104.250	104.250	104.250	21		
A	GIAO THÔNG	13	2	11					656.265	333.250	320.250	13.000	238.400	320.250	83.000	237.250	88.000	68.000	52.250	29.000	13		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	3	2	1					425.252	121.000	121.000		238.400	121.000	83.000	38.000	38.000				3		
1	Xây dựng đường Nội Bài - Đường 35 - Minh Phú	1	1		Từ Nội Bài - Minh Phú	2014-2017	9.955m	5063/QĐ-UBND 28/10/2011	203.252	71.000	71.000		108.000	71.000	33.000	38.000	38.000				1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo đường Bắc Sơn - Minh Trí	1		1	Xã Bắc Sơn - Minh Trí	2015-2016	5500m	5230/QĐ-UBND 22/10/2010; 675/QĐ-UBND 24/01/2014	62.000	29.000	29.000		30.000	29.000	29.000						1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp đường Hồng Kỳ - Bắc Sơn và tuyến nhánh chợ Châu Đồ Tân	1	1		Hồng Kỳ - Bắc Sơn	2015-2016	11000m	5299/QĐ-UBND 26/10/2010; 6557/QĐ-UBND 30/10/2013	160.000	21.000	21.000		100.400	21.000	21.000						1	UBND huyện Sóc Sơn	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Điểm điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	10		10					231.013	212.250	199.250	13.000		199.250		199.250	50.000	68.000	52.250	29.000	10		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Minh Phú - Hiền Ninh - Quang Tiến (đoạn từ tỉnh lộ 35 - UBND xã Hiền Ninh - Đông Lai)	1		1	Xã Hiền Ninh, Quang Tiến	2017	3700m	5740/QĐ-UBND 28/10/2016	14.744	14.000	11.500	2.500		11.500		11.500	11.500				1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường hồ Đông Quan - Đông Sơn - Trung đoàn 921 - Tỉnh lộ 131	1		1	Xã Quang Tiến	2017	2800m	5501/QĐ-UBND 18/10/2016	10.604	10.000	8.000	2.000		8.000		8.000	8.000				1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Xuân Dục đi 418	1		1	Xã Tân Minh	2017	3100m	5710/QĐ-UBND 28/10/2016	12.979	12.000	10.500	1.500		10.500		10.500	10.500				1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp đường QL2 - Z121 - Minh Trí	1		1	Xã Minh Trí, Tân Dân	2017	2620m	5502/QĐ-UBND 18/10/2016	11.971	10.000	9.000	1.000		9.000		9.000	9.000				1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Miếu thờ - Đồng Châm - Đan Tảo	1		1	Xã Tiên Dược, Tân Minh	2017	4900m	5692/QĐ-UBND 28/10/2016	14.727	14.000	11.000	3.000		11.000		11.000	11.000				1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Tân Minh - Xuân Giang - Bắc Phú - Đức Hòa - Tiên Dược, huyện Sóc Sơn	1		1	Xã Bắc Phú, Xuân Giang, Đức Hòa,	2018-2019	1190m		49.555	45.000	42.000	3.000		42.000		42.000		42.000			1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Minh Phú - Minh Trí	1		1	Xã Minh Trí, Minh Phú	2019-2020	535m		26.468	25.000	25.000			25.000		25.000			25.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
8	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Tân Dân, Minh Trí	1		1	Xã Tân Dân, Minh Trí	2019-2020	7850m		31.044	29.000	29.000			29.000		29.000				29.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	QĐ bỏ tri vốn số 8364/QĐ-UBND ngày 18/12/2015
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước dân sinh, đảm bảo VSMT trên địa bàn xã Bắc Phú, Xuân Giang huyện Sóc Sơn	1		1	Xã Bắc Phú	2018-2019	16400m		29.616	26.000	26.000			26.000		26.000		26.000			1	UBND huyện Sóc Sơn	
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước dân sinh, đảm bảo VSMT trên địa bàn xã Quang Tiến, Tân Hưng huyện Sóc Sơn	1		1	Xã Quang Tiến	2019-2020	2013m		29.305	27.250	27.250			27.250		27.250			27.250		1	UBND huyện Sóc Sơn	
B	TRƯỜNG HỌC	7		7					172.459	164.750	162.500	2.250		162.500		162.500	16.250	36.250	52.000	58.000	7		
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	7		7					172.459	164.750	162.500	2.250		162.500		162.500	16.250	36.250	52.000	58.000	7		
1	CTNC Trường Mầm non Thanh Xuân khu Thanh Thượng	1		1	Xã Thanh Xuân	2017	Xây 07 phòng học, hạng mục phụ trợ	5548/QĐ-UBND 20/10/2016	10.138	9.500	7.750	1.750		7.750		7.750	7.750				1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Xuân Thu	1		1	Xã Xuân Thu	2017	XD 08 phòng, hoàn thiện các hạng mục phụ trợ	5486/QĐ-UBND 17/10/2016	10.435	9.000	8.500	500		8.500		8.500	8.500				1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Hiền Ninh	1		1	Xã Hiền Ninh	2018-2019	xây dựng 10 phòng học hạng mục phụ trợ		24.012	23.000	23.000			23.000		23.000		23.000			1	UBND huyện Sóc Sơn	

44

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Điểm điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
4	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tân Hưng	1		1	Xã Tân Hưng	2018	XD 6 phòng học, hạng mục phụ trợ		14.900	13.250	13.250			13.250		13.250		13.250			1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Xây dựng trường mầm non Tiên Dược C	1		1	Xã Tiên Dược	2019-2020	XD 18 phòng học, nhà hiệu bộ		44.974	44.000	44.000			44.000		44.000			31.000	13.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Xây dựng Trường mầm non Tân Dân B	1		1	Xã Tân Dân	2019-2020	Mở rộng diện tích; XD 10 phòng học, nhà hiệu bộ		42.000	42.000	42.000			42.000		42.000			21.000	21.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Xây dựng trường mầm non Kim Lũ - khu Xuân Dương	1		1	Xã Kim Lũ	2019-2020	XD 8 phòng học, nhà hiệu bộ, hạng mục phụ trợ		26.000	24.000	24.000			24.000		24.000				24.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
C	Y TẾ	1		1					18.915	17.250	17.250			17.250		17.250				17.250	1		
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020	1		1	3 xã				18.915	17.250	17.250			17.250		17.250				17.250	1		
I	Xây dựng, cải tạo trạm y tế xã Xuân Giang, Minh Trí, Hiền Ninh huyện Sóc Sơn	1		1	3 xã	2020	Nhà khám bệnh, nhà dịch vụ		18.915	17.250	17.250			17.250		17.250				17.250	1	UBND huyện Sóc Sơn	
13	HUYỆN THẠCH THẮT	19	1	18					538.584	474.800	420.000	54.800	38.100	420.000	83.000	337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	19		
A	GIAO THÔNG	10	1	9					420.623	377.150	334.950	42.200	30.400	334.950	55.600	279.350	61.700	56.150	77.250	84.250	10		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1		1					48.197	15.000	15.000		28.400	15.000	15.000						1		
I	Đường 446-Yên Bình- Láng Hòa Lạc- Sân bay Hòa Lạc	1		1	Xã Yên Bình - Hoà Lạc	2014-2016	3750m	5764/QĐ-UBND 24/11/2010	48.197	15.000	15.000		28.400	15.000	15.000						1	UBND H. Thạch Thắt	
II	Dự án khởi công mới năm 2016	3		3					73.867	63.850	63.850		2.000	63.850	40.600	23.250	23.250				3		
I	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Phú Ô (Cổng đăng)-Ngọc Bài	1		1	Xã bình Phú - đi Phú ô Ngọc Bài	2016-2017	1500m	7765/QĐ-UBND 31/10/2014	13.675	12.000	12.000		500	12.000	12.000						1	UBND H. Thạch Thắt	
2	Đường trục chính xã Kim Quan - đi thị trấn Kim quan (Cầu Đồng Mô đường 419)	1		1	Kim Quan Thị trấn Liên quan	2016-2017	1979m	1674/QĐ-UBND 30/3/2016	14.994	12.000	12.000		500	12.000	12.000						1	UBND H. Thạch Thắt	
3	Đường huyện số 19: Đoạn Hữu Bằng - Dị Nậu (Đường làng nghề)	1		1	Xã Hữu Bằng - Dị Nậu	2016-2018	1800m	10794/QĐ-UBND 31/10/2014	45.198	39.850	39.850		1.000	39.850	16.600	23.250	23.250				1	UBND H. Thạch Thắt	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020	6	1	5					298.559	298.300	256.100	42.200		256.100		256.100	38.450	56.150	77.250	84.250	6		
I	Đường từ đường tỉnh 419 đi Cấn Kiếm - Kim Quan - đường tỉnh 420 (đoạn từ ĐT 419 - Tân Xã đi ĐT 420).	1		1	Các xã: Cấn Kiếm, Kim Quan	2017-2019	1988m	10819/QĐ-UBND 31/12/2014	48.911	48.900	43.200	5.700		43.200		43.200	17.200	10.000	16.000		1	UBND H. Thạch Thắt	
2	Đường GT Thạch Xá - Canh Nậu.	1		1	Các xã: Thạch Xá, Canh Nậu	2017-2019	1446m	893/QĐ-UBND 05/02/2013	35.742	35.700	31.500	4.200		31.500		31.500	12.500	19.000			1	UBND H. Thạch Thắt	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
3	Tuyến đường số 19 (Đường làng nghề) Đoạn: Phùng Xá - Hữu Bằng.	1	1		Các xã: Phùng Xá, Hữu Bằng	2017-2018	1120m	10842/QĐ-UBND 28/10/2016	14.052	14.000	11.900	2.100		11.900		11.900	8.750	3.150			1	UBND H. Thạch Thất	
4	Đường từ trường THCS xã Dị Nậu đi Hiệp Thuận.	1		1	Xã Dị Nậu	2018-2019	1600m		21.537	21.500	20.000	1.500		20.000		20.000		9.000	11.000		1	UBND H. Thạch Thất	
5	Đường H-14: Đoạn từ cụm công nghiệp xã Bình Phú - Cầu Phú Lễ xã Cấn Kiệm (tuyến 39 cũ).	1		1	Các xã: Bình Phú, Cấn Kiệm	2019-2020	2800m		99.668	99.600	75.000	24.600		75.000		75.000				75.000	1	UBND H. Thạch Thất	
6	Tuyến 28: Đường Canh Nậu – Hiệp Thuận.	1		1	Các xã: Hương Ngải, Canh Nậu	2018-2020	3700m		78.649	78.600	74.500	4.100		74.500		74.500		15.000	50.250	9.250	1	UBND H. Thạch Thất	
B	TRƯỜNG HỌC	4		4					57.721	52.900	51.300	1.600	600	51.300	22.000	29.300	12.000	17.300			4		
I	Dự án khởi công mới năm 2016	2		2					29.788	25.000	25.000		600	25.000	22.000	3.000	3.000				2		
I	Trường THCS xã Phú Kim	1		1	Phú Kim	2016-	Cải tạo 16 phòng học	13/QĐ-UBND 08/01/2016	14.791	12.000	12.000		300	12.000	12.000						1	UBND H. Thạch Thất	
2	Xây dựng, cải tạo trường THCS Cẩm Yên	1		1	Cẩm Yên	2016-2017	Cải tạo 12 phòng	1512/QĐ-UBND 28/3/2016	14.997	13.000	13.000		300	13.000	10.000	3.000	3.000				1	UBND H. Thạch Thất	
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	2		2					27.933	27.900	26.300	1.600		26.300		26.300	9.000	17.300			2		
1	Trường Mầm non xã Bình Phú B.	1		1	xã Bình Phú	2017-2018	* Xây dựng nhà lớp học kết hợp hiệu bộ 2 tầng	10836/QĐ-UBND 28/10/2016; 2449/QĐ-UBND 05/5/2017	13.100	13.100	12.800	300		12.800		12.800	9.000	3.800			1	UBND H. Thạch Thất	
2	Trường mầm non xã Cẩm Yên.	1		1	xã Cẩm Yên	2017-2018	* Xây dựng 04 phòng học, bếp, nhà hiệu bộ		14.833	14.800	13.500	1.300		13.500		13.500		13.500			1	UBND H. Thạch Thất	
C	VĂN HÓA THỂ THAO	1		1					25.350	25.300	16.000	9.300		16.000		16.000		9.000	7.000		1		
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020	1		1					25.350	25.300	16.000	9.300		16.000		16.000		9.000	7.000		1		
1	Trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, xã Phùng Xá.	1		1	Xã Phùng Xá	2018-2019			25.350	25.300	16.000	9.300		16.000		16.000		9.000	7.000		1	UBND H. Thạch Thất	
D	TRỤ SỞ XÃ	2		2					20.669	5.400	5.400		7.100	5.400	5.400						2		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					13.152	1.200	1.200		6.800	1.200	1.200						1		
1	Trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Yên Bình	1		1	Xã Yên Bình	2015-2016	Cải tạo nhà làm việc 2 tầng	7372/QĐ-UBND 27/10/2011; 2884/QĐ-UBND 6/6/2015	13.152	1.200	1.200		6.800	1.200	1.200						1	UBND H. Thạch Thất	NS Thành phố hỗ trợ 60%
II	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					7.517	4.200	4.200		300	4.200	4.200						1		
1	Trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Lại Thượng	1		1	Lại Thượng	2016-	Cải tạo nhà làm việc	7764/QĐ-UBND 31/10/2014	7.517	4.200	4.200		300	4.200	4.200						1	UBND H. Thạch Thất	NS Thành phố hỗ trợ 60%
E	TRẠM Y TẾ	2		2					14.221	14.050	12.350	1.700		12.350		12.350	10.550	1.800			2		
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	2		2					14.221	14.050	12.350	1.700		12.350		12.350	10.550	1.800			2		

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Gini đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Dị Nâu.	1		1	xã Dị Nâu	2017-2018	Cải tạo phòng khám 2 tầng	10809/QĐ-UBND 31/12/2015	8.227	8.150	7.350	800		7.350		7.350	5.550	1.800			1	UBND H. Thạch Thất	
2	Cải tạo, sửa chữa 4 trạm y tế xã: Hữu Bằng, Chàng Sơn, Kim Quan, Phú Kim.	1		1	4 xã	2017-	Cải tạo 1 tầng	10846/QĐ-UBND 28/10/2016; 2489/QĐ-UBND 10/5/2017	5.994	5.900	5.000	900		5.000		5.000	5.000				1	UBND H. Thạch Thất	
14	HUYỆN THANH OAI	19		19					547.949	448.750	420.000	28.750	73.300	420.000	83.000	337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	19		
A	GIAO THÔNG	12		12					471.351	374.150	351.500	22.650	73.000	351.500	70.000	281.500	84.250	78.750	79.250	39.250	12		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	4		4					153.506	69.000	69.000		68.500	69.000	38.000	31.000	31.000				4		
1	Đường liên xã Bình Minh - Mỹ Hưng (GD1)	1		1	xã Mỹ Hưng, Bình Minh	2015-2017	1326m	2861/QĐ-UBND 29/10/2010	38.837	18.000	18.000		20.200	18.000	15.000	3.000	3.000				1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Đường tránh tỉnh lộ 429 từ trạm bơm Cao Xuân Dương - đê dáy (TL 429) nối Quốc Lộ 21B đi đường trục phát triển phía Nam (GD1,II)	1		1	xã Xuân Dương, Cao Dương	2015-2017	3986m	512a/QĐ-UBND 15/6/2012	49.794	29.000	29.000		20.000	29.000	11.500	17.500	17.500				1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Đường QL 21B - Tân Ước (GD1)	1		1	xã Dân Hoà, xã Tân Ước	2016-2017	3306m	2860/QĐ-UBND 29/10/2010	15.000	5.000	5.000		8.300	5.000		5.000	5.000				1	UBND huyện Thanh Oai	
4	Đường từ 21B đi khu giết mổ tập trung huyện - xã Tam Hưng	1		1	xã Thanh Mai, xã Bình Minh	2015-2017	2202m	1211/QĐ-UBND 24/10/2012	49.875	17.000	17.000		20.000	17.000	11.500	5.500	5.500				1	UBND huyện Thanh Oai	ĐA cắt giảm quy mô
II	Dự án khởi công mới năm 2016	2		2					97.945	85.250	85.250		4.100	85.250	32.000	53.250	53.250				2		
1	Đường giao thông từ trục phát triển phía Nam đi Mỹ Hưng	1		1	Thanh Oai	2016-2017	1000m	1618/QĐ-UBND 06/10/2014	48.000	43.250	43.250		400	43.250	16.000	27.250	27.250				1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Đường liên xã Đỗ Đông - Thanh Văn	1		1	Đỗ Đông - Thanh Văn	2016-2017	4695m	1234/QĐ-UBND 25/10/2012	49.945	42.000	42.000		3.700	42.000	16.000	26.000	26.000				1	UBND huyện Thanh Oai	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	6		6					219.900	219.900	197.250	22.650	400	197.250		197.250		78.750	79.250	39.250	6		
1	Đường Cao Viên - Bình Minh	1		1	xã Cao Viên, xã Bình Minh,	2018-2019	800m		30.000	30.000	27.000	3.000	400	27.000		27.000		15.000	12.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Đường trục phát triển Hồng Dương - Liên Châu GD III	1		1	xã Liên Châu,	2018-2019	2600m		45.000	45.000	41.000	4.000		41.000		41.000		22.000	19.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Đường 21B-Tân Ước GDII	1		1	xã Dân Hoà, xã Tân Ước,	2018-2019	3300m		45.000	45.000	40.000	5.000		40.000		40.000		22.000	18.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
4	Đường 21B từ Phương Trung đi Đỗ Đông	1		1	xã Phương Trung, Đỗ Đông,	2018-2019	2000m		40.000	40.000	36.250	3.750		36.250		36.250		19.750	16.500		1	UBND huyện Thanh Oai	
5	Đường Xuân Dương - Cao Dương - Hồng Dương - Liên Châu (Giai đoạn I)	1		1	xã Cao Dương, Xuân Dương	2019-2020	2000m		45.000	45.000	40.000	5.000		40.000		40.000			13.750	26.250	1	UBND huyện Thanh Oai	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HIT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
6	Đường từ 21B đi khu giết mổ tập trung huyện - xã Tam Hưng GD1	1		1	xã Tam Hưng,	2019	1269m		14.900	14.900	13.000	1.900		13.000		13.000				13.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
B	TRƯỜNG HỌC	4		4					57.898	55.900	52.000	3.900	300	52.000	13.000	39.000				39.000	4		
I	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					14.998	13.000	13.000			13.000	13.000						1		
I	Trường tiểu học thị trấn Kim Bài	1		1	Thị trấn Kim Bài	2016	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và các HMPT	2167/QĐ-UBND 28/10/2015	14.998	13.000	13.000			13.000	13.000						1	UBND huyện Thanh Oai	
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	3		3					42.900	42.900	39.000	3.900	300	39.000		39.000				39.000	3		
1	Trường tiểu học xã Kim Thư	1		1	Xã Kim Thư	2020	Cải tạo 02 nhà lớp học 2T; xây dựng mới nhà lớp học, hiệu bộ 3T.		14.900	14.900	13.000	1.900	300	13.000		13.000				13.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Trường THCS xã Tân Ước	1		1	Xã Tân Ước	2020	Xây dựng mới nhà lớp học, hiệu bộ 3T; nhà đa năng		14.000	14.000	13.000	1.000		13.000		13.000				13.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Trường Tiểu học xã Thanh Thủy	1		1	Xã Thanh Thủy	2020	Cải tạo 03 nhà lớp học 2T; xây mới nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn 2T		14.000	14.000	13.000	1.000		13.000		13.000				13.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
C	Y TẾ	3		3					18.700	18.700	16.500	2.200		16.500		16.500		5.500	5.000	6.000	3		
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	3		3					18.700	18.700	16.500	2.200		16.500		16.500		5.500	5.000	6.000	3		
I	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã Bích Hoà	1		1	xã Bích Hoà	2018	Xây dựng mới nhà khám chữa bệnh và cải tạo các hạng mục phụ trợ		6.400	6.400	5.500	900		5.500		5.500		5.500			1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Trạm y tế xã Đỗ Đông	1		1	xã Đỗ Đông	2018	Xây dựng mới nhà khám chữa bệnh, phụ trợ		5.650	5.650	5.000	650		5.000		5.000			5.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã Kim An	1		1	xã Kim An	2020	Xây dựng mới nhà khám chữa bệnh, phụ trợ		6.650	6.650	6.000	650		6.000		6.000				6.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
15	HUYỆN THANH TRÌ	11	5	6					775.131	408.200	340.000	68.200	271.017	340.000	83.000	257.000	64.250	64.250	64.250	64.250	11		
A	GIAO THÔNG	4	3	1					436.102	125.000	122.600	2.400	259.803	122.600	53.800	68.800		19.000	49.800		4		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	3	2	1					362.084	56.200	53.800	2.400	259.803	53.800	53.800						3		

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt	Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bỏ tới đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú		
			B	C					Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số		NS Thành phố	NS Huyện	Tổng số	Năm 2016	Giới đoạn 2017-2020	Năm 2017				Năm 2018	Năm 2019
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	Đường Vĩnh Quỳnh - Đại Áng, huyện Thanh Trì	1	1		Xã đại Áng	2015-2016	15000m	299/QĐ-UBND; 17/01/2013	237.900	32.000	32.000		202.803	32.000	32.000						1	UBND huyện Thanh Trì	
2	Xây dựng tuyến đường giao thông từ làng nghề xã Tân Triều huyện Thanh trì đi khu đô thị Văn Quán quận Hà Đông	1	1		Xã Tân Triều - Văn Quán	2015-2016	2250m	7080/QĐ-UBND 30/10/2013	109.404	17.400	15.000	2.400	50.000	15.000	15.000						1	UBND huyện Thanh Trì	Hoàn thành Gd1
3	Xây dựng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất khu san lấp bãi đổ bùn xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì.	1		1	Xã Yên Mỹ	2015-2016	4313m	2432/QĐ-UBND 21/5/2015	14.780	6.800	6.800		7.000	6.800	6.800						1	UBND huyện Thanh Trì	
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	1	1						74.018	68.800	68.800			68.800		68.800		19.000	49.800		1		
I	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tứ Hiệp	1	1		Xã Tứ Hiệp,	2018-2019	1524m		74.018	68.800	68.800			68.800		68.800		19.000	49.800		1	UBND huyện Thanh Trì	
B	TRƯỜNG HỌC	5	2	3					294.429	266.200	204.900	61.300	11.050	204.900	16.700	188.200	64.250	45.250	14.450	64.250	5		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					34.900	19.000	7.700	11.300	11.000	7.700	7.700						1		
1	Trường mầm non xã Vĩnh Quỳnh (thôn Ich Vĩnh)	1		1	Xã Vĩnh Quỳnh	2015-2016	18 phòng học	706/QĐ-UBND 28/10/2013	34.900	19.000	7.700	11.300	11.000	7.700	7.700						1	UBND huyện Thanh Trì	
II	Dự án khởi công mới từ năm 2016	1		1					13.288	9.000	9.000		50	9.000	9.000						1		
1	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Yên Xá, huyện Thanh Trì	1		1	Xã Tân Triều	2016	18 phòng học	2452/QĐ-UBND; 25/5/2015	13.288	9.000	9.000		50	9.000	9.000						1	UBND huyện Thanh Trì	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	3	2	1					246.241	238.200	188.200	50.000		188.200		188.200	64.250	45.250	14.450	64.250	3		
I	Xây mới trường THCS Ngũ Hiệp	1	1		xã Ngũ Hiệp	2017-2018	40 lớp học, các phòng chức năng, khu hiệu bộ.	10035/QĐ-UBND 28/10/2016	113.270	111.500	96.500	15.000		96.500		96.500	64.250	32.250			1	UBND huyện Thanh Trì	
2	Nâng cấp trường THCS Tứ Hiệp	1		1	Xã Tứ Hiệp	2018	Khởi nhà học 04 tầng và phụ trợ khác.	2804/QĐ-UBND 28/4/2016	14.947	13.000	13.000			13.000		13.000		13.000			1	UBND huyện Thanh Trì	
3	Trường THCS Vĩnh Quỳnh	1	1		Xã Vĩnh Quỳnh	2019-2020	Xây dựng mới	87/QĐ-UBND 29/10/2015	118.024	113.700	78.700	35.000		78.700		78.700			14.450	64.250	1	UBND huyện Thanh Trì	
C	VĂN HÓA THỂ THAO	1		1					29.700	4.000	4.000		50	4.000	4.000						1		
I	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					29.700	4.000	4.000		50	4.000	4.000						1		
1	Tu bổ, tôn tạo chùa Đại Áng	1		1	Xã Đại Áng	2014-2016	Tu bổ hạng mục chính	6688/QĐ-UBND 18/10/2013	29.700	4.000	4.000		50	4.000	4.000						1	UBND huyện Thanh Trì	
D	TRỤ SỞ XÃ	1		1					14.900	13.000	8.500	4.500	114	8.500	8.500						1		
I	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					14.900	13.000	8.500	4.500	114	8.500	8.500						1		
1	Trụ sở UBND xã Vạn Phúc	1		1	Xã Vạn Phúc	2016-2017	Cải tạo nhà làm việc 2 tầng	1114/ QĐ-UBND; 08/5/2009	14.900	13.000	8.500	4.500	114	8.500	8.500						1	UBND huyện Thanh Trì	NS Thành phố hỗ trợ 60%
																						✓	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú	
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019				Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
16	HUYỆN THƯỜNG TÍN	21	1	20					738.242	656.789	420.000	236.789	112.335	420.000	83.000	337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	21		
A	GIAO THÔNG	14		14					319.789	262.062	243.500	18.562	43.500	243.500	73.500	170.000	64.250	40.750	42.750	22.250	14		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					49.987	5.000	5.000		42.500	5.000	5.000						1		
1	Đường trục xã Nhị Khê (đoạn từ QL1A đi Cầu vắn)	1		1	Xã Nhị Khê	2015-2017	3500m	2746/QĐ-UBND 28/10/2010	49.987	5.000	5.000		42.500	5.000	5.000						1	UBND huyện Thường Tín	
II	Dự án khởi công mới năm 2016	5		5					93.490	80.750	80.750		500	80.750	68.500	12.250	12.250				5		
1	Kiên cố hóa kênh B7 kết hợp đường liên xã Nhị Khê Hòa Bình (đoạn Quán Phượng thôn Thụy Ứng)	1		1	Nhị Khê	2016-2017	3250m	2740/QĐ-UBND 14/10/10; 2561 01/10/12	27.574	24.500	24.500		100	24.500	24.500						1	UBND huyện Thường Tín	
2	Đường trục liên xã Hồng Vân-Tự nhiên huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1		1	Hồng Vân-Tự nhiên	2016-2017	3723m	3211/QĐ-UBND 24/10/2012; 3414/QĐ-UBND 16/10/2013	27.679	24.250	24.250		100	24.250	12.000	12.250	12.250				1	UBND huyện Thường Tín	
3	Đường trục xã Tiên Phong	1		1	Tiên Phong	2016	1200m	2709/QĐ-UBND 26/10/11	11.869	10.500	10.500		100	10.500	10.500						1	UBND huyện Thường Tín	
4	Đường trục từ tỉnh lộ 429 đến xã Minh Cường, huyện Thường Tín	1		1	Minh Cường	2016	1119m	3576/QĐ-UBND 20/10/14	14.192	13.000	13.000		100	13.000	13.000						1	UBND huyện Thường Tín	
5	Đường liên xã Liên Phương đi Vân Tảo (km+00-Km0+774,5)	1		1	Vân Tảo	2016	2250m	1523b/QĐ-UBND 17/5/2013	12.176	8.500	8.500		100	8.500	8.500						1	UBND huyện Thường Tín	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	8		8					176.312	176.312	157.750	18.562	500	157.750		157.750	52.000	40.750	42.750	22.250	8		
1	Đường trục xã Tự Nhiên (qua các đối 5,7,8);Hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống thoát nước, kẻ xây và ATGT.	1		1	xã Tự Nhiên	2017	1457m	6001/QĐ-UBND 28/10/2016	14.928	14.928	13.500	1.428	100	13.500		13.500	13.500				1	UBND huyện Thường Tín	
2	Đường liên xã Quán Giai - Chùa Đậu (đoạn Quán Giai đi Cầu Xém), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1		1	xã Nguyễn Trãi	2017	1235m	5999/QĐ-UBND 28/10/2016	14.738	14.738	13.500	1.238	100	13.500		13.500	13.500				1	UBND huyện Thường Tín	
3	Đường trục xã Hiền Giang (Đoạn UBND xã đi qua Quang Hiến)	1		1	xã Hiền Giang	2017	1340m	5997/QĐ-UBND 28/10/2016	14.061	14.061	13.000	1.061	300	13.000		13.000	13.000				1	UBND huyện Thường Tín	
4	Đường trục phía đông xã Thăng Lợi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội; Hạng mục: Nền mặt đường, kẻ, cống, mương, rãnh thoát nước	1		1	xã Thăng Lợi	2017	1459m	6002/QĐ-UBND 28/10/2016	13.332	13.332	12.000	1.332		12.000		12.000	12.000				1	UBND huyện Thường Tín	
5	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Vân Tảo - Chương Dương, huyện Thường Tín	1		1	xã Vân Tảo, Chương Dương	2018	2620m		25.175	25.175	23.250	1.925		23.250		23.250		23.250			1	UBND huyện Thường Tín	
6	Đường trục liên xã Tô Hiệu - Thống Nhất (Đoạn Chợ tơ đến thôn Phúc Trạch), huyện Thường Tín	1		1	xã Tô Hiệu, xã Thống nhất	2018	2640m		19.030	19.030	17.500	1.530		17.500		17.500		17.500			1	UBND huyện Thường Tín	
7	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Nhị Khê - Khánh Hà (Đoạn cầu Vân - Cầu Đen)	1		1	xã Nhị Khê, Khánh Hà	2019	2309m		25.232	25.232	23.000	2.232		23.000		23.000			23.000		1	UBND huyện Thường Tín	
8	Đường giao thông liên xã Một Thương - Dũng Tiến - Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, TP.Hà Nội.	1		1	xã Dũng Tiến, Nghiêm Xuyên	2019-2020	5750m		49.816	49.816	42.000	7.816		42.000		42.000			19.750	22.250	1	UBND huyện Thường Tín	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bỏ trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
B	TRƯỜNG HỌC	5		5					125.481	120.366	102.000	18.366	4.500	102.000	5.000	97.000		18.500	16.500	62.000	5		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					10.115	5.000	5.000		4.500	5.000	5.000						1		
1	Trường tiểu học xã Khánh Hà	1		1	Xã Khánh Hà	2015-2016	9 phòng		10.115	5.000	5.000		4.500	5.000	5.000						1	UBND huyện Thường Tín	
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	4		4					115.366	115.366	97.000	18.366		97.000		97.000		18.500	16.500	62.000	4		
1	Trường mầm non Trung tâm xã Nghiêm Xuyên	1		1	xã Nghiêm Xuyên	2018	Nhà lớp học 2 tầng, nhà đa năng, phụ trợ		20.371	20.371	18.500	1.871		18.500		18.500		18.500			1	UBND huyện Thường Tín	
2	Trường mầm non Chất lượng cao Thường Tín	1		1	Thị trấn Thường Tín	2019-2020	Nhà lớp học 2 tầng, nhà hiệu bộ, phụ trợ		44.995	44.995	34.000	10.995		34.000		34.000			16.500	17.500	1	UBND huyện Thường Tín	
3	Khu trung tâm trường mầm non Hòa Bình	1		1	xã Hòa Bình	2019-2020	Nhà hiệu bộ, phụ trợ		25.000	25.000	22.250	2.750		22.250		22.250				22.250	1	UBND huyện Thường Tín	
4	Trường mầm non Duyên Thái	1		1	xã Duyên Thái	2019-2020	Nhà lớp học 2 tầng, nhà hiệu bộ, phụ trợ		25.000	25.000	22.250	2.750		22.250		22.250				22.250	1	UBND huyện Thường Tín	
C	VĂN HÓA THỂ THAO	1	1						285.861	269.861	70.000	199.861	64.235	70.000		70.000	20.000	25.000	25.000		1		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1	1						285.861	269.861	70.000	199.861	64.235	70.000		70.000	20.000	25.000	25.000		1		
1	Trung tâm văn hoá - thể thao huyện Thường Tín	1	1		Thị trấn	2015-2019	Nhà văn hóa 3 tầng; sân vận động, nhà điều hành	3210/QĐ-UBND-24/10/2012	285.861	269.861	70.000	199.861	64.235	70.000		70.000	20.000	25.000	25.000		1	UBND huyện Thường Tín	NSH đã bỏ trí: 49 tỷ
D	TRỤ SỞ XÃ	1		1					7.111	4.500	4.500		100	4.500	4.500						1		
I	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					7.111	4.500	4.500		100	4.500	4.500						1		
1	Trụ sở UBND xã Thắng Lợi	1		1	Xã Thắng Lợi	2016	Cải tạo nhà làm việc 2 tầng		7.111	4.500	4.500		100	4.500	4.500						1	UBND huyện Thường Tín	NS Thành phố hỗ trợ 60%
17	HUYỆN ỨNG HÒA	12		12					389.420	426.700	420.000	6.700	47.920	420.000	83.000	337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	12		
	THANH TOÁN NỢ XDCB									83.000	83.000			83.000	83.000								
A	GIAO THÔNG	12		12					389.420	343.700	337.000	6.700	47.920	337.000		337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	12		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	4		4					176.413	130.693	123.993	6.700	45.520	123.993		123.993	84.250	39.743			4		
1	Đường GT xã Trung Tú đi Đồng Tân	1		1	Xã Đồng Tân, xã Trung Tú	2015-2017	2200m	30/QĐ-UBND 13/02/2012; 31/QĐ-UBND 13/02/2012	28.576	11.076	4.376	6.700	17.300	4.376		4.376	4.376				1	UBND huyện Ứng Hòa	năm 2016 NS huyện bỏ trí 6,7 tỷ đồng
2	Đường giao thông liên xã Tảo Dương Văn- Vạn Thái	1		1	Xã Vạn Thái - Tảo Dương Văn	2015-2018	6200m	396/QĐ-UBND 27/8/2010	48.704	40.604	40.604		8.100	40.604		40.604	20.000	20.604			1	UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt	Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020							CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú	
			B	C					Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số		NS Thành phố	NS Huyện	Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018				Năm 2019
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
3	Đường trục giao thông Liên xã Trầm Lộng - Hoà Lâm	1		1	Xã Trầm Lộng - Hoà Lâm	2015-2017	6400m	398/QĐ-UBND 27/8/2010	49.385	32.885	32.885		16.500	32.885		32.885	32.885				1	UBND huyện Ứng Hòa	
4	Đường trục giao thông liên xã Hoà Lâm-Đội Bình	1		1	Xã Hoà Lâm - Đội Bình	2015-2018	4400m	395/QĐ-UBND 27/8/2010	49.748	46.128	46.128		3.620	46.128		46.128	26.989	19.139			1	UBND huyện Ứng Hòa	
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020	8		8					213.007	213.007	213.007		2.400	213.007		213.007		44.507	84.250	84.250	8		
1	Đường GT liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngõ Xá lên đê tá Đáy thôn Ngõ Xá, thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1		1	xã Liên Bạt, TT Văn Đình	2018-2019	2100m		30.000	30.000	30.000		2.000	30.000		30.000		17.000	13.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường I2-14 liên xã từ Chợ Chông xã Trầm Lộng đi Đại Hùng, Đại Cường, Kim Đường, Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1		1	4 xã	2018-2019	6000m		50.000	50.000	50.000			50.000		50.000		27.507	22.493		1	UBND huyện Ứng Hòa	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Hoa Sơn đi Cao Thành huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1		1	xã Hoa Sơn, Cao Thành	2019	1340m		14.915	14.915	14.915			14.915		14.915			14.915		1	UBND huyện Ứng Hòa	
4	Đường liên xã từ xã Đội Bình, xã Hồng Quang đi xã Tân Sơn tỉnh Hà Nam (Điểm đầu giáp Quốc lộ 21B, điểm cuối Đến Đức Thánh Cả thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang).	1		1	xã Hồng Quang, Hà Nội và xã Tân Sơn, tỉnh Hà Nam	2019-2020	3000m2		30.000	30.000	30.000			30.000		30.000			17.842	12.158	1	UBND huyện Ứng Hòa	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trạm bơm Ngõ Xá đến Kênh Tân Phương, huyện Ứng Hòa	1		1	TT Văn Đình	2020	5300m		19.765	19.765	19.765		400	19.765		19.765				19.765	1	UBND huyện Ứng Hòa	
6	Đường giao thông liên xã Hòa Nam đi Hòa Phú, Hòa Lâm (GĐ 2)	1		1	Xã Hòa Nam, Hòa Phú,	2019-2020	3427m		28.000	28.000	28.000			28.000		28.000			16.000	12.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
7	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đại Cường-Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1		1	Xã Đại Cường, Đông Lỗ	2020	1663m		19.541	19.541	19.541			19.541		19.541				19.541	1	UBND huyện Ứng Hòa	
8	Đường giao thông liên xã làng nghề Vũ Ngoại, Liên Bạt đi Trường Thịnh, Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hoà, TP Hà Nội	1		1	Xã Liên Bạt, Trường Thịnh,	2020	2494m		20.786	20.786	20.786			20.786		20.786				20.786	1	UBND huyện Ứng Hòa	
18	THỊ XÃ SƠN TÂY	17	1	16					657.744	476.909	420.000	56.909	127.203	420.000	83.000	337.000	84.250	84.250	84.250	84.250	17		
A	GIAO THÔNG	6		6					233.477	116.853	104.000	12.853	81.800	110.000	45.000	65.000	15.000		11.000	39.000	6		
I	Dự án chuẩn tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	3		3					165.517	50.500	44.000	6.500	81.500	50.000	35.000	15.000	15.000				3		
1	Hệ thống chiếu sáng tỉnh lộ 413 và đường liên xã trên địa bàn TX Sơn Tây	1		1	Sơn Tây	2015-2016	5500m	615/QĐ-UBND 13/7/2011	41.180	18.500	12.000	6.500	18.000	12.000	12.000						1	UBND thị xã Sơn Tây	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 80%
2	Đường QL 21 đi Học viện Phòng không Không quân	1		1	Phường Trung Sơn Trầm	2015-2017	5100m	1746/QĐ-UBND 28/10/2011; 1308; 30/10/2015	76.251	21.000	21.000		42.000	21.000	11.000	10.000	10.000				1	UBND thị xã Sơn Tây	
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Chùa Mía-Lăng Ngõ Quyền-Xuân Sơn.	1		1	Xã Đường Lâm Xuân Sơn	2015-2017	3125m	1772/QĐ-UBND 31/10/2014; 762/QĐ-UBND 31/10/2014	48.086	17.000	17.000		21.500	17.000	12.000	5.000	5.000				1	UBND thị xã Sơn Tây	

STT	Huyện/Thị xã	Tổng số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HIT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Nguồn vốn thực hiện 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2015	Ngân sách Thành phố hỗ trợ 5 năm 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú	
			B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	NS Thành phố	NS Huyện		Tổng số	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019				Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
II	Dự án khởi công mới năm 2016	1		1					11.607	10.000	10.000		300	10.000	10.000						1		
I	Đường liên xã Xuân Sơn đi Yên Mỹ- Thanh Mỹ	1		1	Xã Thanh Mỹ - Kim Sơn	2016	1200m	1312/QĐ-UBND 31/10/2014; 321/QĐ-UBND 22/01/2016	11.607	10.000	10.000		300	10.000	10.000						1	UBND thị xã Sơn Tây	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	2		2					56.353	56.353	50.000	6.353		50.000		50.000			11.000	39.000	2		
I	Đường từ phố Quang Trung đi Đền Và phường Trung Hưng	1		1	Phường Trung Hưng	2019-2020	1580m		31.353	31.353	28.000	3.353		28.000		28.000			11.000	17.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
2	Đường liên xã Thanh Mỹ đi xã Kim Sơn (TL 414 đi TL 416) GD1	1		1	Xã Thanh Mỹ- Kim Sơn	2020	2700m		25.000	25.000	22.000	3.000		22.000		22.000				22.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
B	TRƯỜNG HỌC	10		10					304.665	286.806	256.750	30.056	12.000	256.750	20.000	236.750	34.000	84.250	73.250	45.250	10		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1		1					29.800	16.000	16.000		10.000	16.000	10.000	6.000	6.000				1		
I	Trường THCS Phú Thịnh	1		1	Phú Thịnh	2015-2017	3000m2	1311/QĐ-UBND 31/10/2014	29.800	16.000	16.000		10.000	16.000	10.000	6.000	6.000				1	UBND thị xã Sơn Tây	
II	Dự án mới khởi công năm 2016	1		1					29.922	26.000	26.000		1.000	26.000	10.000	16.000	16.000				1		
I	Trường THCS Sơn Tây GD I	1		1	Thị xã Sơn Tây	2016-2020	2742m2	1158/QĐ-UBND 29/9/2014	29.922	26.000	26.000		1.000	26.000	10.000	16.000	16.000				1	UBND thị xã Sơn Tây	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020	8		8					244.943	244.806	214.750	30.056	1.000	214.750		214.750	12.000	84.250	73.250	45.250	8		
I	Trường Tiểu học Khu B xã Cổ Đông	1		1	Xã Cổ Đông	2017-2018	Nhà lớp 3 tầng	1775/QĐ-UBND 31/12/2014	29.953	29.900	26.000	3.900	500	26.000		26.000	12.000	14.000			1	UBND thị xã Sơn Tây	
2	Trường mầm non trung tâm xã Cổ Đông	1		1	Xã Cổ Đông	2018-2019	Nhà lớp học 3 tầng		29.984	29.900	26.000	3.900		26.000		26.000		12.000	14.000		1	UBND thị xã Sơn Tây	
3	Trường mầm non Thanh Mỹ	1		1	Xã Thanh Mỹ	2018	Nhà hiệu bộ 3 tầng, Nhà lớp học 2 tầng		14.998	14.998	14.000	998		14.000		14.000		14.000			1	UBND thị xã Sơn Tây	
4	Trường mầm non Kim Sơn	1		1	Xã Kim Sơn	2018-2019	Nhà lớp học 3 tầng		26.971	26.971	24.000	2.971	500	24.000		24.000		12.000	12.000		1	UBND thị xã Sơn Tây	
5	Trường THCS Sơn Tây (Giai đoạn 2)	1		1	Phường Quang Trung	2018-2019	Xây dựng 02 nhà lớp học 4 tầng; khối nhà đa năng.		43.588	43.588	35.250	8.338		35.250		35.250		17.250	18.000		1	UBND thị xã Sơn Tây	
6	Trường THCS Phú Thịnh (Giai đoạn 2)	1		1	Phường Quang Trung	2018-2019	Khối học tập; Khối phục vụ học tập nhà đa năng		40.404	40.404	35.000	5.404		35.000		35.000		15.000	20.000		1	UBND thị xã Sơn Tây	
7	Trường Tiểu học Trung Sơn Trầm	1		1	Phường Trung Sơn Trầm	2019-2020	Nhà lớp học 3 tầng,phụ trợ		29.291	29.291	26.500	2.791		26.500		26.500			9.250	17.250	1	UBND thị xã Sơn Tây	
8	Trường THCS Viên Sơn	1		1	Phường Viên Sơn	2020	Nhà lớp học 3 tầng, phụ trợ		29.754	29.754	28.000	1.754		28.000		28.000				28.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
C	VĂN HÓA THỂ THAO	1	1						119.602	73.250	59.250	14.000	33.403	53.250	18.000	35.250	35.250				1		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015	1	1						119.602	73.250	59.250	14.000	33.403	53.250	18.000	35.250	35.250				1		
I	Trung tâm văn hoá - thể thao Thị xã Sơn Tây	1	1		TX Sơn Tây	2015-2017	12500 m2 sân Xd	5310/QĐ-UBND 27/10/2010	119.602	73.250	53.250	20.000	33.403	53.250	18.000	35.250	35.250				1	UBND thị xã Sơn Tây	NS Thành phố hỗ trợ 80%

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020

NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ

Kèm theo Báo cáo số 159 /BC-UBND ngày 19 /6/2017 của UBND Thành phố

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Dự kiến kế hoạch 2016-2020						CTHT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
	TỔNG CỘNG	66				1.307.059	261.374	955.000	195.000	190.000	190.000	190.000	190.000	66		
	DỰ PHÒNG							95.500			31.500	32.000	32.000			
	PHÂN BỐ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC, TRẠM Y TẾ	66				1.307.059	261.374	859.500	195.000	190.000	158.500	158.000	158.000	66		
	<i>Dự án chuyển tiếp 2016-2017</i>	<i>43</i>				<i>857.643</i>	<i>261.374</i>	<i>451.500</i>	<i>195.000</i>	<i>177.500</i>	<i>79.000</i>			<i>43</i>		
	<i>Dự án mới dự kiến khởi công 2017-2020</i>	<i>23</i>				<i>449.416</i>		<i>408.000</i>		<i>12.500</i>	<i>79.500</i>	<i>158.000</i>	<i>158.000</i>	<i>23</i>		
A	CÁC DỰ ÁN ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN	46				932.023	261.374	517.500	195.000	190.000	117.000	15.500		46		
I	<i>Dự án chuyển tiếp 2016-2017</i>	<i>43</i>				<i>857.643</i>	<i>261.374</i>	<i>451.500</i>	<i>195.000</i>	<i>177.500</i>	<i>79.000</i>			<i>43</i>		
1	Trường THCS Đường Lâm thị xã Sơn Tây	1	Sơn Tây	2012-2016	985/QĐ-UBND 29/10/2010; 752/QĐ-UBND 31/8/2012	29.958	23.400	3.000	3.000					1	UBND thị xã Sơn Tây	
2	Trường Tiểu học Phú Thịnh	1	Sơn Tây	2012-2016	1723/QĐ-UBND 22/9/2010; 1096/QĐ-UBND 16/9/2014	13.229	7.500	3.500	3.500					1	UBND thị xã Sơn Tây	
3	Trường mầm non Tổng Bạt - khu Đồi Dã	1	Ba Vì	2016-2017	462/QĐ-UBND 07/6/2011; 1265/QĐ-UBND 15/10/2014	14.993		13.500	4.000	9.500				1	UBND huyện Ba Vì	
4	Trường mầm non trung tâm xã Trung Hòa	1	Chương Mỹ	2015-2016	6170/QĐ-UBND 24/10/2011	14.997	5.500	5.500	5.500					1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Trường THCS Phụng Châu, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2015-2018	1325/QĐ-UBND 23/10/2013	29.520	10.300	17.500	6.000	5.500	6.000			1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Trường mầm non trung tâm xã Lam Điền	1	Chương Mỹ	2016-2018	5015/QĐ-UBND 31/10/2012	28.208		26.000	7.000	7.000	12.000			1	UBND huyện Chương Mỹ	
7	Trường Tiểu học Liên Hồng; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học	1	Đan Phượng	2016	1200/QĐ-UBND 27/4/2015	5.500		4.000	4.000					1	UBND huyện Đan Phượng	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Dự kiến kế hoạch 2016-2020						CTHT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
8	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Tiên Hội, xã Đồng Hội	1	Đồng Anh	2016-2018	3282/QĐ-UBND 12/10/2012	29.207	6.450	21.000	5.000	9.000	7.000			1	UBND huyện Đồng Anh	NSTP hỗ trợ 70%, NS huyện bố trí 6 tỷ đồng
9	Trường mầm non thị trấn Trầu Quỳ	1	Gia Lâm	2015-2017	3199/QĐ-UBND 10/10/2014	27.874	8.500	5.000	5.000					1	UBND huyện Gia Lâm	NS huyện bố trí vốn hoàn thành dự án, đưa vào sử dụng năm 2016
10	Xây dựng trường tiểu học Văn Đức	1	Gia Lâm	2016-2017	4163/QĐ-UBND 05/8/2015	17.053		14.500	5.000	9.500				1	UBND huyện Gia Lâm	
11	Trường mầm non Dương Liễu	1	Hoài Đức	2015-2016	3366/QĐ-UBND 24/10/2012	8.843	3.500	3.500	3.500					1	UBND huyện Hoài Đức	
12	Trường mầm non Kim Hoa	1	Mê Linh	2016-2018	6323/QĐ-UBND 23/10/2014	29.264	6.100	19.500	5.000	14.500				1	UBND huyện Mê Linh	NSTP hỗ trợ 70%, NS huyện bố trí 6 tỷ đồng
13	Trường THCS xã Tuy Lai	1	Mỹ Đức	2012-2016	1539/QĐ-UBND 03/8/2011; 2275/QĐ-UBND 27/10/2014	14.991	12.000	2.000	2.000					1	UBND huyện Mỹ Đức	
14	Trường mầm non xã Xuy Xá	1	Mỹ Đức	2013-2016	2397/QĐ-UBND 21/10/2012	14.996	11.500	2.000	2.000					1	UBND huyện Mỹ Đức	
15	Trường THCS Hợp Thanh	1	Mỹ Đức	2015-2017	2129/QĐ-UBND 17/10/2014	14.995	5.300	8.000	4.000	4.000				1	UBND huyện Mỹ Đức	
16	Trường tiểu học Hương Sơn A	1	Mỹ Đức	2015-2017	156/QĐ-UBND 23/01/2013	29.907	10.500	15.000	6.500	8.500				1	UBND huyện Mỹ Đức	
17	Trường tiểu học xã Phù Lưu Tế	1	Mỹ Đức	2015-2017	1899/QĐ-UBND 18/9/2014	29.213	10.200	18.000	5.500	5.000	7.500			1	UBND huyện Mỹ Đức	
18	Trường mầm non TT xã Hồng Sơn khu trung tâm	1	Mỹ Đức	2016-2018	1311/QĐ-UBND 11/7/2014	29.989		28.000	7.500	4.000	16.500			1	UBND huyện Mỹ Đức	
19	Xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực Tri Thủy	1	Phú Xuyên	2013-2015	3455/QĐ-SYT-KH 30/10/2010	14.945	9.000	3.000	3.000					1	UBND huyện Phú Xuyên	
20	Trường mầm non Văn Hoàng	1	Phú Xuyên	2015-2017	5033/QĐ-UBND 17/10/2014	14.329	5.000	7.500	4.000	3.500				1	UBND huyện Phú Xuyên	
21	Trường THCS thị trấn Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2015-2017	4807/QĐ-UBND 03/10/2014	14.776	5.000	8.000	4.000	4.000				1	UBND huyện Phú Xuyên	
22	Trường mầm non trung tâm Minh Tân	1	Phú Xuyên	2016-2018	716/QĐ-UBND 04/3/2015	24.000		22.500	6.500	6.000	10.000			1	UBND huyện Phú Xuyên	
23	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Ngọc Tảo	1	Phúc Thọ	2016-2018	3457/QĐ-SYT 30/10/2010	14.753	9.000	4.000	2.000	2.000				1	UBND huyện Phúc Thọ	
24	Trường tiểu học xã Liên hiệp huyện Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	2015-2017	4044a/QĐ-UBND 20/10/2014	19.657	6.800	10.000	5.000	5.000				1	UBND huyện Phúc Thọ	
25	Cải tạo nâng cấp trường mầm non xã Ngọc Tảo	1	Phúc Thọ	2016-2018	5608/QĐ-UB 31/12/2013	14.500		13.000	4.000	4.000	5.000			1	UBND huyện Phúc Thọ	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Dự kiến kế hoạch 2016-2020						CTHT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
26	Trường mầm non trung tâm xã Sài Sơn	1	Quốc Oai	2015-2017	2994/QĐ-UBND 11/10/2010; 4545a/QĐ-UBND 12/12/2014	13.787	4.000	9.000	3.000	6.000				1	UBND huyện Quốc Oai	
27	Trường THCS Đồng Quang	1	Quốc Oai	2016-2018	2575/QĐ-UBND 20/10/2015	14.816		12.000	5.000	7.000				1	UBND huyện Quốc Oai	
28	Trường Tiểu học xã Thạch Thán	1	Quốc Oai	2015-2017	3541/QĐ-UBND 21/10/2009; 4790/QĐ-UBND 22/12/2014	19.483	5.300	12.500	4.000	8.500				1	UBND huyện Quốc Oai	
29	Trường mầm non Tân Minh khu B	1	Sóc Sơn	2014-2016	4772/QĐ-UBND 3/9/2013	26.708	10.424	5.000	5.000					1	UBND huyện Sóc Sơn	Huyện đã chi 6,4 tỷ đồng để thực hiện công tác GPMB
30	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Trung Giã (khu B)	1	Sóc Sơn	2016-2018	6263/QĐ-UBND 29/10/2013	20.000		14.000	5.000	9.000				1	UBND huyện Sóc Sơn	Huyện đã bố trí 3,6 tỷ đồng thực hiện dự án
31	Nhà trẻ 19/5 thị trấn Liên Quan	1	Thạch Thất	2016-2018	5850/QĐ-UBND 21/8/2014	29.930		19.000	8.000	11.000				1	UBND huyện Thạch Thất	NS huyện đã ứng 7,5 tỷ phục vụ GPMB và xây lắp
32	Trường THCS xã Phương Trung	1	Thanh Oai	2015-2017	2867/QĐ-UBND 29/10/2010	14.620	5.000	7.500	4.000	3.500				1	UBND huyện Thanh Oai	
33	Trường THCS xã Liên Châu	1	Thanh Oai	2016-2017	1223b/QĐ-UBND 25/10/2012	14.961	5.300	7.500	4.000	3.500				1	UBND huyện Thanh Oai	
34	Trường MN thôn Đan Viên xã Cao Viên	1	Thanh Oai	2016-2018	1419/QĐ-UBND 24/10/2011; 2163/QĐ-UBND 28/10/2015	14.976		12.000	6.000	6.000				1	UBND huyện Thanh Oai	
35	Xây dựng trung tâm y tế huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì	2013-2015	306/QĐ-KH&ĐT 29/10/2012	29.963	20.000	4.000	4.000					1	UBND huyện Thanh Trì	
36	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Vạn Phúc, huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì	2015-2017	6082/QĐ-UBND 30/10/2014	11.732	4.000	6.500	3.000	3.500				1	UBND huyện Thanh Trì	
37	Trường mầm non trung tâm xã Nhị Khê	1	Thường Tín	2013-2015	1436/QĐ-UBND 07/5/2013	24.887	17.000	3.000	3.000					1	UBND huyện Thường Tín	
38	Trường THCS xã Tự Nhiên	1	Thường Tín	2015-2017	2889/QĐ-UBND 22/10/2010; 669/QĐ-UBND 20/4/2015	23.705	7.000	5.000	5.000					1	UBND huyện Thường Tín	NSTP hỗ trợ 70%, NS huyện bố trí phần còn lại
39	Trường THCS Quất Động	1	Thường Tín	2016-2018	3660/QĐ-UBND 12/5/2014	9.487		7.500	4.000	3.500				1	UBND huyện Thường Tín	
40	Phòng khám đa khoa khu vực Lưu Hoàng	1	Ứng Hòa	2013-2014	3456/QĐ-SYT 30/10/2010	14.900	9.000	2.000	2.000					1	UBND huyện Ứng Hòa	
41	Trường THCS xã Đội Bình	1	Ứng Hòa	2015-2017	810/QĐ-UBND 17/10/2014	14.970	5.300	8.000	4.000	4.000				1	UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Dự kiến kế hoạch 2016-2020						CTHT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
42	Trường mầm non trung tâm xã Đại Cường	1	Ứng Hòa	2015-2017	600/QĐ-UBND 26/10/2013	29.921	13.500	12.500	6.500	6.000				1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bố trí 3 tỷ đồng
43	Trường THCS xã Hòa Nam	1	Ứng Hòa	2016-2018	149/QĐ-UBND 28/3/2014	29.100		27.000	7.000	5.000	15.000			1	UBND huyện Ứng Hòa	
II	Dự án mới dự kiến khởi công 2017-2020	3				74.380		66.000		12.500	38.000	15.500		3		
1	Trường mầm non khu trung tâm Thượng Vực, xã Thượng Vực	1	xã Thượng Vực	2017-2018	9136/QĐ-UBND 20/10/2016	25.507		23.000		8.000	15.000			1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Trường tiểu học xã Văn Tự	1	Thường Tín	2017-2018	6000/QĐ-UBND 28/10/2016	13.894		12.500		4.500	8.000			1	UBND huyện Thường Tín	
3	Xây dựng phòng khám đa khoa Lê Lợi, thị xã Sơn Tây	1	Sơn Tây	2018-2019	167/HĐND-KTNS 05/5/2016	34.979		30.500			15.000	15.500		1	UBND thị xã Sơn Tây	
B	CÁC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN	20				375.036		342.000			41.500	142.500	158.000	20		
II	Dự án mới dự kiến khởi công 2017-2020	20				375.036		342.000			41.500	142.500	158.000	20		
1	Nâng cấp trường Mầm non Phong Vân	1	Ba Vì	2018-2020		23.000								1	UBND huyện Ba Vì	
2	Nâng cấp trường Mầm non Sơn Đà A	1	Ba Vì	2018-2020		20.000								1	UBND huyện Ba Vì	
3	Trường Mầm non non Nam Phương Tiến B	1	xã Nam Phương Tiến	2018-2020		9.103								1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Trường mầm non Đan Phượng	1	Đan Phượng	2018-2020		14.978								1	UBND huyện Đan Phượng	
5	Xây dựng trung tâm Mầm non Vông La	1	Đông Anh	2018-2020		19.000								1	UBND huyện Đông Anh	
6	Trạm y tế Trâu Quỳ	1	Gia Lâm	2018-2020		11.340								1	UBND huyện Gia Lâm	
7	Trường tiểu học Sơn Đồng	1	Hoài Đức	2018-2020		13.198								1	UBND huyện Hoài Đức	
8	Trường tiểu học Quang Minh A	1	Mê Linh	2018-2020		27.000								1	UBND huyện Mê Linh	
9	Trường Mầm non Lê Thanh A	1	Mỹ Đức	2018-2020		20.000								1	UBND huyện Mỹ Đức	
10	Trường mầm non trung tâm xã Phương Dục	1	Phú Xuyên	2018-2020		25.500								1	UBND huyện Phú Xuyên	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Dự kiến kế hoạch 2016-2020						CTHT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19
11	Trường Mầm non Văn Phúc	1	Phúc Thọ	2018-2020		25.000								1	UBND huyện Phúc Thọ	
12	Xây mới trường mầm non Sài Sơn C	1	Quốc Oai	2018-2020		27.000								1	UBND huyện Quốc Oai	
13	Xây dựng trường mầm non Xuân Thu (khu trung tâm)	1	Sóc Sơn	2018-2020		12.988								1	UBND huyện Sóc Sơn	
14	Trung THCS Tân Minh B	1	Sóc Sơn	2018-2020		14.500								1	UBND huyện Sóc Sơn	
15	Trường THCS Hạ Bằng huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2018-2020		26.500								1	UBND huyện Thạch Thất	
16	Trường Mầm non trung tâm xã Kim An	1	Thanh Oai	2018-2020		12.500								1	UBND huyện Thanh Oai	
17	Trường tiểu học xã Thanh văn	1	Thanh Oai	2018-2020		14.900								1	UBND huyện Thanh Oai	
18	Xây mới trạm y tế xã Thanh Liệt	1	Thanh Trì	2018-2020		11.529								1	UBND huyện Thanh Trì	
19	Trường mầm non Văn Phú huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2018-2020		26.000								1	UBND huyện Thường Tín	
20	Trường Mầm Non trung tâm xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hoà	1	Ứng Hòa	2018-2020		21.000								1	UBND huyện Ứng Hòa	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN VAY NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC TẠM THỜI NHÀN RỎI NĂM 2017

Kèm theo Báo cáo số 159 /BC-UBND ngày 19 /6/2017 của UBND Thành phố

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Nhu cầu bổ sung vốn năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					
1	2	3	4	5	6	7	8	8	8	9
	TỔNG SỐ	24			21.388.117	3.995.674	870.950	2.000.000		Theo VB số 559/BTC-KBNN ngày 26/5/2017, tạm ứng 2.000 tỷ đồng từ ngân quỹ nhà nước cho TPHN
1	Các dự án hạ tầng khung trên địa bàn huyện Gia Lâm	13			2.720.313					
1	Cải tạo, nâng cấp đường Tỉnh lộ 179 đoạn từ Dốc Lờ đến cầu vượt Phú Thị, huyện Gia Lâm	1	Gia Lâm		357.015				UBND huyện Gia Lâm	
2	Xây dựng đường 179 (đoạn từ cầu vượt Phú Thị đến hết địa phận huyện Gia Lâm)	1	Gia Lâm		269.237				UBND huyện Gia Lâm	
3	Xây dựng tuyến đường gom từ Cầu Thanh Trì đến cầu vượt Phú Thị	1	Gia Lâm		103.250				UBND huyện Gia Lâm	
4	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch Dốc Lã - Ninh Hiệp - Phú Đồng (đoạn từ Dốc Lã đến Quốc lộ 1).	1	Gia Lâm		384.612				UBND huyện Gia Lâm	
5	Xây dựng đường đê tả sông Hồng theo quy hoạch đoạn từ Đông Dư đi Bát Trảng	1	Gia Lâm		66.559				UBND huyện Gia Lâm	
6	Xây dựng đường đê tả Đuống theo quy hoạch đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phú Đồng	1	Gia Lâm		168.452				UBND huyện Gia Lâm	
7	Xây dựng tuyến đường quy hoạch từ đường 179 đến đường gom Hà Nội - Hải Phòng	1	Gia Lâm		90.639				UBND huyện Gia Lâm	
8	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Dương Xá - Đông Dư đến ga Phú Thị	1	Gia Lâm		202.033				UBND huyện Gia Lâm	
9	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 25m từ Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp	1	Gia Lâm		100.117				UBND huyện Gia Lâm	
10	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê sông Đuống đến đường Dốc Lã Ninh Hiệp	1	Gia Lâm		348.927				UBND huyện Gia Lâm	
11	Xây dựng đường 40m nối từ đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phú Đồng đến hết địa phận Gia Lâm	1	Gia Lâm		145.600				UBND huyện Gia Lâm	
12	Xây dựng tuyến đường đê hữu Đuống từ Dốc Lờ Đặng Xá đến Lệ Chi	1	Gia Lâm		107.972				UBND huyện Gia Lâm	
13	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 25m từ đường Phan Đăng Lưu đến Yên Thường	1	Gia Lâm		375.900				UBND huyện Gia Lâm	

STT	Danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Nhu cầu bổ sung vốn năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					
I	2	3	4	5	6	7	8	8	8	9
II	Các dự án trọng điểm cần đẩy nhanh tiến độ GPMB	1			7.971.000					
14	Vành đai 1: đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục (bao gồm 02 cầu vượt: qua đường Láng Hạ và đường Nguyễn Chí Thanh)	1	Đống Đa, Ba Đình		7.971.000				BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
III	Các dự án chuyển tiếp	10			10.696.804	3.995.674	870.950			
15	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê (đoạn từ dốc La Pho đến Cổng Đò)	1	Tây Hồ	574/QĐ-UBND 03/02/2009; 7079/QĐ-UBND 23/12/2015	421.764	121.023	120.000		UBND quận Tây Hồ	Bổ sung vốn để tập trung quyết liệt hoàn thành công trình trong năm 2017
16	Xây dựng tuyến đường nối đường 70 chạy dọc mương Hoà Bình	1	Thanh Trì	4193/QĐ-UBND 18/8/2009; 3226/QĐ-UBND 19/6/2014	248.833	87.062			UBND huyện Thanh Trì	Bổ sung vốn để tập trung quyết liệt hoàn thành công trình trong năm 2018
17	Xây dựng đường nối Pháp Vân tới khu đấu giá Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp	1	Thanh Trì	5317/QĐ-UBND 27/10/2010; 5324/QĐ-UBND 14/11/2012	176.724	102.181			UBND huyện Thanh Trì	Bổ sung vốn để tập trung quyết liệt hoàn thành công trình trong năm 2019
18	Xây dựng mở rộng Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây giai đoạn 1	1	Thường Tín	2188/QĐ-UBND 13/5/2011; 6517/QĐ-UBND 30/10/2013; 561/QĐ-UBND 01/02/2016	457.144	379.130	30.000		Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	Bổ sung vốn để tập trung quyết liệt hoàn thành công trình trong năm 2020
19	Cải tạo, xây dựng Trường Cán bộ Đội Lê Duẩn GD2	1	Q. Ba Đình	6635/QĐ-UBND 21/12/2009; 7307/QĐ-UBND; 30/12/2015	113.400	55.600	7.000		Trường Cán bộ Đội Lê Duẩn	Bổ sung vốn để tập trung quyết liệt hoàn thành công trình trong năm 2021
20	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016	4.253.765	2.116.126	260.950		Sở Nông nghiệp và PTNT	Bổ sung vốn để tập trung quyết liệt hoàn thành công trình trong năm 2022
21	Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1	Hà Đông	1834/QĐ-UBND 23/02/2013	3.916.491	613.200	300.000		Sở Nông nghiệp và PTNT	Bổ sung vốn để tập trung quyết liệt hoàn thành công trình trong năm 2023
22	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối và kiên cố hoá hệ thống kênh trạm bơm Hồng Vân	1	Thường Tín, Thanh Trì, Phú Xuyên	5329/QĐ-UBND 28/10/2010; 362/QĐ-UBND 23/11/2015	256.542	137.210	13.000		BQLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT	Bổ sung vốn để tập trung quyết liệt hoàn thành công trình trong năm 2024

STT	Danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Dự án/ chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Nhu cầu bổ sung vốn năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư					
1	2	3	4	5	6	7	8	8	8	9
23	Xây dựng trạm bơm tưới Thụy Phú II, huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	4837/QĐ-UBND 24/10/2012	144.834	35.100	40.000		Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi sông Nhuệ	Bổ sung vốn để tập trung quyết liệt hoàn thành công trình trong năm 2025
24	Đầu tư trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn và cơ sở vật chất cho các phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực Đống Đa, Gia Lâm, Thường Tín, Ứng Hòa, Đan Phượng và Thạch Thất	1	Hà Nội	6516/QĐ-UBND; 30/10/2013	707.307	349.042	100.000		Cảnh sát PCCC thành phố Hà Nội	Bổ sung vốn để tập trung quyết liệt hoàn thành công trình trong năm 2026

DANH MỤC DỰ ÁN TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẰNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP TỪ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG GIAI ĐOẠN 2017-2020 CỦA THÀNH PHỐ

Kèm theo Báo cáo số **159** /BC-UBND ngày **19** /6/2017 của UBND Thành phố

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bỏ tri/đã giải ngân đến hết năm 2016	Vốn doanh nghiệp hỗ trợ	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	4					296.618	7.670	288.948		
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP	1					38.863	7.670	31.193		
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường số 1 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	1	Tây Hồ	2015-2017	627,74m x 50m	2147/QĐ-UBND ngày 14/5/2010; 5443/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	38.863	7.670		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án thuộc phần tuyến đường Vành đai 2,5 cần sớm triển khai hoàn thành. Chi phí xây lắp sử dụng nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH Phát triển THT. Chi phí GPMB từ ngân sách Thành phố ứng qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (thực hiện theo dự án riêng)
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI	3					257.755		257.755		
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường số 2 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	1	Cầu Giấy	2018-2020	604,7m x 40m	413/QĐ-KH&ĐT ngày 3/8/2010	43.768			Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án sử dụng nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH Phát triển THT. Một phần đoạn tuyến (400/600m) trùng với tuyến đường Trần Cung; Chi phí GPMB từ ngân sách Thành phố ứng qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (thực hiện theo dự án riêng)
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường số 3 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	1	Bắc Từ Liêm	2015-2017	780,6m x 40m	2148/QĐ-UBND ngày 14/5/2010; 5442/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	127.273			Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án sử dụng nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH Phát triển THT. Năm 2017, Công ty đã chuyển 10 tỷ đồng để triển khai khởi công tuyến đường. Chi phí GPMB từ ngân sách Thành phố ứng qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (thực hiện theo dự án riêng)
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường số 5 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	1	Bắc Từ Liêm	2018-2020	582,04m x 5 0m	4882/QĐ-UBND ngày 26/10/2012	86.714			Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án sử dụng nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH Phát triển THT; Chi phí GPMB từ ngân sách Thành phố ứng qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (thực hiện theo dự án riêng)